

Câu 1: Trong 320 năm hình thành và phát triển vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai, nhân dân Đồng Nai đã trải qua những cuộc kháng chiến nào? Hãy trình bày cảm nhận của anh (chị) về truyền thống đấu tranh cách mạng của nhân dân Biên Hòa – Đồng Nai

Trong dân gian có câu: “*Làm trai cho đáng nên trai
Phú Xuân đã trải, Đồng Nai cũng từng*”.

“Đồng Nai”, tên gọi thân thương từ rất xa xưa của miền đất Nam kỳ lục tỉnh. Đồng Nai là vùng đất màu mỡ, trù phú có từ rất lâu đời và chính thức đặt tên trên bản đồ đất Việt vào năm 1698 khi Lễ thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh kinh lược xứ Đàng Trong, xác định chủ quyền và ổn định vùng đất phía Nam của Tổ quốc. Con người Đồng Nai vốn thật thà chất phác, giỏi nghề buôn bán, siêng việc ruộng nương. Ấy thế mà, khi quân thù xâm lược, không chịu kiếp nô lệ, gông cùm xiềng xích, cái cuốc cái cày đã hóa thành vũ khí, người dân tay lấm chân bùn biến thành chiến sĩ, mảnh đất tốt tươi là bẫy chông hào rộng vừa bảo vệ quê hương vừa tiêu diệt kẻ thù. Bao nhiêu năm chịu cảnh lầm than dưới gót giày xâm lược của thực dân và đế quốc, nhưng “*miền Đông gian lao và anh dũng*” vẫn luôn kiên trung, bất khuất.

Trong suốt dòng chảy lịch sử, trải qua 320 năm, với lòng yêu quê hương, tính cần cù, chịu thương chịu khó cộng tinh thần “*thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ*”, từ hai bàn tay không, quân dân Đồng Nai càng chiến đấu càng trưởng thành, vượt qua gian khổ, hy sinh, anh dũng cùng với cả nước vượt qua mọi cuộc đàn áp, xâm lấn của kẻ thù là Thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, làm nên những chiến công hiển hách:

1. NHỮNG CUỘC KHÁNG CHIẾN TIÊU BIỂU CHỐNG THỰC DÂN PHÁP CỦA QUÂN DÂN ĐỒNG NAI

1.1 Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp lần thứ nhất

1.1.1 Các cuộc khởi nghĩa của sĩ phu yêu nước

Sau khi hạ đồn Kỳ Hoà, liên minh quân Pháp và Tây Ban Nha tiến đánh Biên Hoà. Kế hoạch đánh chiếm Biên Hoà của quân Pháp được vạch ra bởi đô đốc Bonard.

Tỉnh Biên Hoà năm 1861 do Tuần phủ Nguyễn Đức Hoan và Án sát Lê Khai Cán phụ trách. Trước âm mưu của quân Pháp, vua Tự Đức cử Khâm sai đại thần

Nguyễn Bá Nghi vào Biên Hoà tiếp viện, phòng thủ với khoảng 15.000 quân ngăn chặn sự bành trướng của Pháp ra các vùng kế cận. Khâm sai đại thần Nguyễn Bá Nghi với chủ trương nghị hoà nhưng bất thành.

Sau nhiều lần do thám và vạch định kế hoạch, Ngày 13 tháng 12 năm 1861, Chuẩn đô đốc Bonard gửi tới hậu thư cho Nguyễn Bá Nghi đòi triệt thoái các pháo đài và vật cản trên sông Đồng Nai. Chưa nhận được trả lời, ngày 14 tháng 12 năm 1861, thực dân Pháp đưa quân tiến đánh Biên Hoà. Cuộc tấn công này do Chuẩn đô đốc chỉ huy trưởng Bonard soạn thảo chiến thuật tấn công gọng kìm bằng đường thuỷ và đường bộ bằng 4 cánh quân.

Ngày 17 tháng 12 năm 1861, các cánh liên quân Pháp – Tây Ban Nha sau khi triệt thoái các điểm án ngữ của quân đội nhà Nguyễn đã tiến thẳng đến trước thành Biên Hoà. Chuẩn đô đốc Bonard đích thân chỉ huy trận tấn công trên tàu Ondine. Các cánh quân địch trên bộ và tàu địch dàn trận rồi nã đại bác vào thành Biên Hoà. Với lực lượng hoả lực mạnh, đại bác địch liên tục nã pháo phá thành, mở đường cho bộ binh tiến vào. Quân đội nhà Nguyễn chống trả quyết liệt.

Trước sức tấn công của địch, vào đêm ngày 17 tháng 12, Khâm sai đại thần Nguyễn Bá Nghi bí mật ra lệnh cho quân rút khỏi thành Biên Hoà, băng qua vùng rừng núi Phước Tuy, chạy về Bình Thuận. Ngày 18 tháng 12 năm 1861, quân Pháp tiến vào thành Biên Hoà bỏ trống, cho lực lượng bộ binh đóng giữ.

Số quân của triều đình còn lại ở Biên Hoà do Hiệp tá quân vụ Thân Văn Nhiếp và Khâm phái quân vụ Nguyễn Túc Trung theo lệnh triều đình rút về Tân Hoà để hiệp cùng quân Trương Định.

Tháng 2 năm 1862 thế lực của nghĩa quân Trương Định phát triển mạnh và được nhân dân Biên Hoà ủng hộ tích cực.

Ngày 5-6-1862 triều đình Huế nhu nhược đã ký hòa ước Nhâm Tuất nhượng cho Pháp 3 tỉnh miền Đông, nhân dân Biên Hoà và miền Đông kiên quyết chống Pháp đã tôn Trương Định làm Bình Tây đại nguyên soái để tiếp tục kháng Pháp. Thể hiện ý nguyện của toàn dân miền Đông quyết chiến đấu để giành độc lập, không đầu hàng giặc Pháp, đêm 17-12-1862 rạng sáng 18-12-1862 nghĩa quân Trương Định chia làm hai mũi đánh chiếm đồn Đồng Môn (Long Thành), tên tri huyện tay sai của thực dân Pháp bị bắt sống.

Từ đầu tháng 1-1863, nghĩa quân ở Biên Hoà bao gồm cả người Việt và người dân tộc liên tục tiến công các vị trí quân Pháp ở Đông bắc Biên Hoa gây khó khăn và nhiều thiệt hại cho chúng: phá hoại, cắt đứt đường dây điện thoại Biên Hoà-Bà Rịa-Sài Gòn-Cap Saint Jacques; tấn công các căn cứ giặc Pháp làm cho chúng không dám ra khỏi đồn lũy.

Ngày 20-8-1864 do có người phản bội, căn cứ nghĩa quân Trương Định ở Tân Phước bị địch đánh úp, vì không muốn rơi vào tay giặc nên tướng Trương

Định đã dùng gươm tự sát. Sau khi Trương Định mất, Phan Chính rút về Giao Loan (Rừng Lá) xây dựng căn cứ. Con trai Trương Định là Trương Quyền cũng đưa nghĩa quân về phối hợp với Phan Chính. Ngoài căn cứ Giao Loan, nghĩa quân Biên Hòa còn xây dựng căn cứ Bàu Cá (Trảng Bom). Nhân dân Biên Hòa và các tỉnh miền Đông đã về đây tham gia chiến đấu, thường xuyên tấn công địch ở Biên Hòa – Gia Định.

Đầu năm 1865 quân Pháp tấn công căn cứ Giao Loan, Phan Chính rút chạy, Trương Quyền đưa nghĩa quân về Tây Ninh. Cuộc kháng chiến ở Biên Hòa do các văn thân lãnh đạo tạm thời lắng lại.

Có thể nói, trong lúc triều đình Huế ký hiệp ước Nhâm Tuất 1864, nhân dân Biên Hòa và miền Đông vẫn kiên quyết chiến đấu. Điều này cho thấy tinh thần và ý chí độc lập của nhân dân Biên Hòa và nhân dân ba tỉnh miền Đông là rất cao.

1.1.2 Cuộc kháng chiến của Hội kín chống Pháp ở Biên Hòa do ông Đoàn Văn Cự lãnh đạo

Phong trào chống thực dân Pháp ở Biên Hòa đầu thế kỷ XX diễn ra sôi nổi. Trong đó, có tổ chức yêu nước được thành lập dưới hình thức Hội kín. Ở Biên Hòa có tổ chức Hội kín do ông Đoàn Văn Cự lãnh đạo.

Ông Đoàn Văn Cự sinh năm 1835, quê tại làng Bình An, Thủ Đức (vùng này trước đây thuộc tỉnh Biên Hòa), trong một gia đình nho học. Cha ông là nhà nho uyên thâm, có tinh thần yêu nước. Gia đình ông bị thực dân Pháp theo dõi. Đoàn Văn Cự đưa gia đình đến vùng Bung Kiệu, Vĩnh Cửu (khu vực Tam Hòa ngày nay) sinh sống. Dưới danh nghĩa một người dạy học, bốc thuốc chữa bệnh, ông đi nhiều địa bàn tuyên truyền về việc tập hợp nghĩa quân chờ thời cơ đánh Pháp.

Lực lượng của Hội kín do Đoàn Văn Cự lãnh đạo khá đông đảo và có mặt trên địa bàn rộng lớn của tỉnh Biên Hòa thời bấy giờ. Một số hội viên đông đảo tập trung vùng Chợ Đồn, Bình Đa, Cù lao Phố, Núi Nứa (nay thuộc Bà Rịa). Để chuẩn bị cho đại cuộc đánh Pháp, ông cho tích lũy lương thực, mua sắm khí giới, lập lò rèn vũ khí, luyện tập cho nghĩa quân... và chọn vùng rừng Bung Kiệu làm căn cứ.

Thực dân Pháp nắm được tin tức về hoạt động của tổ chức do Đoàn Văn Cự lãnh đạo và theo dõi. Ngày 8 tháng 4 năm 1905, thực dân Pháp cử một đội lính mã tà dưới sự chỉ huy của viên sĩ quan người Pháp bao vây căn cứ Bung Kiệu. Biết được tin, Đoàn Văn Cự tổ chức cho nghĩa quân bố phòng, phúc thời cơ khi địch tấn công vào căn cứ. Thế nhưng, mai phục cả ngày vẫn chưa thấy địch xuất hiện, Đoàn Văn Cự cho nghĩa quân nghỉ ngơi. Thừa lúc sơ hở này, đội lính xiết chặt vòng vây và dẫn quân tiến thẳng vào ngôi nhà Đoàn Văn Cự đang ở.

Trước bàn thờ Tổ, Đoàn Văn Cự trong bộ trang phục uy nghi: đầu chít khăn lụa điều, mình thắt dây lưng màu hồng, hông giắt đoản đao đầu hổ... Khi thấy viên

sĩ quan Pháp dẫn lính vào, Đoàn Văn Cự quắc mắt nhìn và vung đoản đao chém thẳng vào chúng. Viên sĩ quan Pháp bị thương nhưng kịp rút súng bắn thẳng vào Đoàn Văn Cự.

Sau khi giết được thủ lĩnh của Hội kín này, quân lính địch càn phá căn cứ và truy đánh lực lượng nghĩa quân. 16 nghĩa quân bị chúng giết đem chôn cùng xác của cụ Đoàn Văn Cự trong một nấm mồ chung bên dòng Suối Linh.

Hội kín Đoàn Văn Cự tan rã nhưng tinh thần yêu nước, vì đại nghĩa của tổ chức này đã tô thắm trang sử chống ngoại xâm hào hùng của vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai. Hiện nay, trên địa bàn Biên Hòa, mộ chôn Đoàn Văn Cự và 16 nghĩa quân tại Long Bình và đền thờ tại phường Tam Hiệp.



Đền thờ Đoàn Văn Cự và 16 nghĩa binh tọa lạc trên đường Phạm Văn Thuận, phường Tam Hiệp, Thành phố Biên Hòa, Đồng Nai

1.1.3 Cuộc kháng chiến của Hội kín Lâm Trung trại

Trại Lâm Trung là một hình thức tổ chức Hội kín yêu nước hoạt động ở Biên Hoà - Đồng Nai vào thập niên thứ nhất, thế kỷ 20. Những trại viên chủ chốt như Ba Hâu, Năm Hy, Hai Lựu, Lào Lọt, Hai Sở, Ba Vạn, Bảy Phát, Hai Danh, Hai Hồ, Mười Sóc, Mười Tiết... cùng nhiều trại viên khác thành lập hội, căn cứ đóng tại núi Gò Mọi, vùng Thiện Tân, Vĩnh Cửu. Nghĩa quân tham gia trại phần lớn là thanh niên các tổng Phước Vĩnh Trung, Phước Vĩnh Hạ, Chánh Mỹ Trung... (tương đương địa bàn thành phố Biên Hoà và huyện Vĩnh Cửu ngày nay) và một số hương chức, hội tề. Trại chiêu tập người, tổ chức luyện tập võ nghệ, trang bị vũ khí, tích trữ lương thực...chờ thời cơ đánh Pháp.

Những ngày cuối tháng 1 năm 1916, nghĩa quân trại Lâm Trung chia làm nhiều toán tấn công vào các nhà hội (trụ sở hội tề) ở Tân Trạch, Tân Khánh, Tân Lương... và Khám đường Biên Hoà, chợ Tân Uyên (lúc bấy giờ thuộc tỉnh Biên Hoà). Cuộc tấn công làm cho quân Pháp và chính quyền tay sai ở Biên Hoà bất ngờ. Thế nhưng, sau đó, quân Pháp tập trung lực lượng đàn áp, lùng bắt các trại

viên. Nhờ có tay sai chỉ điểm, vào tháng 3 năm 1916, giặc Pháp bắt được các trại viên chủ chốt trại Lâm Trung.

Tháng 6 năm 1916, thực dân Pháp lập toà án xử các trại viên Lâm Trung và tuyên án tử hình chín người tại Dốc Sỏi (xóm Bình Thành). Trước khi bị xử bắn, một số trại viên đã tỏ rõ khí tiết hiên ngang, đồng dạ tuyên bố trước họng súng quân thù “*Ta sinh làm tướng, chết làm thần, chúc bà con ở lại mạnh giỏi*”, “*Cứ bắn ta đi, ta xem cái chết như quy thị tân gia*”.

Thi thể của các trại viên bị xử tử được chôn chung trong một nấm mộ.

Trại Lâm Trung tan rã nhưng tinh thần đại nghĩa, gương bắt khuất của các trại viên được người dân ghi nhớ. Năm 1918, nhân dân địa phương lập miếu thờ các trại viên nghĩa liệt tại Dốc Sỏi (gọi là miếu Cô Hồn/ nay là chùa Cô Hồn – tên chữ Bửu Hưng tự).

1.1.4 Cuộc đấu tranh của công nhân đồn điền cao su Phú Riềng:

Năm 1927, kỳ bộ Thanh niên Cách mạng đồng chí hội ở Nam kỳ được thành lập. Tháng 4-1928, chi bộ Việt Nam Thanh niên Cách mạng đồng chí hội ở Phú Riềng được thành lập với 5 hội viên (do đồng chí Nguyễn Xuân Cừ làm bí thư). Đây là một trong 19 chi bộ Việt Nam Thanh niên Cách mạng đồng chí hội ở Nam kỳ lúc bấy giờ. Tháng 10-1929 trên cơ sở tổ chức Chi bộ Việt Nam Thanh niên Cách mạng đồng chí hội ở Phú Riềng, chi bộ Đông Dương Cộng sản đảng ở đây đã được thành lập.

Từ ngày 30-1-1930 đến 6-2-1930 dưới sự lãnh đạo của chi bộ Đảng 5000 công nhân cao su đồn điền Phú Riềng đã nổi dậy đấu tranh chiếm sở với các yêu sách về quyền lợi của công nhân. Cuộc đấu tranh thắng lợi. Chủ đồn điền phải cam kết thực hiện các yêu sách của công nhân. Nhưng do chưa có kinh nghiệm đấu tranh, một số cán bộ nảy sinh tư tưởng manh động, tiếp tục tổ chức bạo động đấu tranh. Giặc đã phát hiện và bắt đi hầu hết các đồng chí đảng viên trong chi bộ và cơ sở cốt cán.



Mô hình công nhân cạo mủ và gom mủ
tại Di tích làng công nhân cao su thời Pháp thuộc ở Dầu Tiếng

Tuy có tổn thất nhưng cuộc đấu tranh của công nhân cao su Phú Riềng đã gây được tiếng vang lớn trong cả nước, tác động mạnh mẽ đến phong trào đấu tranh của công nhân và các tầng lớp nhân dân lao động ở Biên Hoà và miền Đông Nam Bộ.

1.1.5 Chi bộ Đảng Bình Phước - Tân Triều và Tỉnh ủy lâm thời Biên Hòa ra đời lãnh đạo phong trào đấu tranh cách mạng ở Biên Hòa

Những năm đầu thập niên 30 thế kỷ 20, thực dân Pháp khủng bố, đàn áp phong trào cách mạng ở Việt Nam. Tại Nam Kỳ, trước tình hình đó, nhiều tổ chức Đảng bị phá vỡ. Phong trào cách mạng đi vào bước thoái trào.

Năm 1933, sau một thời gian tạm lánh sự truy lùng của địch, đồng chí Lưu Văn Việt (Tư Chà), quê quận Châu Thành trở về hoạt động, xây dựng cơ sở cách mạng. Tại Bền Cá (nay thuộc xã Tân Bình, huyện Vĩnh Cửu), đồng chí Lưu Văn Việt đã kết nạp một số thanh niên ưu tú như Huỳnh Văn Phan, Lưu Văn Văn... vào tổ chức Đảng.

Đầu năm 1935, đồng chí Hoàng Minh Châu (tự Vỹ) quê ở Tiền Giang, được Liên Tỉnh ủy miền Đông cử về Biên Hòa hoạt động cách mạng. Tại đây, đồng chí Hoàng Minh Châu bắt liên lạc với đồng chí Lưu Văn Việt để tiến hành thành lập chi bộ Đảng. Vào tháng 2 năm 1935, tại nhà đồng chí Huỳnh Văn Ngọc (Năm Ông) diễn ra buổi họp thành lập Chi bộ Đảng. Đồng chí Hoàng Minh Châu làm bí thư, Huỳnh Văn Phan làm phó bí thư; các đảng viên gồm: Lưu Văn Việt, Lưu Văn Văn, Quách Tỳ, Quách Sanh, Huỳnh Văn Lũy... Chi bộ Đảng lấy tên gọi là Chi bộ Bình Phước – Tân Triều, vì số đảng viên phần lớn từ địa bàn hai xã này.



Để phát triển phong trào, mở rộng hình thức tuyên truyền xây dựng cơ sở cách mạng trong tầng lớp thanh niên học sinh, chi bộ phân công hai đồng chí Hoàng Minh Châu và Quách Sanh bí mật thành lập “Liên đoàn học sinh” ở trường tiểu học Bình Hòa. Đây là trường chung cho cả tổng Phước Vĩnh trung. Do hoạt động lộ liễu, địch phát hiện truy tìm, một số bị bắt, học sinh các xã Bửu Long,

Bình Hòa còn lại phải chuyển vào hoạt động bí mật. Một số thanh niên, học sinh ưu tú giác ngộ cách mạng và được kết nạp vào Đảng như các đồng chí Phạm Văn Thuận, Huỳnh Dân Sanh, Huỳnh Văn Lũy...

Sự ra đời của chi bộ Đảng Bình Phước - Tân Triều và các tổ chức cách mạng của Đảng giữa năm 1935 đánh dấu một mốc lịch sử quan trọng, một bước phát triển mới của phong trào cách mạng ở tỉnh Biên Hòa. Đây là chi bộ Đảng đầu tiên đã được thành lập trên địa bàn tỉnh Đồng Nai hiện nay, là hạt nhân lãnh đạo phong trào cách mạng ở địa phương và là nòng cốt để hình thành tổ chức Tỉnh ủy lâm thời tỉnh Biên Hòa sau này.

1.1.6 Cách mạng tháng Tám 1945 ở Biên Hoà

Ngày 23 tháng 8 năm 1945, tại căn nhà số 2 ở dãy phố Sáu Sứ xã Bình Trước, quận Châu Thành, Biên Hòa, đồng chí Hoàng Minh Châu chủ trì cuộc họp bàn kế hoạch khởi nghĩa giành chính quyền tại tỉnh lỵ Biên Hòa. Tham dự cuộc họp này có các đồng chí: Hoàng Minh Châu, Huỳnh Văn Hớn, Phạm Văn Búng, Ngô Hà Thành, Hồ Văn Giàu, Lê Nguyên Đạt, Đặng Nguyên, Hồ Hòa, Hồ Văn Đại...Thực hiện sự chỉ đạo của Xứ ủy, Hội nghị đã bàn bạc thống nhất và quyết định một số việc cấp bách:

- Tập trung lực lượng tiến hành khởi nghĩa trước ở tỉnh lỵ, phân công một số đảng viên về các quận huy động lực lượng quần chúng về thị xã tham gia cướp chính quyền.

- Trung lập hóa quân Nhật, giao cho đồng chí Hồ Văn Đại và một số đồng chí khác vận động lính mã tà, lính thủ hộ... nộp súng cho cách mạng, tránh xung đột vũ trang.

- Thành lập Ủy ban khởi nghĩa do đồng chí Hoàng Minh Châu phụ trách và dự kiến thành phần Ủy ban Nhân dân cách mạng lâm thời tỉnh Biên Hòa.

- Giao trách nhiệm cho kinh lý Nguyễn Văn Tàng tiếp xúc với tỉnh trưởng Nguyễn Văn Quý vận động y bàn giao chính quyền cho cách mạng.

- Giao trách nhiệm cho đồng chí Lê Ngọc Liệu và Nguyễn Đình Ưu tổ chức đưa 500 người về tham gia khởi nghĩa ở Sài Gòn.

- Huy động lực lượng xung kích trong nhân dân, Thanh niên Tiên phong tự trang bị vũ khí, nhân dân mang cờ, khẩu hiệu sẵn sàng nổi dậy biểu dương lực lượng cướp chính quyền.

Trụ sở Ủy ban khởi nghĩa đặt gần ga xe lửa Biên Hòa. Hầu hết các tầng lớp nhân dân đều sục sôi cách mạng, tinh thần quyết tâm giành độc lập đang dâng cao. Đêm 23 và rạng sáng ngày 24 tháng 8 năm 1945, trong nội ô tỉnh lỵ Biên Hòa, nhân dân treo cờ và dán khẩu hiệu khắp các phố chợ.

Sáng ngày 23 tháng 8 năm 1945, dưới sự chỉ đạo của chi bộ nhà máy của BIF, chi bộ ga Biên Hòa, công nhân và nhân dân các ấp Tân Mai, Tân Thành, Vĩnh Thị đã nổi dậy làm chủ các cơ sở trên đồng thời tập hợp lực lượng xung kích để làm nòng cốt cho cuộc khởi nghĩa ở tỉnh lỵ Biên Hòa.

Đêm 24 tháng 8 năm 1945, tại rạp hát Trần Điền, một cuộc mít - tinh được tổ chức với hàng trăm quần chúng tham gia. Các đồng chí trong Ủy ban khởi nghĩa đã công khai diễn thuyết, kêu gọi đồng bào tham gia Mặt trận Việt Minh, tham gia khởi nghĩa cướp chính quyền. Suốt đêm 24 tháng 8 năm 1945, lực lượng Thanh niên xung kích rầm rập đi tuần tra trên các đường phố. Nội ô tỉnh lỵ Biên Hòa và các xã vùng ven như Tam Hiệp, Tân Mai, Tân Phong, Bửu Long, Bửu Hòa, Hiệp Hòa, Hóa An, Tân Hạnh, lực lượng cách mạng hoàn toàn làm chủ.

Ngày 25 tháng 8, thắng lợi của cuộc khởi nghĩa từ Sài Gòn nhanh chóng được truyền về Biên Hòa làm nức lòng cán bộ và nhân dân trong toàn tỉnh. Hầu hết các cơ quan, công sở ở tỉnh lỵ Biên Hòa đều được lực lượng xung kích bố trí tổ chức canh gác, bảo vệ chặt chẽ. Ngày 26 tháng 8 năm 1945, đồng chí Nguyễn Văn Nghĩa tập hợp hàng trăm quần chúng tiến vào Tòa bố Biên Hòa treo cờ đỏ sao vàng đầu tiên tại dinh tỉnh trưởng trước sự tập trung của đồng bào. Đến 11 giờ trưa cùng ngày, các đồng chí Hoàng Minh Châu, Huỳnh Văn Hón và một số đồng chí trong Ủy ban Khởi nghĩa tiếp tục đến Tòa bố buộc tỉnh trưởng Nguyễn Văn Quý cùng những viên chức đứng đầu các công sở trong tỉnh bàn giao chính quyền cho cách mạng. Lực lượng xung kích cách mạng nhanh chóng chiếm lĩnh, tiếp quản các cơ quan, công sở còn lại ở tỉnh lỵ Biên Hòa.

Sau khi nhận chủ trương của Xứ uỷ Nam kỳ, Ủy Ban khởi nghĩa khẩn trương tổ chức và lãnh đạo nhân dân giành chính quyền trong toàn tỉnh. Chỉ trong 2 ngày 24 và 25/8, bộ máy chính quyền thực dân Pháp tại Biên Hòa hầu như đã bị sụp đổ. Thanh niên Tiên phong và tự vệ chiến đấu đã chiếm giữ các công sở, tòa bố. Ngay sau đó, Ủy ban Khởi nghĩa phân công một số đồng chí về các quận: Tân Uyên, Châu Thành, Long Thành... để huy động lực lượng cho cuộc mít tinh sắp tới.

Từ sáng sớm 27/8/1945, dòng người từ khắp nơi đã đổ về Biên Hòa. Tất cả tập trung tại quảng trường Sông Phố, trước trụ sở Ủy ban nhân dân cách mạng (dinh Tỉnh trưởng cũ). Khi Ủy ban cách mạng lâm thời tuyên bố chính quyền về tay nhân dân, quần chúng hoan hô nhiệt liệt, muôn ngàn cánh tay vung lên như những lá cờ được phát mạnh và giương cao hơn nữa trong bầu không khí trang nghiêm nhưng tràn đầy niềm vui, xoá bỏ một đời nô lệ ngoại bang.

1.2 Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp lần thứ hai

1.2.1 Trại du kích Vĩnh Cửu trong cuộc kháng chiến chống Pháp xâm lược lần thứ hai ở Biên Hòa

Năm 1945, sau những ngày ngắn ngủi khi giành chính quyền vào tháng Tám, nhân dân Biên Hòa tiếp tục cuộc kháng chiến chống quân Pháp xâm lược. Ngày 23 tháng 9 năm 1945, quân Pháp nổ súng mở đầu cho lần xâm lược Việt Nam lần thứ 2. Tại Biên Hòa, đồng chí Hà Huy Giáp thay mặt Xứ ủy triệu tập Hội nghị cán bộ toàn tỉnh Biên Hòa chuẩn bị cho kháng chiến.

Để xây dựng lực lượng kháng chiến, Tỉnh ủy Biên Hòa quyết định thành lập Trại huấn luyện du kích tại ấp Vĩnh Cửu, xã Tam Hiệp, quận Châu Thành (nay là phường Tam Hòa, thành phố Biên Hòa) do đồng chí Phan Đình Công phụ trách, đồng chí Huỳnh Văn Hớn - phó chủ tịch và đồng chí Hoàng Bá Bích trực tiếp lo cơ sở vật chất, hậu cần cho trại.

Ngày 26 tháng 9 năm 1945, trại khai giảng khóa đào tạo cán bộ, chính trị quân sự đầu tiên của tỉnh Biên Hòa. Học viên của trại đa số là công nhân của nhà máy BIF, thanh niên các xã ở địa phương, một số công chức... Giáo viên giảng dạy ban đầu có các giáo sư Phạm Thiệu, Nguyễn Xuân Diệu, Thanh Sơn...

Trường được trang bị một số vũ khí khoảng 100 súng. Số vũ khí này do Ủy ban nhân dân tỉnh tịch thu của bọn lính mã tà sau Cách mạng tháng Tám và một số do đồng chí Nguyễn Đình Ưu mua lại của lính Nhật ở Biên Hòa chuyển giao. Sau tháng 10/1945, Trại được tăng cường một số giáo viên tốt nghiệp quân chính Việt Bắc (theo đoàn quân Nam tiến của đồng chí Nam Long vào chi viện cho chiến trường Nam Bộ).

Khai giảng từ ngày 26 tháng 9 năm 1945 đến cuối tháng 10 năm 1945, Trại du kích Vĩnh Cửu đã mở được 2 khóa, đào tạo được 100 cán bộ, bổ sung về các huyện làm nòng cốt xây dựng lực lượng vũ trang địa phương. Hầu hết cán bộ của Trại sau này đều trở thành những cán bộ chủ chốt của nhiều đơn vị vũ trang ở miền miền Đông Nam Bộ như: Chi đội 10, Trung đoàn 310 Biên Hòa, Trung đoàn 812 Bình Thuận, Chi đội 16, Trung đoàn 307 Bà Rịa... Trại huấn luyện du kích Vĩnh Cửu là trường huấn luyện quân sự chính trị đầu tiên của Biên Hòa và miền Đông Nam Bộ.

Sau khi Pháp mở rộng lần chiếm Biên Hòa, Trại dời về An Hảo ấp Bình Đa. Cuối năm 1945, Trại du kích Vĩnh Cửu chuyển về Đất Cuốc thành Trại huấn luyện Tân Uyên do đồng chí Hoàng Bá Bích phụ trách, trở thành một đơn vị của Vệ quốc đoàn Biên Hòa.

1.2.2 Trận tập kích đầu tiên của lực lượng vũ trang yêu nước vào quân Pháp tại thị xã Châu Thành (tỉnh lỵ Biên Hoà) ngày 2-1-1946

Ngày 26 tháng 8 năm 1945, cách mạng tháng Tám ở Biên Hoà thành công. Người dân Biên Hoà sống trong cảnh độc lập tự do cho đến ngày 24 tháng 10 năm 1945 - chưa đầy hai tháng sau khi chính quyền về tay nhân dân.

Thực dân Pháp với âm mưu xâm lược Việt Nam lần thứ hai đã tổ chức gây hấn và đánh chiếm Sài Gòn. Sau khi đánh chiếm Sài Gòn, ngày 25 tháng 10 năm 1945, Pháp tấn công tỉnh lỵ Biên Hoà. Biên Hoà là một địa bàn chiến lược mà quân Pháp quyết tâm đánh chiếm để mở cửa ngõ đánh chiếm các tỉnh miền Đông Nam Bộ, ra cực nam Trung Bộ và Tây Nguyên.

Sau khi đánh chiếm Biên Hoà, quân Pháp nhanh chóng thiết lập bộ máy tay sai và bố trí quân đóng giữ, tuần tra tại các địa điểm quan trọng như Toà bố, Ty cảnh sát, Toà án, Sân bay, thành Biên Hoà, nhà máy gỗ BIF... Lúc bấy giờ, các lực lượng vũ trang kháng chiến ở Biên Hoà rút về các địa bàn khác hoạt động như vùng ven Biên Hoà, huyện Tân Uyên, huyện Long Thành. Thị xã Biên Hoà được quân Pháp xây dựng, tổ chức thành một trung tâm chỉ huy đánh phá phong trào cách mạng ở miền Đông với nhiều cơ quan quân sự quan trọng.

Cuối tháng 12 năm 1945, Khu bộ trưởng khu 7 Nguyễn Bình quyết định mở cuộc tập kích quân Pháp tại tỉnh lỵ Biên Hoà. Các lực lượng vũ trang tham gia trận tấn công vào thị xã Biên Hoà gồm: Vệ quốc đoàn Biên Hoà, Châu Thành, Liên quân Hóc Môn – Bà Điểm, Liên chi 2, 3 bộ đội Bình Xuyên của Dương Văn Dương chỉ huy.

Sau thời gian điều nghiên và thống nhất phương án tác chiến và thời gian được ấn định vào đêm ngày 1 rạng ngày 2 tháng 1 năm 1946. Đây là ngày sau Tết dương lịch nên quân địch lơ là trong công tác phòng bị. Từ các hướng Hoá An, Tân Phong, Bình Đa, các đơn vị lực lượng vũ trang tổ chức đồng loạt tiến đánh các mục tiêu theo kế hoạch trong tỉnh lỵ Biên Hoà : thành Biên Hoà, sở Hiến binh, Bru điện, nhà ga Biên Hoà, nhà máy cưa BIF, các tua gác địch ở cầu Gành.

Cả tỉnh lỵ Biên Hoà vang tiếng súng. Lực lượng vũ trang cách mạng tập kích bất ngờ, đốt cháy chợ Biên Hoà, nhà thông tin, tấn công các công sở, đồn bắt địch. Quân Pháp hoàn toàn lâm vào thế bị động. Nhiều nơi, quân Pháp và lính tay sai hoảng hốt bỏ chạy. Quân kháng chiến làm chủ thị xã đến gần sáng, bắt được nhiều tù binh. Để bảo toàn lực lượng, các đội vũ trang tham gia trận tập kích rút về căn cứ.

Dù không làm chủ được mục tiêu lâu dài trong thị xã Biên Hoà nhưng đây là trận đánh đầu tiên của lực lượng kháng chiến cách mạng ở miền Nam vào một trung tâm đô thị khi thực dân Pháp tiến hành xâm lược Việt Nam lần thứ hai. Trận

đánh đã có tiếng vang lớn, đập tan luận điệu tuyên truyền “đã bình định xong Nam Bộ” của thực dân Pháp, cổ vũ động viên tinh thần kháng chiến của toàn dân.

1.2.3 Trận đánh giao thông đường sắt Bàu Cá tháng 10-1947 của Chi đội 10

Trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp, lực lượng vũ trang của tỉnh Biên Hòa là Chi đội 10 đã tổ chức nhiều trận đánh giao thông đường sắt làm cho quân Pháp khốn đốn. Về trận đánh giao thông đường sắt tại Bàu Cá ngày 14 tháng 7 năm 1947, Chi đội tập trung lực lượng 400 người, 300 súng trường, 30 tiểu liên, 8 trung liên, 2 đại liên, 6 phóng lựu đạn và 2 quả bom điện nặng 150 kg, phục kích đoàn xe lửa địch. Theo tin tình báo, có hai 2 đoàn tàu chở lính Pháp từ chiến trường Nam Bộ tăng viện cho chiến trường phía Bắc sẽ chạy qua khu vực Bàu Cá.

Chi đội 10 điều nghiên, lên phương án tấn công đoàn xe lửa địch tại địa điểm Bàu Cá. Lúc 12 giờ ngày 14/ 7/1947, khi đoàn tàu thứ nhất của địch lọt vào ổ phục kích, chi đội 10 cho nổ địa lôi phá hủy đầu tàu buộc đoàn tàu địch dừng lại. Từ nơi ẩn phục, bộ đội dùng lựu đạn, súng tấn công diệt 200 lính Pháp (kể cả bảo vệ đoàn tàu và lính Pháp - Trong đó có 2 sĩ quan Pháp quân hàm cấp úy). Ta thu 60 súng các loại (1 trung liên, 3 tiểu liên Thompson, 11 tiểu liên, 40 súng trường, 5 súng ngắn), 3 máy vô tuyến điện và nhiều lương thực. Đoàn tàu thứ 2 của địch hoảng sợ bỏ chạy về hướng Trảng Bom. Đây là một trận đánh thu nhiều thắng lợi và lực lượng vũ tranh nhanh chóng rút về căn cứ an toàn.



Lực lượng vũ trang Chi đội 10 đánh đoàn tàu của Pháp tại Bàu Cá ngày 14-7-1947

Cùng với những trận đánh giao thông đường sắt khác tại Bảo Chánh, Trảng Táo, Gia Huynh, *trận đánh thắng ở Bàu Cá chứng tỏ sự tiến bộ lớn mạnh của lực lượng vũ trang chi đội 10 - Biên Hòa về công tác chỉ huy, thực hành tác chiến: tập trung quân lớn, hành quân cơ động, bày bố chiến trường bất ngờ đã đem lại hiệu quả cao trong, đặc biệt trong công tác chế tạo mìn để đánh giao thông đường sắt.* Trong điều kiện thiếu thôn về vũ khí, Binh công xưởng Chi đội 10 đã chế tạo được mìn thu được từ chiến lợi phẩm dùng để đánh lại địch gây cho chúng nhiều thiệt hại.

1.2.4 Trận La Ngà (1-3-1948)

Lực lượng tham gia chiến đấu là chi đội 10 Biên Hoà, Liên quân 17 của Khu 7, bộ đội du kích huyện đội Châu Thành (Biên Hoà), huyện đội Xuân Lộc.

Trận đánh diễn ra vào ngày 1-3-1948 trên trận địa dài 9km (từ cây số 104 đến cây số 113), ta đã tiêu diệt 150 tên lính lê dương, 25 sĩ quan Pháp trong đó có 2 tên đại tá, đốt cháy cả đoàn công voa 59 chiếc của Pháp có xe thiết giáp đi đầu.

Chiến thắng La Ngà là chiến thắng giao thông lớn nhất miền Đông lúc bấy giờ, thu được thắng lợi về quân sự, chính trị rất to lớn.



Lực lượng vũ trang Chi đội 10 tỉnh Biên Hòa tấn công đoàn công voa của Pháp tại địa điểm La Ngà

1.2.5 Trận đánh tháp canh cầu Bà Kiên

Trận đánh do đồng chí Trần Công An chỉ huy vào đêm 18 rạng ngày 19-3-1948 thắng lợi hoàn toàn, ta đã diệt 11 tên địch, thu 8 súng và 20 lựu đạn.

Đây là trận đánh với kỹ thuật nguy trang bí mật đột nhập căn cứ địch mà chúng không phát hiện, bất ngờ tấn công.

Từ trận đánh tháp canh cầu Bà Kiên, Bộ Tư lệnh khu 7 đã mở hội nghị rút kinh nghiệm, hoàn thiện kỹ thuật tiếp cận, trang bị vũ khí phù hợp nhân rộng và

đồng loạt tấn công các tháp canh trên các quốc lộ 1, 16, liên tỉnh 16, 24, phá tan “chiến thuật De Latour” của địch.

Ngày 25-5-1950, đại đội Nguyễn Văn Nghĩa đại đội đặc công đầu tiên ở Đông Nam Bộ ra đời. *Kỹ thuật đặc công từ Biên Hoà đã được phổ biến ra khắp miền Đông và cả nước, góp phần lập nên những chiến công giòn giã trong kháng chiến chống Pháp. Ngày 19-3 sau này được lấy làm ngày thành lập binh chủng đặc công.*



Di tích tháp canh Cầu Bà Kiên nơi diễn ra trận đánh ngày 18 rạng sáng 19-3-1948

1.2.6 Trận đánh Yếu khu Quân sự Trảng Bom

Nhằm mở rộng vùng kháng chiến giành lại thế chủ động trên chiến trường, Tỉnh ủy Thủ Biên đã chủ trương mở nhiều cuộc tấn công vào căn cứ địch và đánh tan các cuộc càn quét của địch vào các căn cứ kháng chiến trong đó đặt kế hoạch phải tiêu diệt được Yếu khu Quân sự Trảng Bom nhằm phá bàn đạp của địch đánh vào Chiến khu Đ và mở rộng hành lang giao liên từ Căn cứ về Long Thành, Bà Rịa - Vũng Tàu.

Ban Chỉ huy trận đánh được thành lập do đồng chí Huỳnh Văn Nghệ - Tỉnh đội trưởng Thủ Biên làm Chỉ huy trưởng.

Với thời gian chuẩn bị khẩn trương, các cán bộ lực lượng vũ trang của ta đã đặc biệt chú trọng công tác tuyên truyền, vận động quần chúng nhân dân lao động hiểu rõ chính sách cai trị tàn bạo hà khắc của địch, vận động khơi dậy tinh thần yêu nước, yêu Tổ quốc Việt Nam. Nhân dân đã cảm mến tin cậy bộ đội, quyết tâm cùng với bộ đội góp phần kháng chiến thắng lợi. Với tinh thần yêu nước, trách nhiệm của mình, công nhân sở đá đã đưa quần áo lao động của mình cho bộ đội

mặc, giao xe chở bộ đội vào đánh đồn địch ở Yếu khu Quân sự Trảng Bom, giữ bí mật tuyệt đối cho đến khi trận đánh diễn ra...

Theo đúng kế hoạch tác chiến đề ra, khoảng 16 giờ ngày 20/7/1951, hai xe cãm nhôm của sở đá Bàu Cá chở 75 Chiến sĩ của Đội biệt động tỉnh Thủ Biên và Đại đội 55 của Tiểu đoàn 303 hóa trang thành công nhân sở đá từ Bàu Cá tiến về Yếu khu Quân sự Trảng Bom.

Đúng 16 giờ 45 phút ngày 20/7/1951, bọn lính trong Yếu khu ra sân đá bóng, cũng là lúc hai xe cãm nhôm chở 75 chiến sĩ hóa trang thành công nhân về đến cổng Yếu khu. Địch chưa kịp ra kiểm tra, xét hỏi, các chiến sĩ nhanh chóng bắn hạ tên lính gác cổng, xông vào dùng bộc phá đánh các tháp canh và lô cốt, chiếm xe bọc thép. Sau đó, các chiến sĩ còn lại của Đại đội 55 và Đại đội 65 của Tiểu đoàn 303 tỉnh Thủ Biên phục kích ở bìa rừng, xung quanh khu vực Yếu khu Quân sự Trảng Bom (trong đó có vị trí xây dựng Bia chiến thắng Yếu khu hiện nay), nhanh chóng tiến vào phối hợp với 75 chiến sĩ đánh chiếm các vị trí trong khu trung tâm và ba nhà lính.

Cùng lúc, Đại đội 60, 70 của Tiểu đoàn 303 và Lực lượng vũ trang nhân dân huyện Vĩnh Cửu, Đại đội Nguyễn Văn Nghĩa bố trí, mai phục hai bên quốc lộ 1 (đoạn từ Hồ Nai đến Trảng Bom) phá đường, chặt cây, lập chướng ngại vật, nổ súng chặn đánh địch từ Tiểu khu Biên Hòa lên chi viện. Đội vũ trang tuyên truyền huyện Xuân Lộc phá đường, chặt cây, lập chướng ngại vật quốc lộ 1 đoạn An Lộc, Dầu Giây và chặn chi viện từ Xuân Lộc xuống Trảng Bom. Đội pháo binh tỉnh Thủ Biên bắn vào ga Hồ Nai. Đại đội Lam Sơn tấn công vào đồn lính Pạt-ti-dăng ở sân banh thị trấn Trảng Bom; bị tấn công bất ngờ, bọn địch trong Yếu khu chống cự yếu ớt, bọn địch ngoài sân banh bỏ chạy tán loạn, không kịp chống trả. Sau đó cùng với cán bộ, du kích thị trấn Trảng Bom đấu tranh, tuyên truyền giải tán tề ngụy trong thị trấn.

Quân ta đã làm chủ được tình hình ở Yếu khu Quân sự Trảng Bom; tiêu diệt 50 tên địch, bắt sống 50 tên khác; thu 200 súng trong đó có: 03 đại liên, 06 trung liên, 02 súng cối 81 ly, phá hủy 02 xe bọc thép và hàng chục tấn đạn dược, lương thực, thực phẩm, hơn 100.000 tiền Đông Dương và một số Đô la Mỹ. Toàn bộ chiến lợi phẩm thu được, ta dùng xe chuyển về Chiến khu Đ an toàn. Đến 5 giờ sáng ngày 21/7/1951, toàn bộ lực lượng của ta tham gia trận đánh rút về căn cứ an toàn. Trong trận đánh lịch sử này, về phía ta, hy sinh 02 đồng chí và bị thương 02 đồng chí của Đại đội Lam Sơn.

Chiến thắng Yếu khu Quân sự Trảng Bom là chiến thắng quan trọng, là trận đánh đầu tiên tiêu diệt một Yếu khu Quân sự của thực dân Pháp ở Đông Nam bộ; thể hiện sự lãnh đạo sáng tạo, quyết định đường lối chiến lược, chiến thuật tài tình

của Phân liên khu miền Đông, Tỉnh ủy - Ủy ban hành chính kháng chiến - Tỉnh đội tỉnh Thủ Biên.



Địa điểm Bia Chiến thắng Yếu khu Quân sự Trảng Bom được UBND tỉnh xếp hạng di tích lịch sử theo Quyết định số 3277/QĐ-UBND ngày 23/10/2015

Thắng lợi của trận đánh đã gây tiếng vang lớn, làm cho địch sa sút tinh thần; cổ vũ mạnh mẽ tinh thần đấu tranh của quân và dân Biên Hòa; phá được bàn đạp tấn công của địch vào Chiến khu Đ, làm chủ con đường huyết mạch quốc lộ 1 từ Trảng Bom đến Biên Hòa; mở thông hành lang chiến lược từ chiến khu Đ về các huyện Long Thành và tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, tạo điều kiện cho lực lượng kháng chiến liên lạc an toàn với Chiến khu Đ góp phần quan trọng vào thắng lợi của ta trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp ở Biên Hòa - Đông Nam bộ nói riêng và Nam bộ nói chung.

2. NHỮNG CUỘC KHÁNG CHIẾN TIÊU BIỂU CHỐNG MỸ CỦA QUÂN DÂN ĐỒNG NAI

2.1 Cuộc nổi dậy phá khám Tân Hiệp

Với quyết tâm thoát khỏi nhà tù đế quốc, trở về với Đảng, với nhân dân để tiếp tục chiến đấu, giải phóng dân tộc, 17 giờ 50 phút ngày 02/12/1956, được sự nhất trí của Liên Tỉnh ủy miền Đông, những chiến sĩ cộng sản trong nhà lao Tân Hiệp dưới sự chỉ đạo trực tiếp của đồng chí Nguyễn Trọng Tâm - phụ trách Đảng ủy nhà tù và một số đồng chí khác đã bất thần làm một cuộc phá xiềng tập thể giải thoát gần 500 đồng chí, đồng bào yêu nước.

Sự kiện này đã làm xôn xao cả Lầu Năm góc. Mỹ - Diệm vội vã huy động cả quân chủ lực lẫn bảo an, dân vệ đang trấn thủ 3 tỉnh Biên Hoà, Bà Rịa, Thủ Dầu Một và hai biệt đoàn động quân đến bủa lưới bao vây, truy bắt đoàn tù nhưng đều thất bại. Các đồng chí, đồng bào của ta thoát khỏi nhà lao Tân Hiệp được sự giúp đỡ,



che chở của các cơ sở địa phương trở về căn cứ an toàn. Trong số tù nhân vượt ngục có các đồng chí: Bảy Tâm, Hai Thông, Lý Văn Sâm... đã trở thành những hạt nhân nòng cốt cho phong trào Đồng Khởi sau này.

2.2 Trận đầu diệt Mỹ

Đó là trận tập kích phá vỡ đoàn cố vấn quân sự Mỹ (MAAG) tại cư xá của chúng ở phường Tân Mai (Biên Hoà). Kế hoạch tập kích được Liên tỉnh uỷ và Ban quân sự miền Đông thông qua cuối tháng 6-1959.

19 giờ ngày 7-7-1959 một phân đội 5 chiến sĩ đặc công được đơn vị C250 Biên Hoà tiến công vào trụ sở đoàn MAAG. Sau 15 phút tập kích, 2 lính Mỹ bị tiêu diệt (thiếu tá D.Buis và Trung sĩ C. Ovmand).

Đây là trận đánh Mỹ đầu tiên của quân dân miền Nam trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

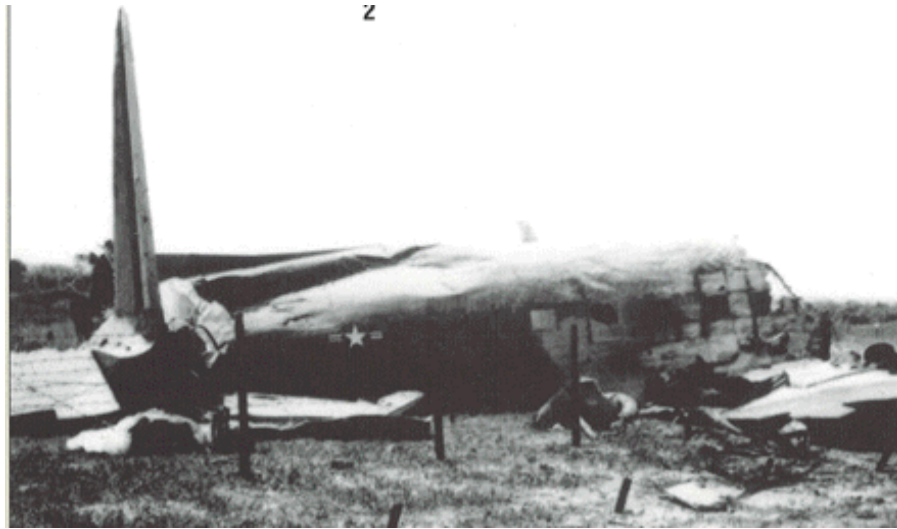
2.3 Trận đánh đầu tiên vào sân bay Biên Hoà

Từ tháng 4 năm 1964, Bộ Tư lệnh Miền đã có chủ trương mở trận tập kích vào sân bay Biên Hoà để tạo điều kiện mở một chiến dịch vào cuối năm. Mọi khâu chuẩn bị cho trận tập kích được khẩn trương triển khai. Biệt động thị xã Biên Hoà, Tỉnh đội Phước Thành hỗ trợ phối hợp cho Đoàn pháo binh U80 Miền trực tiếp chiến đấu. Nhân dân chiến khu Đ, nhân dân Biên Hoà đã tạo mọi điều kiện vật chất cho lực lượng chiến đấu hoàn thành nhiệm vụ.

23 giờ 20 phút đêm 31 tháng 10 năm 1964, bão lửa từ các khẩu đội cối 81 ly, pháo D9KZ 75 ly, pháo bộ binh 70 ly của ta dội lên đầu thù.

Ta đã bắn cháy, làm hư hại nặng 59 máy bay các loại trong đó có 21 máy bay ném bom chiến lược B57 Mỹ vừa đưa sang, 11 phóng pháo cơ Xcaraidơ,... 1

kho đạn pháp 105 ly, 1 đài quan sát sân bay, nhiều sĩ quan kỹ thuật, binh lính địch bị chết.



Cảnh đổ nát ở sân bay Biên Hòa sau trận tiến công ngày 31-10-1964

Chiến thắng sân bay Biên Hoà đã làm rung chuyển cả Lầu Năm góc, mở đầu cho hàng loạt trận tấn công vào sân bay chiến lược Biên Hoà sau này của các lực lượng vũ trang giải phóng, tiêu diệt số lượng lớn sinh lực địch, các phương tiện chiến tranh cao cấp của chúng, hỗ trợ đắc lực cho toàn chiến trường miền Nam giành thắng lợi. Chiến thắng đã được Bác Hồ bình luận và ca ngợi bằng bốn câu thơ trên báo Nhân dân (số ngày 12-11-1964):

*“Uy danh lừng lẫy khắp năm châu
Đạn cối tuôn cho Mỹ bể đầu
Thành đồng trống vắng lay Lầu Trắng
Điện Biên, Mỹ chẳng phải chờ lâu”*

2.4 Trận tấn công vào quân Mỹ đầu tiên của lực lượng cách mạng trên địa bàn Xuân Lộc năm 1966

Thực hiện chiến tranh xâm lược Việt Nam, từ năm 1965, để cứu vãn tình thế chiến trường, đế quốc Mỹ trực tiếp đưa quân đội Hoa Kỳ và lực lượng chư hầu vào miền Nam Việt Nam. Trên địa bàn Biên Hoà, giữa năm 1966, quân đội Mỹ ồ ạt đổ quân vào địa bàn Long Khánh - Xuân Lộc. Tại thị xã Long Khánh, quân Mỹ –ngụy mở rộng đồn pháo binh Hoàng Diệu, thành lập căn cứ Suối Râm của trung đoàn 11 thiết giáp Mỹ, bộ chỉ huy chiến thuật 33, xây dựng sân bay quân sự thị xã và củng cố, thiết lập hệ thống đồn bót trên các trục lộ giao thông huyết mạch như lộ I và 20.

Chỉ trong một thời gian ngắn đổ quân vào Xuân Lộc, quân Mỹ tổ chức nhiều cuộc càn quét, đánh chiếm vùng giải phóng cách mạng và gây nhiều khó khăn cho phong trào đấu tranh cách mạng. Trước tình hình đó, Huyện ủy Xuân Lộc chủ trương:

- Xây dựng địa bàn đứng chân vững chắc, bám trụ chống địch càn
- Xây dựng lực lượng vũ trang chính trị, đẩy mạnh tấn công bằng hai chân ba mũi, tấn công các căn cứ, bộ chỉ huy hành quân, làm rối loạn hậu phương địch.
- Kiên quyết đánh bại âm mưu tìm diệt, bình định vùng ven của địch, hỗ trợ phong trào đấu tranh quần chúng.

Trên mặt trận đấu tranh vũ trang, liên tục những ngày cuối tháng 6 năm 1966, trên địa bàn Xuân Lộc, bộ đội chủ lực của khu là Sư đoàn 5 phối hợp với lực lượng vũ trang địa phương tỉnh, huyện và dân quân du kích các xã chặn đánh các cuộc càn quét của địch tại Gia Ray, Suối Cát, Ngã ba Ông Đồn. Tiêu biểu, tại Gia Ray, lực lượng vũ trang cách mạng phục kích đánh một chiến đoàn địch. Quân Mỹ – nguy cho máy bay tăng cường yểm trợ bắn phá ác liệt, ném cả bom napan vào trận địa. Lực lượng quân giải phóng chiến đấu ngoan cường và thu được thắng lợi lớn. Kết quả, quân cách mạng tiêu diệt hơn 1.000 tên địch, bắn cháy 18 xe quân sự trong đó có 13 thiết giáp, bắn rơi 4 máy bay, thu nhiều vũ khí các loại.

Đây là trận đánh Mỹ và thắng Mỹ - nguy đầu tiên với quy mô khá lớn trên địa bàn Xuân Lộc. Chiến thắng đã cổ vũ mạnh mẽ cho phong trào đấu tranh chính trị trên địa bàn và phong trào thi đua giết giặc lập công ở địa phương. Tinh thần chiến thắng trận đánh đã cổ vũ cho lực lượng vũ trang Long Khánh – Xuân Lộc tiếp tục tổ chức nhiều trận đánh địch cuối năm 1966.

2.5 Trận đánh bảo vệ căn cứ cách mạng huyện Nhơn Trạch tại khu Lòng Chảo năm 1966

Cuối năm 1965, địch phát hiện căn cứ của huyện Nhơn Trạch tại khu Lòng Chảo. Trước tình thế đó, huyện Nhơn Trạch chuyển các bộ phận vào địa đạo và chỉ đạo các xã, các lực lượng vũ trang trên địa bàn chuẩn bị mọi mặt để đánh địch nếu chúng tấn công.

Ngày 27 tháng 1 năm 1966 (mùng 7 tết Bính Ngọ), quân Mỹ tổ chức tấn công vào căn cứ huyện Nhơn Trạch. Địch huy động một lực lượng hùng hậu và tiến đánh từ nhiều hướng: Lữ đoàn 199 lính Mỹ đổ bộ xuống Bàu Điều (cách căn cứ huyện Nhơn Trạch khoảng 1,5 km), xe tăng, xe thiết giáp từ quận lỵ Long Thành chạy vào tỉnh lộ 17 và 19, chúng rẽ sang đường ủi Phước Lai rồi tỏa ra hướng Bàu Bông, Vũng Gấm. Một cánh quân từ Thành Tuy Hạ tràn qua lộ Tân Tường, tiến đánh từ phía tây lên. Cùng lúc đó hàng trăm trực thăng đổ quân rải từ Sở Ngựa đến ấp Bào Bông để tràn vào khu Hang Nai. Từ 3 mặt khép lại, toàn bộ khu vực Hang

Nai nằm trong vòng vây của địch. Hang Nai là căn cứ chủ yếu, trung tâm chỉ đạo của cơ quan Huyện ủy Nhơn Trạch. Căn cứ này được thiết lập từ cuối năm 1964, ở đây có giao thông hào, có đường địa đạo. Từ trong căn cứ có thể theo đường địa đạo vượt ra ngoài Rừng Giồng, chung quanh căn cứ có hàng rào chiến đấu và hầm chông. Trong căn cứ lúc này được bố trí tổng cộng có 28 người, vũ khí gồm tiểu liên tôm-xông và cạc-bin, 1 khẩu trung liên, 2 khẩu B40 còn lại chủ yếu là mìn DH10 và DH8. Tất cả mọi người đều nhận nhiệm vụ cầm súng chiến đấu.

Ngày đầu tiên, trận càn của địch bắt đầu bằng pháo dập, bắn vào khu Hang Nai và một số khu vực trong vùng Lòng Chảo. tiếp theo địch cho máy bay phản lực lao đến cắt bom và sau đó là xe tăng và quân địch tràn vào. Dựa vào địa đạo, các chiến sĩ bình tĩnh chờ giặc đến thật gần mới bắn. Cùng một lúc, lực lượng chiến đấu trong căn cứ cho nổ 8 trái B40, làm 2 xe tăng của địch bốc cháy. Địch tập trung hỏa lực và gọi pháo bắn uy hiếp, máy bay đến trút bom. Các chiến sĩ rút xuống địa đạo. Im tiếng bom, tiếng pháo, địch chia làm nhiều mũi xông lên nhưng đều bị đánh bật lại. Đến 11 giờ trực thăng loại trinh sát và loại phóng hỏa tiến đến chà xát. Các chiến sĩ tập trung gần chục tay súng bắn rơi 2 chiếc máy bay địch. 5 đợt lính Mỹ phản kích tấn công vẫn không vào được khu căn cứ Hang Nai. Ngày thứ hai rồi ngày thứ ba, địch tăng quân, tăng hỏa lực, tổ chức nhiều đợt tấn công nhưng bị lực lượng cách mạng đánh trả quyết liệt, không vào được khu căn cứ.

Cuộc càn của địch sang ngày thứ bảy (tức ngày mùng 2-2-1966). Địch tổ chức tấn công lần cuối cùng vào khu Hang Nai. Trước lúc tấn công địch cho bắn hơn 3.000 trái pháo, máy bay đến cắt bom liên tiếp nhiều đợt. Một đoạn địa đạo trong căn cứ bị trúng bom bị sập làm 5 đồng chí của ta hy sinh. Đó là các đồng chí Trần Văn Dũng, Nguyễn Minh Đức, Trà Thị Ánh Nguyệt, Hiền Phương và Thái Thị Bé.

Kết quả trận đánh địch càn vào căn cứ, lực lượng cách mạng huyện Nhơn Trạch tại khu Hang Nai đã diệt 167 tên xâm lược Mỹ, làm nhiều tên bị thương, bắn rơi 6 trực thăng, 5 xe tăng. Mục đích của địch nhằm đánh và tiêu diệt gòn đầu não lãnh đạo của cách mạng Nhơn Trạch nhưng bất thành. Lính địch chỉ phá được một số ô ụ giao thông hào ở phía bên ngoài và ở một số ấp xung quanh. Khu căn cứ Hang Nai vẫn đứng vững.

2.6 Trận đánh Tổng kho Long Bình

Tổng kho Long Bình còn là bản doanh Bộ Tư lệnh dã chiến II Mỹ, Bộ Tư lệnh Hậu cần 1 Mỹ, là kho bom đạn lớn nhất của Mỹ ở miền Nam Việt Nam, được xây dựng từ năm 1965, lực lượng Mỹ – nguy thường xuyên có 2.000 tên.

Ngày 23-6-1966 bộ đội đặc công đánh vào Tổng kho gây thiệt hại nặng cho địch, huỷ diệt 40.000 quả đạn pháo các loại. Đây là trận đánh đặc công đầu tiên

của đặc công Biên Hoà, mở đầu cho hàng loạt trận đánh sau này. Cuối năm 1966 vào các tháng 10, 11, 12 bộ đội đặc công U1 đã 3 lần tấn công Tổng kho Long Bình, phá huỷ 353.000 đạn pháo và các loại bom. Đêm 3-2-1967 bộ đội đặc công U1 đột nhập Tổng kho đặt mìn hẹn giờ, làm nổ tung 40 dãy kho, phá huỷ 800.000 quả đạn pháo.

Đây là trận tiến công đầu tiên vào tổng kho Long Bình của Mỹ phá huỷ và gây thiệt hại nặng cho địch, ta giành thắng lợi lớn, mở đầu cho hàng loạt trận tiến công sau này của đặc công Biên Hoà.



Hình ảnh tổng kho Long Bình bị đặc công U1 tấn công

2.7 Những trận tấn công của quân cách mạng vào kho vũ khí Thành Tuy Hạ ở Nhơn Trạch

Thành Tuy Hạ là kho dự trữ bom đạn lớn của Mỹ ở miền Nam, là kho trung chuyển các loại vũ khí, phương tiện chiến tranh. Kho vũ khí Thành Tuy Hạ do người Pháp xây dựng, dùng để cất giữ các loại phương tiện chiến tranh, có quy mô nhỏ. Về sau, Thành Tuy Hạ được người Mỹ đầu tư sửa chữa, nâng cấp và mở rộng, biến thành một kho chứa các loại vũ khí, đạn dược phục vụ cho cuộc chiến ở miền Nam Việt Nam.

Kho vũ khí Thành Tuy Hạ nằm về phía Đông Nam Sài Gòn khoảng 18km, giữa hai tỉnh lộ 25 và 19 thuộc quận Nhơn Trạch, tỉnh Biên Hoà (nay là huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai). Kho có chiều dài 1,5km, rộng 1km. Phía bắc, sát hàng rào kho có tỉnh lộ 25 từ cảng Cát Lái xuống kho tổng kho Long Bình. Con

sông Sâu chảy song song với tỉnh lộ 17 từ Cát Lái đổ vào sông Đồng Nai, bờ phía nam của sông có 3 cảng cách nhau từ 200-500m. Tàu trọng tải 6 vạn tấn ra vào dễ dàng. Phía đông kho giáp rừng cao su, rừng chồi Phú Hội, có nhiều trắng trống. Phía nam có nhiều khoảng rừng trống, ruộng và các ấp chiến lược: Soài Minh, Ông Kèo nằm ven tỉnh lộ 19. Phía tây là ấp chiến lược Phước Lý và tỉnh lộ 19.

Bao bọc quanh kho là 14 lớp hàng rào kẽm gai tổng hợp, chia làm 3 tuyến phòng thủ. Mỗi tuyến đều có hệ thống lô cốt, hầm hào và nhiều chướng ngại vật. Lực lượng bảo vệ gồm 1 tiểu đoàn bộ binh, 1 tiểu đoàn công binh, 1 trung đội cảnh sát, 10 chó béc giê, 1 xe jeep có gắn đại liên. Kho còn được sự yểm trợ của lực lượng giang thuyền gồm 18 chiếc từ Nhà Bè, Cát Lái. Ngoài ra còn có lực lượng của Quân đoàn 3, căn cứ Nước Trong, sân bay Biên Hoà... sẵn sàng chi viện khi kho bị tấn công.

Đêm 11-11-1972, tổ đặc công thuộc Đại đội 32 do Nguyễn Hữu Hoà chỉ huy tấn công phá huỷ 15 kho bom CBU, 17 kho đạn pháo 105 ly, 10.000 tấn bom đạn trong 33 nhà kho. Trận đánh thứ hai diễn ra vào 1 giờ sáng ngày 13-12-1972 do tổ đặc công thuộc Đội 5, Trung đoàn 10 đặc công Rừng Sác thực hiện. 32 khối thuốc nổ được áp sát vào các kho phá huỷ 80 dãy nhà kho chứa gần 18.057 tấn bom bao gồm 47 gian kho đạn pháo 105 ly, 14 gian kho bom CBU, 14 gian chứa các loại bom đạn khác. Trận đánh phá huỷ hoàn toàn 60% kho Thành Tuy Hạ, trong đó có 80% khu kho bom bị phá huỷ, 1 tiểu đoàn địch và bảy chó béc giê bị thiệt hại nặng.

2.8 Cuộc đấu tranh của công nhân nhà máy Cogido – Khu Kỹ nghệ Biên Hoà năm 1966

Những năm thập niên 60 thế kỷ XX, phong trào đấu tranh của công nhân tỉnh Biên Hòa diễn ra mạnh mẽ. Tại Khu Kỹ nghệ thuộc địa phận thành phố Biên Hòa, công nhân nhà máy giấy Cogido đã thực hiện một cuộc đấu tranh lớn, gây tiếng vang mạnh mẽ.

Từ cơ sở của Thị ủy Biên Hòa, Ban chỉ đạo đấu tranh của công nhân nhà máy được thành lập. Ngày 16 tháng 6 năm 1966, khoảng 700 công nhân nhà máy Cogido đưa kiến nghị đòi giới chủ nhà máy thực hiện việc lập “Thỏa ước lao động” và một số yêu sách cải thiện dân sinh, dân chủ đối với công nhân như: đảm bảo quyền lợi bảo hộ lao động, chế độ lao động, tăng lương... Thế nhưng, giới chủ nhà máy không giải quyết nên công nhân đình công, chiếm xưởng, đóng cửa nhà máy.

Ban Chỉ đạo đấu tranh của công nhân thành lập các tiểu ban phục vụ cho quá trình đấu tranh với địch theo kế hoạch. Trong đó, Ban Thông tin – đối ngoại cho in hàng ngàn truyền đơn, khẩu hiệu kêu gọi công nhân các nhà máy trong Khu kỹ nghệ Biên Hòa và Sài Gòn ủng hộ, hưởng ứng cuộc đấu tranh của công nhân

Cogido. Cuộc đấu tranh này được công nhân 36 nhà máy trong khu Kỹ nghệ Biên Hòa lên tiếng ủng hộ.



Công nhân Nhà máy giấy Cogido thuộc Khu kỹ nghệ Biên Hòa đấu tranh đòi giới chủ và chính quyền ngưng cải thiện đời sống, thực thi luật lao động năm 1966

Giới chủ nhà máy Cogido đã nhờ chính quyền ngưng ở Biên Hòa can thiệp, đưa cảnh sát đến đe dọa đàn áp nhưng công nhân kiên quyết đấu tranh. Tỉnh trưởng biên Hòa với sự hộ tống của cảnh sát đích thân đến nhà máy làm việc để giới chủ và công nhân điều đình nhưng không kết quả. Giới chủ nhà máy đe dọa công nhân. Sau đó, Ty Cảnh sát Biên Hòa điều 2 đại đội cảnh sát có xe vòi rồng đến đàn áp cuộc đấu tranh. Ban chỉ đạo công nhân đấu tranh kịp thời lên các phương án chống đàn áp đồng thời đấu tranh chính trị, ngăn cản không cho cảnh sát vào trong nhà máy. Ban đại diện cử 03 đại diện công nhân gồm Hồ Văn Tâm, Mai Thùy Giang, Lê Thành Đăng đến Tòa hành chánh tỉnh để thương lượng với giới chủ nhà máy và chính quyền địch.

Sau bảy ngày chiếm xưởng, ngày 23 tháng 6 năm 1966, Tổng giám đốc cảnh sát chính quyền Sài Gòn Nguyễn gọc Loan, đại tá Nguyễn Văn Hai - tỉnh trưởng Biên Hòa, Thanh tra Lao động Biên Hòa đến nhà máy để “dàn xếp” cuộc đấu tranh. Thông qua Ty Lao động Biên Hòa, các yêu sách của công nhân nhà máy Cogido được giới chủ giải quyết.

Cuộc đấu tranh này đã gây được tiếng vang. Hưởng ứng và noi gương cuộc đấu tranh của công nhân nhà máy Cogido, hơn 10 nghiệp đoàn các nhà máy trong Khu kỹ nghệ tiến hành đấu tranh đòi cải thiện đời sống, chế độ làm việc cho công nhân và giành được thắng lợi.

2.9 Chiến dịch nổi dậy và tổng tiến công xuân Mậu Thân (1968) trên địa bàn Biên Hoà

Chuẩn bị cho chiến dịch xuân Mậu Thân ở Biên Hòa, đồng chí Lê Đức Anh (Tham mưu Bộ chỉ huy Miền) đã đến làm việc với Thường vụ Khu ủy và Bộ Tư

lệnh sư đoàn 5 tại căn cứ Bàu Sao (Trảng Bom) từ ngày 24 tháng 01 đến ngày 30 tháng 01 năm 1968. Mục đích đánh vào thị xã Biên Hòa nhằm tiêu diệt sinh lực, phá hủy kho tàng nhằm gây tổn thất nặng nề đối với quân Mỹ - nguy; góp phần phá vỡ phòng tuyến phòng thủ của địch phía Đông Sài Gòn. Mục tiêu tấn công của quân cách mạng là Bộ Tư lệnh dã chiến 2 của Mỹ, sân bay quân sự Biên Hòa, Quân đoàn 3, Tổng kho Long Bình cùng với địa điểm như Tòa hành chánh tỉnh Biên Hòa, Ty cảnh sát...

Các đơn vị tham gia tấn công Biên Hòa gồm: Sư đoàn 5 chủ lực Miền, 2 tiểu đoàn đặc công Biên Hòa, trung đoàn pháo binh Biên Hòa, đội Biệt động thị xã Biên Hòa và lực lượng vũ trang Biên Hòa.

Đúng 0 giờ ngày 30 tháng 01 năm 1968, trung đoàn pháo binh Biên Hòa từ Hiếu Liêm pháo tập vào mục tiêu sân bay Biên Hòa, phá hủy nhiều khu vực kỹ thuật, sở chỉ huy và kho tàng... Đồng thời, đặc công Biên Hòa tấn công địch trong sân bay làm cho sân bay này không hoạt động. Sau đó, địch cho phản kích để đánh chiếm lại sân bay. Đặc công sư đoàn 5, lực lượng biệt động thị xã Biên Hòa tấn công Sở chỉ huy Quân đoàn 3. Do tình hình chiến trường căng thẳng nên cánh quân này chuyển hướng tấn công chiếm khách sạn 57 và tấn công đoàn cố vấn Mỹ.

Ở mục tiêu Tổng kho Long Bình, tiểu đoàn 2 trung đoàn 5 và đặc công sư đoàn 5 tấn công vào bãi đậu trực thăng của Bộ Tư lệnh dã chiến Mỹ, gây cho địch nhiều thiệt hại. Thế nhưng, địch phản kích, Bộ chỉ huy Tiền phương tăng cường tiểu đoàn 3 sư đoàn 5 tiếp ứng. Quân giải phóng bám trụ triển khai chiến đấu đến ngày mùng 2 Tết mới rút ra. Lực lượng tham gia tấn công Tổng kho Long Bình bị tổn thất khá nặng. Trong một hướng tấn công khác vào Tổng kho Long Bình, tiểu đoàn 2 đặc công U1 đột nhập vào cao điểm 53, dùng mìn cho nổ hủy diệt 127 kho chứa bom của địch.

Quân giải phóng không tiến đánh được một số mục tiêu theo kế hoạch như Tiểu khu Biên Hòa, Tòa Hành chánh tỉnh, Ty Cảnh sát Biên Hòa. Tại xã Tân Thành, lực lượng vũ trang đánh chiếm công sở xã diệt đội dân vệ thu 24 súng nhưng không triển khai tấn công vào nội ô Biên Hòa được. Ở một số địa bàn nội ô và xã ngoại ô thị xã Biên Hòa, các cơ sở mật treo cờ Mặt trận, rải truyền đơn kêu gọi nhân dân nhưng không phát động được quần chúng nổi dậy.

Tham gia chiến dịch xuân Mậu Thân, mặt trận thị xã Biên Hòa đã loại khỏi vòng chiến đấu khoảng 5.000 quân địch, phá hủy và làm hư hại 120 máy bay, 127 kho bom của địch. Trước tình hình khó khăn của chiến trường, sáng ngày 02 tháng 02 năm 1968 (mùng 3 Tết Mậu Thân), Bộ Chỉ huy Mặt trận Biên Hòa cho lệnh rút quân ra ngoài địa bàn thị xã để bảo toàn lực lượng và chuẩn bị cho những kế hoạch trong tình hình mới.

2.10 Những trận tấn công của quân dân cách mạng trong đợt 2 chiến dịch Nguyễn Huệ cuối năm 1972 trên địa bàn Thống Nhất

Ngày 31-3-1972, chiến dịch Nguyễn Huệ nổ ra ở miền Đông Nam bộ, trọng điểm của chiến dịch là Lộc Ninh (Bình Phước) và Tây Ninh; Biên Hoà, Bà Rịa-Long Khánh là hướng phối hợp. Những thắng lợi của chiến dịch ở Lộc Ninh, Tây Ninh đã tác động và cổ vũ lớn đến tinh thần quân và dân các xã dọc lộ 1 và lộ 20 thuộc địa bàn Thống Nhất (lúc bấy giờ thuộc Trảng Bom).

Tại xã Hưng Lộc và Bàu Hàm 1, chi bộ không những vận động cơ sở và nhân dân quyên góp lương thực mà còn vận động các đoàn viên mật, du kích mật tham gia cùng hậu cần Phân khu tải vũ khí đạn dược, mìn từ chiến khu Đ qua Cây Gáo về căn cứ, kịp thời cung cấp cho bộ đội, chiến sĩ vào đợt đúng kế hoạch.

Ngày 12 tháng 6 năm 1972, lực lượng cách mạng tổ chức 1 trận đánh quy mô cấp tiểu đoàn vào địch ở Bàu Hàm 1. Tham gia trận đánh gồm có đại đội bộ binh huyện, đại đội công binh, đại đội pháo của phân khu chi viện. Cuộc chiến đấu diễn ra ác liệt kéo dài gần 1 ngày. Địch từ Tiểu khu Long Khánh tăng viện lên 3 đại đội bảo an để giải tỏa Sông Thao. Trận đánh càng trở nên ác liệt. Lực lượng cách mạng hy sinh 2 người và bị thương 11 người nhưng đã tiêu diệt và làm bị thương gần 100 lính địch. Trận đánh này được Bộ chỉ huy Miền tặng thưởng Huân chương chiến công hạng 3.

Đêm ngày 3 tháng 10 năm 1972, đại đội 9 pháo Trung đoàn 33 bắn hỏa tiễn vào đồn Sông Thao, phá sập công Hưng Nghĩa, đồng thời đại đội 24 đặc công (E33) tập kích diệt gọn đồn Hưng Lộc, mở đường cho tiểu đoàn 7 và bộ đội huyện đánh chiếm ấp Hưng Lộc. Tiểu đoàn 9 (E33) cùng bộ đội huyện, du kích xã đánh chiếm 2 ấp Sông Thao và Bàu Hàm (xã Bàu Hàm), chi bộ mật đã phát động quần chúng nổi dậy cùng du kích diệt ác ôn, phá rã các đội phòng vệ dân sự, giải phóng 2 ấp. Từ tiểu khu Long Khánh, địch điều 2 đại đội bảo an thuộc liên đội 3/26 và hai trung đội dân vệ lên giải vây. Tiểu đoàn 8 (E33) chặn đánh địch quyết liệt đẩy lùi 3 đợt phản công, diệt gọn 1 trung đội dân vệ, đánh thiệt hại nặng 1 đại đội bảo an, bẻ gãy cuộc hành quân giải tỏa của địch diệt 80 tên. Quốc lộ 1 hoàn toàn bị cắt đứt.

Ngày 12 tháng 10 năm 1972, trung đoàn 33 tiến công vào cụm pháo binh của địch ở Sông Thao, phá hủy khẩu pháo 105 ly, 1 cối 81 ly, diệt nhiều địch (trong đó có 3 thiếu tá, 4 đại úy, 5 trung úy), phá hủy hoàn toàn khu thông tin.

Cuộc tiến công quân sự và phong trào của quần chúng đã đem lại kết quả khả quan trong việc mở cửa khẩu hậu cần trên địa bàn huyện. Trong 6 tháng cuối năm 1972, tỉnh và huyện mở cửa khẩu ở Bàu Cá, Bàu Hàm 1, Hưng Lộc, nối hành lang giao liên từ chiến khu Đ qua lộ 20, lộ 1 tạo điều kiện cho bước “chồm lên chiếm lĩnh” trước khi hiệp định Paris được ký kết.

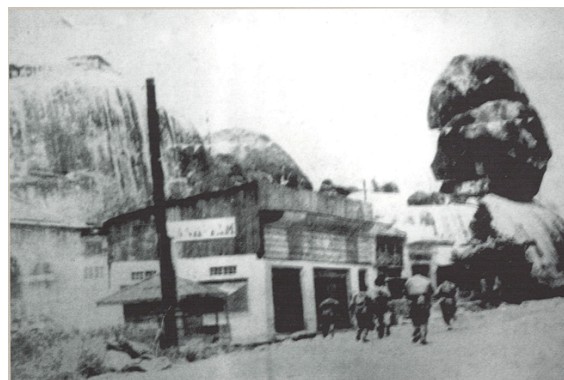
2.11 Trận tấn công của quân giải phóng vào Chi khu Định Quán tháng 3 năm 1975

Ngày 10 tháng 3 năm 1975, quân giải phóng tiến công Ban Mê thuật, mở đầu chiến dịch Tây Nguyên. Trước thời cơ này, Trung ương Cục và Bộ chỉ huy Miền Nam nhận định: địch sẽ sử dụng quốc lộ 20 phía nam Xuân Lộc để nối đường 21, chi viện cho Tây Nguyên. Chi khu Định Quán là điểm phòng thủ án ngữ đường 20. Từ tháng 10 năm 1973, vùng đất Định Quán trực thuộc tỉnh Tân Phú do chính quyền cách mạng thành lập.

Quân giải phóng cần đánh chiếm Chi khu quân sự này để làm chủ đường 20, phối hợp với các mặt trận khác mở đường tiến về Sài Gòn. Bộ Tư lệnh Quân đoàn 4 điều Sư đoàn 7 về hoạt động trên tuyến lộ 20, phối hợp với lực lượng địa phương Tân Phú tấn công địch trên địa bàn. Bộ Tư lệnh tiền phương Mặt trận đường 20 được thành lập, đóng căn cứ tại Suối Sơn (phía tây lộ 20). Ngày 17 tháng 3, cuộc tiến công địch trên đường 20 bắt đầu. Quân giải phóng tấn công vào phân chi khu quân sự địch tại Phương Lâm, La Ngà, Núi Tràn, đồi Lãng Xi, Cao điểm 112 và chi khu Định Quán.

Cuộc chiến đấu diễn ra ác liệt trong thế giằng co. Đến cuối ngày, quân giải phóng chiếm được chi khu và cấm cờ giải phóng trên nóc sớ chỉ huy địch. Từ chiến thắng bước đầu này, những ngày sau đó, quân giải phóng tấn công tiêu diệt địch ở các cụm cố thủ do chúng dựng nên.

Toàn bộ Ban chỉ huy địch tại Chi khu Định Quán bị quân giải phóng bắt gọn. Hệ thống đồn bốt địch trên địa bàn Tân Phú, Định Quán tiếp tục bị bứt phá, lực lượng địch bị truy rút, bỏ chạy. Địa bàn Tân Phú được hoàn toàn giải phóng. Cửa ngõ của địch ở địa đầu Quân khu III của chúng bị phá vỡ đã tạo điều kiện cho quân chủ lực cách mạng bao vây, tiến công thị xã Long Khánh.



Lực lượng cách mạng tiến công, giải phóng thị trấn Định Quán

2.12 Chiến dịch Xuân Lộc

Lo sợ trước khí thế tấn công của Quân giải phóng, ngày 28-3-1975 tướng Uâyoen, Tham mưu trưởng lục quân Mĩ ra Xuân Lộc (Long Khánh ngày nay) khảo sát chiến trường, hình thành “Bức tường thép Xuân Lộc”, giao nhiệm vụ cho các tướng ngụy Sài Gòn “tử thủ” Xuân Lộc. Về phía ta, thực hiện chỉ đạo của Trung ương, Bộ Chỉ huy Miền quyết định mở chiến dịch Xuân Lộc, đập tan tuyến phòng thủ của địch phái đông Sài Gòn. Chiến dịch mở màn từ 5 giờ 30 phút ngày 9-4-1975 bằng việc pháo tầm xa 130 li từ Túc Trưng, Bảo Vinh dội bão lửa vào Xuân Lộc. Các đơn vị quân giải phóng sư đoàn 341, sư đoàn 7, sư đoàn 6, tiểu đoàn 445 đồng loạt tấn công từ các hướng. Chiến sự xảy ra vô cùng ác liệt nhất là ở trung tâm Thị xã, địch bị thiệt hại nặng nề, chúng tăng cường cho máy bay ném bom, bắn phá nhằm chia cắt lực lượng bộ đội ta, đồng thời tổ chức nhiều lực lượng tiếp viện.

1 giờ sáng ngày 21-4-1975, quân ta mở đợt tấn công cuối cùng, nhưng toàn bộ Sư đoàn 18 ngụy đã rút chạy khỏi Xuân Lộc từ 10 giờ đêm 20-4. Trên hướng tỉnh lộ số 2, đại đội 41 quân giải phóng chặn đánh tàn quân địch bắt sống hàng trăm tên, trong đó có Đại tá Phạm Văn Phúc, tỉnh trưởng Long Khánh. 8 giờ sáng ngày 21-4-1975, ngụy quân, ngụy quyền Thị xã Long Khánh tháo chạy, tan rã hoàn toàn. Tuyến phòng thủ cuối cùng của địch bị đập tan, cửa ngõ tiến quân vào Sài Gòn của đại quân ta ở hướng đông được mở, kết thúc chiến dịch lịch sử Xuân Lộc. Sau thất bại ở Xuân Lộc, ngày 23-4-1975, Tổng thống Mĩ tuyên bố: “Cuộc chiến tranh ở Việt Nam đã chấm dứt đối với người Mĩ”.



Các chiến sĩ Sư đoàn 341 quân giải phóng tham gia giải phóng thị xã Long Khánh tháng 4-1975



Quân giải phóng bắt sống Bộ chỉ huy Tiểu khu Long Khánh tháng 4-1975



Quân giải phóng cắm cờ cách mạng trên công sở chính quyền ngay quyền ở thị xã Long Khánh ngày 21-4-1975

Chiến dịch tiến công Xuân Lộc thắng lợi đã đập tan “Cánh cửa thép”, cửa ngõ phía Đông Sài Gòn, làm rung chuyển cả hệ thống phòng thủ còn lại của địch ở xung quanh Sài Gòn.

Là đòn tiến công chiến lược làm rệu rã tinh thần và ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ và tay sai; đập tan ý đồ co cụm, mong chờ sự can thiệp của Mỹ hùng tìm một giải pháp chính trị cho chế độ tay sai ở miền Nam. Ngày 23/4/1975, tổng thống Giê-ran Pho của Mỹ đã tuyên bố cuộc chiến ở miền Nam đã chấm dứt với người Mỹ. Thắng lợi của chiến dịch Xuân Lộc đã tạo một địa bàn tập kết thuận lợi, cho các binh đoàn chủ lực tiến công vào Sài Gòn từ hướng Đông, một thế trận mới rất có lợi làm nên chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng, giải phóng miền Nam, thống nhất nước nhà vào ngày 30/4/1975. Đây là một điểm son chói lọi đậm dấu ấn lịch sử trong cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc của nhân dân Long Khánh, Đồng Nai, là ài sản vô giá của quê hương, là niềm tự hào của thế hệ hôm nay và mai sau.

2.13 Chiến dịch Hồ Chí Minh, giải phóng toàn tỉnh

Trên địa bàn tỉnh Đồng Nai thực hiện phương châm chỉ đạo “các địa phương nổi dậy, xã giải phóng xã, huyện giải phóng huyện”, các địa phương trong tỉnh lần lượt nổi dậy giành chính quyền về tay nhân dân.

Ngày 20-3-1975, giải phóng Tân Phú, Định Quán

Ngày 21-4-1975, giải phóng Long Khánh, Xuân Lộc.

Ngày 28-4-1975, giải phóng Thống Nhất

Ngày 29-4-1975, giải phóng Long Thành, Nhơn Trạch

Ngày 30-4-1975, giải phóng Biên Hoà, Vĩnh Cửu

Ngày 16-4-1975, Bộ Chính trị Trung ương Đảng quyết định mở chiến dịch giải phóng Sài Gòn – Gia Định, mang tên chiến dịch Hồ Chí Minh. Chiến dịch bắt

đầu từ ngày 26-4-1975. Trên địa bàn Đồng Nai hình thành 2 mũi tiến công của hai quân đoàn chủ lực: Quân đoàn 4 tiến vào Sài Gòn theo hướng Quốc lộ 1 và xa lộ Biên Hoà, quân đoàn 2 theo hướng Quốc lộ 15 và phà Cát Lái.

Chiều 29-4-1975, Khu kỹ nghệ Biên Hoà và một số ấp lân cận hoàn toàn giải phóng, toàn bộ địch ở Long Thành – Nhơn Trạch bị quét sạch. 10 giờ 30 phút 30-4-1975, Ủy ban Quân quản Biên Hoà, trung đoàn 5 vào tiếp quản Toà hành chính Biên Hoà.

Ngày 26-8-1945, nhân dân Biên Hoà đã giành chính quyền trong Cách mạng tháng Tám. 30 năm sau, ngày 30-4-1975 cũng tại nơi đây, quân dân Biên Hoà chiếm Toà hành chính, giải phóng hoàn toàn quê hương, kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước 21 năm, mở ra kỉ nguyên mới cho đất nước: Độc lập, thống nhất đất nước, đi lên chủ nghĩa xã hội.

3. CẢM NHẬN CỦA BẢN THÂN VỀ TRUYỀN THỐNG ĐẤU TRANH CÁCH MẠNG CỦA NHÂN DÂN BIÊN HÒA – ĐỒNG NAI

3.1 Truyền thống đấu tranh cách mạng của nhân dân Biên Hòa – Đồng Nai thể hiện truyền thống yêu nước, tinh thần đấu tranh chống giặc ngoại xâm của dân tộc Việt Nam

Nhân dân Đồng Nai là một bộ phận của dân tộc, thừa hưởng được truyền thống đánh giặc của ông cha ta từ 4000 năm, có tinh thần yêu nước nồng nàn, đoàn kết chống ngoại xâm và liên tục chống ngoại xâm trong nhiều thời đại, là vùng đất “gian lao mà anh dũng”.

Khi thực dân Pháp nổ súng xâm lược nước ta lần thứ nhất (1858), đặc biệt khi Gia Định thành thất thủ (1861), Biên Hòa trở thành nơi đứng chân xây dựng lực lượng nghĩa quân chống Pháp của nhiều lực lượng yêu nước. Nhân dân Biên Hòa cùng các dân tộc anh em dưới ngọn cờ khởi nghĩa của “Bình Tây Đại Nguyên Soái” Trương Định đã xây dựng căn cứ kháng chiến Bàu Cá, Giao Loan chống nhau với giặc Pháp rất anh dũng. Những phong trào kháng Pháp sau đó như Đông Du, Duy Tân, các phong trào Hội kín như Đoàn Văn Cự, Trại Lâm Trung... những năm đầu thế kỷ XX, từ những năm này các tầng lớp nhân dân Biên Hòa – Đồng Nai đã thể hiện rõ lòng yêu nước và ý chí quật cường.

Truyền thống yêu nước, ý chí chiến đấu bất khuất, tinh thần tự lực tự cường với quyết tâm cao, tinh thần vượt khó, chủ nghĩa nhân đạo cách mạng, sự gắn bó keo sơn giữa quân và dân Biên Hòa – Đồng Nai tiếp tục được phát huy trong những năm kháng chiến chống Mỹ.

Thắng lợi của nhân dân ta trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước là thành quả vĩ đại nhất của sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội do Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo; Miền Đông gian lao mà anh dũng trong đó

có Đồng Nai đã góp phần tạo nên trang sử hào hùng và chói lọi trên con đường dựng nước và giữ nước của dân tộc, kết thúc oanh liệt cuộc chiến đấu ba mươi năm giành độc lập tự do, thống nhất cho đất nước; chấm dứt ách thống trị hơn một thế kỷ của chủ nghĩa thực dân cũ và mới trên đất nước ta; đánh dấu bước ngoặt quyết định trong lịch sử dân tộc, đưa đất nước ta bước vào kỷ nguyên độc lập tự do.

3.2 Truyền thống đấu tranh cách mạng của nhân dân Biên Hòa – Đồng Nai thể hiện sự lãnh đạo tài tình của Đảng Cộng sản Việt Nam

Đồng Nai, nơi giai cấp công nhân hình thành khá sớm, tiếp thu chủ nghĩa Mác Lênin, trở thành lực lượng nòng cốt lãnh đạo phong trào cách mạng ở địa phương. Một trong những tổ chức Đảng đầu tiên được thành lập trong giai cấp công nhân ở Đồng Nai và miền Đông Nam bộ đã được thành lập ở đồn điền cao su Phú Riềng vào tháng 10/1929. Chi bộ Đảng Phú Riềng là nơi tổ chức, lãnh đạo cuộc đấu tranh vào ngày 03/02/1930 của 5.000 công nhân cao su đình công, chiếm sở mở đầu cho phong trào 1930 – 1931 trong toàn miền.

Tháng 02/1935, chi bộ Đảng Cộng sản Đông Dương Bình Phước – Tân Triều được thành lập, trở thành hạt nhân lãnh đạo phong trào Mặt trận Dân chủ Đông Dương ở Biên Hòa, làm nòng cốt hình thành Tỉnh ủy lâm thời tỉnh Biên Hòa vào năm 1937. Dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy Biên Hòa, phong trào 1936 – 1939, phong trào này là bước tập dợt rất quan trọng của Đảng bộ và nhân dân, tạo niềm tin để cách mạng vượt qua mọi khó khăn gian khổ khi thực dân Pháp khủng bố trắng từ cuối năm 1939, khôi phục phong trào và phát động cao trào giải phóng dân tộc vào những năm 1944 – 1945.

Trong suốt hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, đế quốc Mỹ xâm lược, Đảng bộ và quân dân Đồng Nai đã vận dụng đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện và lâu dài của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam đoàn kết một lòng, tập hợp các tầng lớp nhân dân không phân biệt thành phần giai cấp, dân tộc, tôn giáo hướng vào mục tiêu lý tưởng đấu tranh chung là giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc. Thực hiện tốt chính sách dân vận, Đảng bộ đã xây dựng được cơ sở cách mạng sâu rộng trong nhân dân, do đó đã vượt qua nhiều thử thách quyết liệt, đặc biệt trong những giai đoạn lịch sử 1945 – 1959, 1969 – 1971 cực kỳ khó khăn. Với tinh thần bám trụ kiên cường, tổ chức lực lượng cách mạng tại chỗ phù hợp từng vùng, từng địa bàn; với cách đánh, phương thức đấu tranh kết hợp lực lượng tại chỗ với lực lượng cấp trên, đấu tranh vũ trang gắn chặt với đấu tranh chính trị và binh vận, Đảng bộ Biên Hòa – Đồng Nai đã phát huy được sức mạnh của nhân dân, lập nên nhiều chiến công vang dội. Truyền thống đấu tranh kiên cường của Đảng Bộ và nhân dân Đồng Nai được phát

huy cao độ trong hai cuộc kháng chiến thần thánh của dân tộc chống thực dân, đế quốc vì sự nghiệp giải phóng dân tộc thống nhất đất nước.

3.3 Truyền thống đấu tranh cách mạng của nhân dân Biên Hòa – Đồng Nai thể hiện sự sáng tạo trong nghệ thuật quân sự

320 năm hình thành và phát triển vùng đất lịch sử Biên Hòa – Đồng Nai gắn liền với hàng ngàn năm lịch sử dựng nước và giữ nước hào hùng của dân tộc Việt Nam; với truyền thống đoàn kết, cần cù, sáng tạo trong lao động, anh hùng bất khuất trong chiến đấu, quân và dân Biên Hòa – Đồng Nai đã lập nên những chiến công vang dội, góp phần cùng cả nước hoàn thành nhiệm vụ lịch sử vẻ vang, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc, làm sáng ngời hào khí Đồng Nai.

Với mảnh đất được hình thành và phát triển trong chiều dài lịch sử 320 năm, từng ấy “*sự kiện*” nêu trên cũng đủ nói lên rằng Đồng Nai không chỉ là địa phương giàu truyền thống cách mạng, mà trong chiến tranh nơi đây còn là một chiến trường vô cùng ác liệt.

Năm 1946, lực lượng vũ trang nhân dân Đồng Nai được thành lập. Trải qua 67 năm xây dựng, chiến đấu và trưởng thành; lực lượng vũ trang Đồng Nai do Đảng lãnh đạo luôn luôn là đội quân tiên phong, là lực lượng nòng cốt để xây dựng thế trận nhân dân đánh bại chiến tranh xâm lược của thực dân, đế quốc; không ngừng lớn mạnh, có nhiều đóng góp to lớn trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc và xây dựng phát triển đất nước.

Bản chất cách mạng, bản lĩnh của anh “*Bộ đội cụ Hồ*” tỉnh Đồng Nai thể hiện rất rõ qua từng trận đánh, những hành động. Nhiều địa danh lịch sử, văn hóa của quê hương Đồng Nai ngày nay còn in đậm chiến công của lực lượng vũ trang địa phương, tiêu biểu như chiến thắng: Gia Huynh, Bàu Cá, Bàu Chánh (trong chống Pháp); đặc biệt, trận phục kích giao thông La Ngà đã làm chấn động dư luận trong và ngoài nước. Nghệ thuật đặc công đánh tháp canh cầu Bà Kiên mở đầu cho sự hình thành và phát triển bộ đội đặc công của Quân đội nhân dân Việt Nam.

Với ý chí và quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ không gì lay chuyển nổi, quân dân cả nước nói chung và quân dân Đồng Nai nói riêng đã không quản ngại bất kỳ một khó khăn gian khổ, hy sinh, chiến đấu đến cùng chống quân xâm lược mạnh hơn ta gấp bội. Nhiều trận đánh lớn của quân và dân ta đã làm cho kẻ thù phải khiếp vía kinh hồn đặc biệt phải kể đến vai trò to lớn của chiến khu Đ, chiến khu Rừng Sác... Và trận đánh vào Tổng kho liên hợp hậu cần Long Bình, sân bay Biên Hòa, Thành Tuy Hạ... đã tô điểm thêm cho những chiến công của lực lượng vũ trang Đồng Nai. Nổi bật hơn nữa là mùa xuân 1975, lực lượng vũ trang Đồng Nai chủ động phối hợp với bộ đội chủ lực và sự nổi dậy của quần chúng, đập tan tuyến phòng thủ cuối cùng “*cánh cửa thép Xuân Lộc*”, tạo điều kiện để quân ta tiến vào

giải phóng Sài Gòn, kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước dài hơn 21 năm.

3.4 Truyền thống đấu tranh cách mạng của nhân dân Biên Hòa – Đồng Nai là nền tảng, động lực góp phần phát huy giá trị lịch sử địa phương đối với thế hệ trẻ

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: *“Thanh niên là rường cột của nước nhà, là chủ tương lai của đất nước, tương lai của dân tộc, là lực lượng xung kích trong xây dựng, bảo vệ Tổ quốc, là một trong những nhân tố quyết định sự thành bại của sự nghiệp CNH, HĐH đất nước, hội nhập quốc tế và xây dựng CNXH”*. Trước lúc đi xa, Bác Hồ kính yêu vẫn giành tình cảm và kỳ vọng lớn đối với thanh niên: *“Đoàn viên, thanh niên ta nói chung là tốt, mọi việc đều hăng hái xung phong, không ngại khó khăn, có chí tiến thủ. Đảng cần phải chăm lo giáo dục họ, đào tạo họ thành những người thừa kế xây dựng CNXH vừa “hồng”, vừa “chuyên”. Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc làm rất quan trọng và rất cần thiết”*.

Giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho thế hệ trẻ luôn được Đảng, Nhà nước, gia đình, nhà trường và toàn xã hội quan tâm. Đó là nền tảng tạo nên sự bền vững cho sự ổn định, phát triển của cả hệ thống chính trị Việt Nam.

Đứng trước sự biến động phức tạp của thời cuộc, cũng như ảnh hưởng mặt trái của quá trình hội nhập và toàn cầu hóa, còn một bộ phận thanh, thiếu niên chưa nhận thức đúng đắn về mục tiêu, lý tưởng cách mạng và dễ bị lôi kéo vào những suy nghĩ, hành vi sai trái, lệch lạc. Tình trạng tội phạm và tệ nạn xã hội trong giới trẻ diễn biến phức tạp. Ngoài ra, một bộ phận giới trẻ còn có lối sống thực dụng, ích kỷ. Hiện nay, với sự phát triển nhanh của mạng xã hội, một số thanh, thiếu niên (thậm chí có cả các cháu đang tuổi nhi đồng) có biểu hiện “nghiện Facebook”, sống trong thế giới ảo, không phân định được thông tin đúng, sai trên các trang mạng xã hội; từ đó, có những suy nghĩ và phát ngôn thiếu chuẩn mực, lệch lạc, thói phóng khoáng điếm, khoét sâu những mặt trái, tiêu cực xã hội, gây bất lợi cho sự nghiệp cách mạng...

Nhằm giúp thế hệ trẻ hiểu sâu sắc về giá trị của hoà bình tự do mà các thế hệ cha anh đã hy sinh máu xương để có được; từ đó thêm tự hào, phấn đấu, rèn luyện, tiếp nối, phát huy truyền thống, đóng góp tích cực vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hôm nay thì việc tích cực phối hợp với các ngành, đoàn thể tổ chức các Hội thi kể chuyện, nói chuyện chuyên đề, chiếu phim tư liệu lịch sử, phát động các phong trào tri ân, uống nước nhớ nguồn... cho của thế hệ trẻ hôm nay là điều vô cùng cấp thiết

Những câu chuyện kể của cha anh nhất là những cựu chiến binh - những người đã từng trực tiếp tham gia các cuộc đấu tranh trong những buổi nói chuyện truyền thống cách mạng, lịch sử Đảng bộ địa phương tại các trường học và các chi đoàn... nhân những ngày kỷ niệm lịch sử của dân tộc, của địa phương như thước phim sống động, khơi dậy trong lòng thế hệ trẻ nhất là các em học sinh niềm tự hào một thời quá khứ hào hùng của cha ông. Qua lời kể của các cựu chiến binh - những “nhân chứng sống” của lịch sử, lịch sử, giá trị truyền thống đọng lại trong suy nghĩ của lớp trẻ về niềm tự hào, kiên cường bất khuất của lớp cha anh đi trước, góp phần khơi dậy tinh thần yêu nước, lòng tự hào dân tộc, đạo lý “uống nước nhớ nguồn” cho các em học sinh. Đó là những câu chuyện về những lần hành quân gian khổ, vượt qua hàng trăm cây số dưới mưa bom, bão đạn mới tới được căn cứ; những lần gặp địch và tiêu diệt địch tưởng như chỉ có trong phim ảnh hiện đại; những gương chiến đấu dũng cảm của các anh hùng liệt sỹ trong các cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc... Từ đó giúp các em học sinh rút ra được nhiều bài học về truyền thống yêu nước, tinh thần đoàn kết, có trách nhiệm với xã hội.

Công tác tuyên truyền giáo dục truyền thống cho thanh thiếu niên được coi là nhiệm vụ chính trị được Hội Cựu chiến binh tỉnh chú trọng thường xuyên, nhất là vào các ngày lễ kỷ niệm, ngày lễ lớn của đất nước nhằm giáo dục cho thanh niên lòng yêu nước, tự hào dân tộc, những hiểu biết về lịch sử truyền thống cách mạng, truyền thống quê hương. Hội Cựu chiến binh tỉnh cũng đề ra nhiều hình thức tuyên truyền phong phú, đa dạng như: tổ chức các buổi nói chuyện truyền thống, giao lưu với các nhân chứng lịch sử; Tổ chức cho học sinh, sinh viên đi du lịch tham quan tìm hiểu các di tích lịch sử như: Chiến khu Đ, chiến khu rừng Sác... tổ chức “Du khảo về nguồn”; Tổ chức mít tinh kỷ niệm những ngày lễ lớn của đất nước nói chung và Đồng Nai nói riêng; Phân công các đơn trường học nhận nhiệm vụ bảo quản, sửa sang các nghĩa trang liệt sỹ, các di tích cách mạng, chăm sóc thương binh và các gia đình liệt sỹ, gia đình có công với cách mạng, mẹ Việt Nam anh hùng; Giao lưu với các đơn vị lực lượng vũ trang, Trưng bày sách chuyên đề, hình ảnh tư liệu về Lực lượng vũ trang Đồng Nai trong hai cuộc kháng chiến trường kỳ tại Thư viện tỉnh, Bảo tàng tỉnh, Nhà văn hóa truyền thống của huyện, thị xã... nhằm nâng cao nhận thức từ thực tiễn sống động cho thế hệ trẻ ngày nay. Những hoạt động thiết thực và đa dạng trong công tác giáo dục truyền thống cách mạng của dân tộc, của tỉnh nhà cho thế hệ trẻ đã thực sự tạo động lực, góp phần nâng cao tinh thần yêu nước, yêu quê hương cho thế hệ trẻ, có tác động giáo dục tích cực đến thế hệ trẻ hôm nay.

3.5 Liên hệ thực tiễn của đơn vị và bản thân trong việc phát huy tinh thần xây dựng và bảo vệ quê hương Việt Nam nói chung, Đồng Nai nói riêng

Chiến tranh đã lùi xa, nhưng ấn tượng về cuộc chiến vẫn còn in đậm trong ký ức của mỗi chúng ta, của những người có truyền thống hàng nghìn năm đấu tranh dựng nước và giữ nước. Những kinh nghiệm chiến đấu và thắng lợi vẻ vang của quân và dân Đồng Nai vẫn còn nguyên giá trị. Trong tình hình mới, nhiệm vụ xây dựng thế trận quốc phòng - an ninh, bảo vệ Tổ quốc đã trở nên cấp thiết và đặt ra nhiều vấn đề mới. Trên cơ sở đó việc vận dụng và phát huy sáng tạo những kinh nghiệm chiến đấu của dân quân ta vào xây dựng thế trận quốc phòng - an ninh rộng khắp, vững chắc trên địa bàn góp phần ngăn chặn và làm thất bại mọi âm mưu, hành động phá hoại của các thế lực thù địch là yếu tố vô cùng quý báu.

Tuyên truyền giáo dục truyền thống cách mạng cho học sinh, sinh viên nhằm mục đích giúp học sinh, sinh viên hiểu sâu sắc quá khứ gian khổ, đau thương nhưng anh dũng và vinh quang của dân tộc, của Đảng ta nói chung và của nhân dân Đồng Nai nói riêng để học sinh, sinh viên tự hào, tin tưởng, nhận rõ giá trị của cuộc sống hiện tại, nâng cao tinh thần yêu nước xã hội chủ nghĩa và tinh thần quốc tế chân chính, xây dựng thái độ lao động mới, ý thức tự lực tự cường, có trách nhiệm với xã hội, với tương lai của dân tộc, tu dưỡng đạo đức lối sống và rèn luyện kỹ năng sống, kế tục sự nghiệp của các thế hệ cha anh đi trước, góp phần trong công cuộc xây dựng và bảo vệ tổ quốc, nhất là trong thời kỳ mở cửa và hội nhập quốc tế.

Có thể nói nếu không có những con người anh dũng, khí phách hiên ngang mở đường khai phá, bảm đất, bảm quê, đấu tranh giành lại độc lập tự do cho dân tộc thì làm sao thế hệ chúng ta có được cuộc sống ấm no, hạnh phúc như hôm nay. Chính những suy nghĩ ấy mà khi vừa tốt nghiệp cử nhân ngành Thông tin – thư viện tôi đã chọn Thư viện tỉnh của địa phương mình làm điểm dừng chân. Bởi tôi nghĩ, không nơi đâu bằng chính mảnh đất quê hương - nơi mình đã được sinh ra và lớn lên, nơi đã từng nuôi dưỡng tâm hồn mình. Vậy thì tại sao chúng ta không quay về đóng góp một phần nhỏ tài năng, công sức của mình để phục vụ quê hương yêu dấu.

Sau ngày ra trường đến nay đã được hơn 10 năm, tuy khoảng thời gian công tác tại Thư viện tỉnh Đồng Nai chưa đủ dài nhưng bản thân tôi thật sự thấy mình đã gắn bó với nghề và không ngừng mong muốn được học hỏi nhiều hơn nữa để có thể đem kiến thức của mình phục vụ cho ngành, cho địa phương. Tôi cũng mơ ước một ngày nào đó mình được đi tham quan những nước tiên tiến trên thế giới có hoạt động thư viện phát triển – một hoạt động được xã hội đánh giá cao không chỉ trong việc góp phần xây dựng nền tri thức cho nhân loại mà còn là thước đo cho sự phát triển kinh tế xã hội của đất nước, nhằm bồi đắp thêm kinh nghiệm: công nghệ,

phương pháp, cách thức hoạt động của ngành thư viện nước bạn về ứng dụng trong thư viện mình, đóng góp một phần nào đó cho quê hương Đồng Nai nói chung và Thư viện tỉnh nói riêng.

Đề ôn lại những chiến công oanh liệt của quân và dân ta; và đề tri ân những người đã

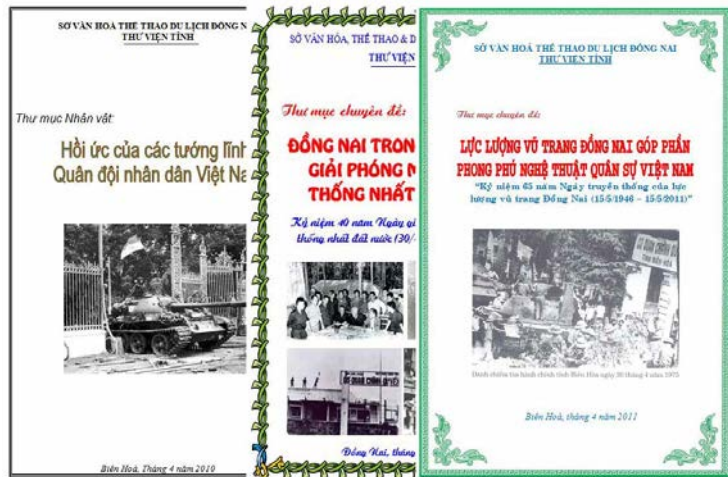
đóng góp xương máu, công sức vào sự nghiệp bảo vệ, xây dựng đất nước, đồng thời giúp thế hệ trẻ hiểu thêm và tự hào hơn về truyền thống xây dựng và bảo vệ đất nước nói chung và quê hương Đồng Nai nói riêng, trong những năm qua bản thân tôi cùng toàn thể cán bộ viên chức Thư viện tỉnh Đồng Nai cũng đã đóng góp nhiều hoạt động tích cực, cụ thể biên soạn và phát hành:

Bộ sưu tập ảnh chuyên đề : Đồng Nai – Hai cuộc kháng chiến trường kỳ bao gồm 115 ảnh tư liệu trên đĩa CD-ROM và đăng trên Website của Thư viện tỉnh

Thư mục “Lực lượng vũ trang Đồng Nai góp phần phong phú nghệ thuật quân sự Việt Nam”. Gồm tập hợp 54 bài viết tiêu biểu của nhiều tác giả đã từng sống, chiến đấu trong giai đoạn lịch sử hào hùng ấy; được trích từ các báo, tạp chí, trang web được chia làm 3 phần: Phần I: Lực lượng vũ trang Đồng Nai trong kháng chiến chống thực dân Pháp; Phần II: Lực lượng vũ trang Đồng Nai trong thời kỳ chống đế quốc Mỹ; Phần III: Lực lượng vũ trang Đồng Nai trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc

Thư mục “Đồng Nai trong công cuộc giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước”, nội dung gồm 2 phần: Phần I: gồm những bài viết Đồng Nai – những trang sử hào hùng và dấu ấn người lính trên chiến trường Đồng Nai; Phần 2: giới thiệu hình ảnh Đồng Nai trong công cuộc kháng chiến chống Mỹ, giải phóng Miền Nam, thống nhất đất nước; Đồng Nai đổi mới và phát triển sau ngày giải phóng.

Nhân kỷ niệm 35 năm ngày giải phóng hoàn toàn miền Nam thống nhất đất nước 30/4/1975 -30/4/2010. Thư viện tỉnh Đồng Nai sưu tầm và biên soạn bản **Thư mục Nhân vật: “Hồi ức của các tướng lĩnh Quân đội nhân dân Việt Nam”**. Thư mục được chia làm ba phần: Phần 1: Bài viết của các Tướng lĩnh; Phần 2: Bài viết của những nhân vật tham gia cuộc chiến; Phần 3: Bài viết của quân dân Đồng Nai về cuộc chiến. Thư mục tái hiện lại một thời hào hùng bởi bao kỳ tích mà quân và dân ta đã lập nên trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Cùng với biết bao tấm gương quả cảm, kiên cường của Tổ quốc – là minh chứng hùng



hồn của đỉnh cao khí phách và trí tuệ Việt Nam trong thời đại Hồ Chí Minh. Hồi ức là bài viết của các Tướng lĩnh, anh hùng quả cảm trực tiếp chiến đấu và chỉ huy trên nhiều chiến trường ác liệt với đầy ắp những kỷ niệm vui, buồn... góp phần tôn vinh truyền thống cách mạng vẻ vang của dân tộc và quân đội đồng thời là để tri ân đồng đội, đồng bào vượt qua mọi thử thách hiểm nguy để chiến đấu giành, giữ từng tấc đất, trong đó nhiều người đã anh dũng hy sinh, tên tuổi của họ đã thành bất tử. Lời kể của những người trực tiếp tham gia chiến dịch như những thước phim chân thực về cuộc chiến đấu mở cửa tiến vào giải phóng Sài Gòn mùa xuân năm 1975. Những trận chiến đấu quả cảm thiêu cháy quân thù bằng ngọn lửa căm hờn; những giờ phút nín thở chờ giặc tới; những đêm hành quân mịt mù khói lửa; những niềm vui ngất trời khi lá cờ chiến thắng tung bay trên căn cứ địch... Và cả những giọt nước mắt nghẹn ngào, đau thắt khi lặn lẽ tiễn đưa đồng đội về nơi an nghỉ... Tất cả, tất cả đều được tái hiện chân thực, giản dị và sinh động. Đây là tư liệu quý góp phần nâng cao ý nghĩa, giá trị các sự kiện lịch sử, lòng tự hào dân tộc về chiến thắng oanh liệt vang vọng khắp năm châu của đất nước “Con Rồng cháu tiên”. Và là nỗi niềm gửi gắm tình cảm đồng chí, đồng đội; tình yêu quê hương đất nước của tác giả đến với mọi người, đặc biệt là thế hệ trẻ.



Những bản thư mục trên được xem như những tư liệu tham khảo có giá trị, phục vụ tốt cho bạn đọc góp phần ôn lại những trang sử hào hùng của dân tộc đặc biệt là chiến thắng vẻ vang của quân và dân Đồng Nai trong công cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ cứu nước, đồng thời nhìn lại chặng đường phấn đấu xây dựng và phát triển đất nước, nhận thức sâu sắc hơn giá trị, những bài học kinh nghiệm được tổng kết từ trong thực tiễn đấu tranh của dân tộc để tiếp thêm sức mạnh, ý chí quyết tâm trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Biên Hòa – Đồng Nai 300 năm hình thành và phát triển*, Nxb Đồng Nai, 1998.
2. *Những tư liệu lịch sử Biên Hòa - Đồng Nai 300 năm hình thành và phát triển*. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Đồng Nai, 1998
3. *Địa chí Đồng Nai : Lịch sử*, Nxb Tổng hợp Đồng Nai, 2001.
4. *Lịch sử chiến khu Đ*. Hồ Sơn Đài (Ch.b), Đỗ Tầm Chương, Nguyễn Quang Hữu, Nxb. Đồng Nai, 1997
5. *Trận phục kích La Ngà. Chiến Sĩ* ; Trần Quang Toại hiệu đính. Nxb. Đồng Nai, 1998
6. *Lịch sử Đảng bộ Đảng cộng sản Việt Nam tỉnh Đồng Nai 1930 – 1995*. Lâm Hiếu Trung (ch.b); Biên soạn : Trần Quang Toại, Trần Toàn, Nguyễn Quang Hữu, Nguyễn Thị Hồng, Nxb. Đồng Nai, 1997
7. *Lịch sử lực lượng vũ trang tỉnh Đồng Nai (1945 – 1950)*. Đảng ủy - Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đồng Nai, Nxb. Quân đội nhân dân, 1999
8. *Lịch sử đặc công miền Đông Nam Bộ (1945-1975)*. Trần Quang Toại, Nxb. Quân đội nhân dân, 1997.
9. *Tổng kết công tác binh vận tỉnh Đồng Nai trong kháng chiến chống Mỹ : 1954 – 1975*. Ban chấp hành tỉnh Đảng Bộ Đồng Nai, Nxb. Đồng Nai, 1998
10. *Trận đầu diệt Mỹ : Hào khí Đồng Nai*. Hồ Văn Sơn (Ch.b), Trần Quang Toại, Nguyễn Quang Hữu, Trần Toàn, Nxb. Đồng Nai, 1999
11. *Long Thành những chặng đường lịch sử : Ký sự lịch sử*. Đỗ Tiến Khải, Trần Trọng Nhiệm, Lê Minh Thuận, Lê Phái biên soạn, Nxb. Đồng Nai, 1988
12. *Nhân dân Bình Sơn chống Mỹ cứu nước*, Nxb. Đồng Nai, 1981
13. *Tội ác thực dân Pháp - đế quốc Mỹ trên địa bàn thành phố Biên Hòa*. Biên soạn: Trần Quang Toại, Nguyễn Quang Hữu, Nguyễn Văn Thanh. Nxb. Đồng Nai, 2000
14. *Cuộc nổi dậy phá khám Tân Hiệp 02 /12 /1956 : Lịch sử truyền thống Biên Hòa*. Hồ Văn Sơn (Ch.b), Trần Quang Toại, Trần Toàn, Nguyễn Quang Hữu, Nxb. Đồng Nai, 2001
15. *Chiến thắng Xuân Lộc - Long Khánh trong cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân 1975*, Nxb. Đồng Nai, 2004
16. Trang điện tử baodongnai.com.vn
17. Trang điện tử dongnai.vncgarden.com
18. Trang điện tử dongnai.gov.vn
19. Trang điện tử thuviendongnai.gov.vn

Câu 2: Hãy cho biết và nêu cảm nhận về những tập quán, tín ngưỡng dân gian của người dân Biên Hòa - Đồng Nai; từ đó giới thiệu một hoạt động tập quán, tín ngưỡng dân gian gắn với cộng đồng xã hội mà anh (chị) từng biết hoặc tham gia? Để phát huy và bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc trong giai đoạn hiện nay anh (chị) sẽ làm gì?

Phong tục tập quán là toàn bộ thói quen thuộc về đời sống của con người và được coi như một nếp sống truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác, tùy theo mỗi địa phương và tín ngưỡng khác nhau, phong tục tập quán ở mỗi quần thể sẽ có những sự khác biệt với nhau.

Tín ngưỡng là niềm tin, sự ngưỡng mộ đối với một đối tượng siêu nhiên nào đó có ảnh hưởng, chi phối đến đời sống sinh hoạt của con người. Đây là một sản phẩm văn hoá do con người quan hệ với tự nhiên, xã hội và chính bản thân mà hình thành, là niềm tin về những điều linh thiêng, những sức mạnh huyền bí, vĩ đại mà con người chỉ cảm nhận được mà khó có thể nhận thức được.

Phong tục tập quán và tín ngưỡng dân gian có vị trí quan trọng trong đời sống tinh thần của không ít các dân tộc trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam. Nó tác động mạnh mẽ đến mọi mặt của xã hội, có tính chất quyết định trong mọi tổ chức sinh hoạt văn hoá cộng đồng, có ý nghĩa chiến lược lâu dài đến việc xây dựng và phát triển văn hoá nước ta trong giai đoạn mở cửa giao lưu văn hoá với nước ngoài và xây dựng một nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

Là một địa phương, một tỉnh của đất nước Việt Nam với 37 dân tộc anh em sinh sống nên phong tục tập quán cũng như tín ngưỡng dân gian của người dân Biên Hòa – Đồng Nai cũng khá phong phú và đa dạng.

1. TẬP QUÁN, TÍN NGƯỠNG DÂN GIAN CỦA NGƯỜI DÂN BIÊN HÒA – ĐỒNG NAI

1.1 Tập quán trong một vòng đời:

Sinh con: Sinh con đầu lòng thường ở nhà mẹ ruột, lần sinh thứ 2 mới ở nhà chồng. Thời gian ở cữ của sản phụ thường kéo dài 1 tháng, có thể dài hơn nếu người mẹ và đứa bé chưa đủ khỏe. *“Sản phụ nằm trên giường, bên dưới để lửa than đỏ ngày đêm không dứt, lại lấy nồi lửa để chận hơi trên bụng mỗi ngày 1, 2 lần, ăn những vật cay mặn khô, uống nước thì tùy theo hương tục, gia tục hoặc quen dùng thuốc Nam lấy rễ cây vằm nhỏ nấu nước uống thường. Khi đầy tháng ra ngoài thì dùng củ nghệ thoa đầy mình để ngăn gió”* (Theo Gia định thành thông

chí, tập hạ, tr.13). Sau 7 hay 9 ngày “đầy cũ” hoặc đúng năm “đầy tuổi” (thôi nôi), bày tiệc ăn mừng

Hôn lễ

Tuy đời tân tiến có khác, nhưng nghi thức về hôn lễ vài nơi trong tỉnh vẫn còn giữ theo cổ tục, mặc dầu đã chế giảm phần nào.

Lục lễ:

Lễ nạp thái (nạp thú, nạp nhan hay bốc thê): Sau khi nghị hôn để tỏ lời hứa hẹn với nhà gái.

Lễ vấn danh (lễ dạm): Xin lộ mạng hay bát tự, hỏi tên, họ, tuổi, ngày, tháng sanh của cô gái.

Lễ nạp kiết: Báo nhà gái biết quẻ tốt cho cuộc hứa hôn.

Lễ nạp lệ (lụa, gạo) hay nạp trung (trang sức): Lễ hỏi chánh thức.

Lễ thỉnh kì: Xin nhà gái định ngày cưới.

Lễ thân nghinh: Lễ cưới, rước dâu.

Lễ hỏi:

Giờ đi: phải là giờ hoàng đạo.

Thứ tự đoàn đi:

+ Chủ hôn hoặc chú rể bung quả hộp bông tai sắp tặng cô dâu, tiền (thê heo) và đôi đèn.

+ Đoàn phụ rể bung lễ vật (trầu, cau, rượu, bánh, trái, sen búp)

+ Ông bà, cha mẹ, họ hàng.

- Lễ trình giờ (xin vào).

Nhà gái: Trình lễ chào mừng.

Bên trai:

- Trình lễ tỏ bày mục đích.

- Mai nhân (hoặc bậc trưởng lão đạo đức có gia quyền còn song toàn) lên đèn, để rể làm lễ gia tiên (từ đường).

- Rể bái kiến và cảm tạ chánh quyền xã, lưỡng tộc.

- Lễ giới thiệu cho rể bái mai nhân, ông bà, cha mẹ, bà con thân tộc bên nhà gái.

- Lễ nạp tài (mai nhân trình và chú hôn trai trao quả hộp sính lễ cho cô dâu tự bung nhờ vị trưởng lão khai khán quả, rồi mới đem ra trình hai họ. Cô dâu lại bung vào, lấy bông đeo lên tai, rồi trở ra bái kiến lưỡng tộc).

- Lễ xưng danh (xin phép cho hai trẻ gọi song đường hai bên bằng cha mẹ)

- Lễ trình lui đèn.

- Tiệc trà.

- Lễ cho rể đỡ mâm trầu (tặng trầu cau cho hai họ dùng liền, nếu không

muốn đợi ba bữa sau sẽ dỡ, **để cô dâu bụng đi biểu** từng nhà).

- Lễ nhà trai cảm tạ và dự kiếu
- Nhà gái tiễn đưa ra xe.

Lễ xâu (biểu): Sau lễ hỏi, mỗi khi nhằm ngày tư, ngày tiết trong năm, nhà trai phải đem lễ vật tùy theo mùa, đến biểu nhà gái.

Làm rể: Tỉnh thoảng, rể phải đến viếng thăm cha mẹ vị hôn thê và giúp đỡ công việc nhà nếu gặp dịp.

Lễ cô gái cáo ông bà cha mẹ (xuất giá): Trong đêm trước ngày cưới, cô gái sắm khay trầu rượu, lạy từ tạ từ đường, ông bà, cha mẹ để sáng ngày sang phục vụ bên nhà chồng kể như đã bước ra vòng ngoại tộc. Nhân dịp này, cha mẹ cũng có những lời khuyên dạy con gái.

Lễ cưới (nhà trai đi rước dâu)

Lễ nạp cheo: Sáng sớm rể và phụ rể phải sang nhà gái đưa đi lễ nơi đình, chùa hoặc nhà thờ.

Lan giai: Lúc đi rước dâu, thường gặp bàn hương án có giăng dây cản do tuần tráng đặt ra, để chủ hôn cho tiền mới mở lối đi.

- Giờ nghinh hôn: Phải là giờ hoàng đạo.

Thứ tự đoàn đi:

- + Hai trẻ ôm cặp ngỗng (thẻ nhận) biểu hiện sự liên hôn mật thiết.
- + **Hai trẻ xách cặp lồng đèn để** tượng trưng cho hôn lễ thường cử hành vào giờ hoàng hôn, lúc âm dương giao hòa
- + Chủ hôn (hoặc rể): Bung quả hộp đựng cặp áo cưới, số tiền sắp tặng cô dâu và đôi đèn.

+ Đoàn phụ rể bung lễ vật (trầu, cau, rượu, bánh, trái, sen nở).

+ Ông bà, cha mẹ, họ hàng.

- Lễ trình giờ (xin vào):

Nhà gái chào mừng.

Bên trai tỏ bày mục đích.

Chủ hôn (hoặc trưởng lão) lên đèn.

Rể làm lễ gia tiên (từ đường)

Lễ bái kiến: Chánh quyền xã, lường tộc, mai nhân, ông bà, cha mẹ, họ hàng nhà gái.

Lễ nạp tài: Mai nhân trình và chủ hôn trai trao sính lễ cặp áo cưới và số tiền cho cô dâu tự khai khán quả rồi trình số bạc. Thường nhà gái cho lại đôi vợ chồng dùng để xây vốn làm ăn.

Lễ trình lui đèn.

Tiệc trà.

Lễ cho rể, dâu dỡ mâm trầu cau tặng hai họ dùng liền

Lễ nhà trai cảm tạ và dự kiếu.

Nhà gái tiễn đưa ra xe.

Nhà gái đưa dâu

Thứ tự đoàn đi:

- Dẫn đầu đi vào nhà: Cụ già (lựa người có vợ chồng song toàn, con cháu đông đúc) mặc áo rộng xanh, được che lộng xanh, cầm bó hương hoặc bung lư trầm.

Kế tiếp: Cô dâu (mặc cặp áo cưới) - Phù dâu, ông bà, cha mẹ, họ hàng.

Lễ trình giờ (xin vào).

Các lễ bên nhà trai:

Nhà trai chào mừng

Nhà gái tỏ bày mục đích

Lễ tế tư hồng: Bàn “diện nhan” đặt ngoài sân, chung đôi chim nhạn, có đọc văn tế (mai dong khăn nguyện cho rể dâu lạy chung).

Lễ gia tiên (từ đường): Mai nhân hoặc trưởng lão lên đèn; Rể và dâu (có một bà hướng dẫn) lạy chung.

Lễ bái kiến thân tộc: Do lời giới thiệu, rể dâu bái tạ: Chánh quyền xã, hai họ, mai nhân, ông bà, cha mẹ, thân tộc nhà trai. dịp này hai vợ chồng mới thường được nhận tặng phẩm (hoặc bằng tiền hoặc bằng lễ vật) do thân bằng quyến thuộc trao biếu.

Lễ hợp cần (giao duyên): Do mẹ chồng hướng dẫn, cô dâu vào loan phòng, bước ngang qua một lò than hồng để xua đuổi tà khí.

Chủ hôn (hoặc băng nhân) vào trái chiếu và chúc: “Bá niên giai lão, sanh năm đẻ bảy”.

Lễ trình lui đèn.

Tiệc rượu

Nhà gái gửi cô dâu cho nhà trai.

Nhà gái cảm tạ và dự kiếu.

Nhà trai tiễn đưa ra xe.

Lễ giao bôi

Tối vào phòng chồng ăn một miếng trầu, lấy một miếng trao cho vợ cùng ăn và rót một chung rượu, mọi người uống một nửa (do lễ vật tế tư hồng).

Lễ giao bái: Vợ bái chồng một bái, gọi để trao thân gửi phận. Chồng bái vợ một bái, gọi để nhận lãnh trách nhiệm bảo vệ người bạn trăm năm.

Lễ nhị hỉ hay tứ hỉ (lại mặt hỏi tộc)

Sau ngày cưới, vợ chồng mới dẫn nhau về thăm cha mẹ vợ và chào hỏi bà con họ hàng: hai bữa gọi là nhị hỉ, bốn bữa gọi là tứ hỉ

Đăng thọ: Cha mẹ được 100 tuổi, lựa đúng ngày sinh nhật, con cháu làm lễ “Thương thọ” tạ Thần tại đình và lễ gia tiên, rồi mới chúc thọ. Cha mẹ mặc lễ phục hình tề, ngồi chiếu thọ tịch trên sạp gụ đặt giữa nhà. Con cháu lạy hai lạy, rồi dâng mỗi người một ly rượu một quả hồng đào, làm lễ “bàn đào chúc Thọ”. Sau đó, bày tiệc đãi bà con, họ hàng, làng xóm đến chứng kiến hạnh phúc của bậc gia trưởng và lòng hiếu thảo của con cháu

Tang chế

Trọng nhất là tang cha mẹ

Khi còn hấp hối, phải đem ra giữa nhà, để tỏ rằng người chết vì lẽ quang minh chánh đại.

Tên thụy (hiệu, hèm, cúng cơm): đặt ra rồi khấn thưa cho người biết.

Hồn bạch: Lấy 9 thước lụa đặt lên mặt, rồi kết thành hình người, để vong hồn người chết nương tựa.

Khi tắt hơi, lấy khăn hay giấy bạch đắp mặt, khiêng xác cho nhập thổ, để hấp thụ sinh khí của đất, như trước kia, đã sinh ra từ dưới mặt đất.

Lễ phục hồn: Cầm giăng áo người chết (tay trái cầm cổ, tay mặt cầm lưng), trèo lên mái nhà trước, chiêu hô (gọi tên và hú hồn) 3 lần, leo bằng nóc mà xuống phía mái sau, rồi lấy áo phủ lên thi thể.

Người trong tang quyến phải xả tóc, đi chân không và ăn cháo để tỏ lòng đau thương.

Tang chủ: Con trưởng nam hay cháu đích tôn thừa trọng.

Tang phụ: Vợ người chết hay vợ chủ tang.

Tắm gội và thay quần áo cho người chết.

Lễ Phạn hàm: Đặt chiếc đĩa ngang miệng, lấy nếp và 3 đồng tiền bỏ ba lần vào miệng người chết (ý không muốn để miệng trống và thêm muốn).

Tiểu liệm: Một mảnh vải dọc, ba mảnh vải ngang.

Đại liệm: Một mảnh dọc, năm mảnh ngang. Chân tay thì bọc trong bốn túi vải (ý để xương lóng vụn vật không bị rơi rớt đi mất).

Thi thể: Chỗ nào khuyết, thiếu, lại phải lấy giấy bù đắp vào cho được vuông vắn.

Lễ nhập quan: Tang quyến phải có mặt đông đủ. Sau đó *phải trải rơm hai bên linh cữu* để thay phiên nhau, nam một bên, nữ một bên, túc trực hầu người chết.

Linh cữu: Đặt giữa nhà (nếu người lớn hơn còn sống, phải đặt gian bên, để tỏ lòng kính nhường). Trên nắp thấp 7 ngọn đèn “thất tinh”.

Linh tọa: Đặt trước linh cữu.

Linh sàng: Đặt phía đông, có đủ mùng, màn, mền, gối, chiếu.

Lễ triệu tịch điện: Sáng, rước hồn bạch từ linh sàng sang linh tọa để dâng cúng. Tối rước về linh sàng để nghỉ.

Minh tinh: Cờ hiệu người chết bằng lụa đỏ, có tên họ, thụy hiệu và tước phẩm viết bằng phấn trắng, bắt đầu bằng: “Cố phụ hay cố mẫu... chi linh cửu” (tính theo 4 chữ “Quý khóc linh thỉnh”: đàn ông dứt nhâm chữ “linh”, và đàn bà, chữ “thỉnh”).

Lễ thành phục (phát tang): Tang quyền mặc tang phục, lạy trước linh cửu, trọng tang quì trên, khinh tang quì dưới.

Lễ thiên cữu: Trước giờ tống táng, nhích linh cửu một chút lấy lễ, gọi đề người chết dời đi cáo biệt ông bà.

Lễ yết tổ: Rước hồn bạch đến từ đường, để bái cáo tổ tiên.

Lễ khiển điện: Tiễn biệt, rước linh cửu lên Đại dư (nhà vàng)

* Thứ tự phát dẫn:

Lễ thần đạo lộ: Cầu cho đi đường được yên ổn

Lễ thần linh dự: Cầu cho đòn cáng, dây khiêng được vững chắc

- Hai phương tướng: mặc áo mũ đạo sĩ, vẽ mặt rắn, cầm đao, dẫn lộ, trừ tà.

Hoặc sư ông: cầm gậy tâm xích, đọc kinh

- Minh tinh

- Đồ minh khí: Bát bửu, đôi, trướng, phúng.

- Hai cờ đàn triệu: Đàn ông đề “Trung tín”, đàn bà đề “Trinh thuận”

- *Thế ký*: Bằng vải trắng có đề:

Hồ sơn vân ám (cha chết).

Dĩ lĩnh vân mê (mẹ chết).

(xuất xứ trong Kinh Thi).

- Bàn hương án.

- Bàn thực án.

- Linh xa (rước hồn bạch, ảnh, bài vị).

- *Công bố*: Cờ hiệu dẫn đường cho đạo tỳ khiêng nhà vàng.

- *Đại dư (nhà vàng)*: Trưởng nam chống gậy trúc (cha), gậy vong (mẹ), đi lùi trước linh cửu

Rải rắc thoi vàng (giấy vàng bạc): Với ý vừa cúng tiền cho ma quỷ để không bám nặng quan tài, vừa để ghi dấu lối về cho hồn vong.

Linh cửu: Đầu đi trước, tỏ ý từ chỗ tối đi ra chỗ sáng.

Bốn góc nhà vàng có bốn dây (nay là hàng thắt trái gấn), bỏ thòng xuống, gọi là “dây chấp phát” ý là để cho khách tống tang kéo xe linh cửu.

Con gái đi sau linh cửu, dưới một giàn màn trắng (bạch mạc, cũng gọi là phương du).

- Đưa đám: Tôn trưởng, bà con, họ hàng, bạn hữu

- Dọc đường: Dừng lại nhà trạm trung đồ, để điện tế linh cữu
- **Nằm lãn đường: Con gái**, dâu trưởng thường có lệ nằm lãn đường, năm ba chặng tùy đường ra huyết xa hay gần. Con gái nằm ngoảnh đi, con dâu nằm ngoảnh lại. Ý nghĩa nằm là để độn đường cho phu khiêng linh cữu bước lên đi được bằng phẳng. Đó là một hình thức của sự báo hiếu

- Trạm tế hạ huyết: Tế Thổ thần.
- Hạ huyết: Trái minh tinh lên nắp quan tài.

Đắp mồ: Con cháu, họ hàng và khách đưa đám, mỗi người lượm một hòn đất vát xuống huyết, gọi là phụ đắp điếm cho người chết được ấm mồ.

- Lễ thành phần:

Lễ Quy lãng: Cúng độ vong.

Đi vong nhang: Các vải “chèu thuyền bát nhã” đưa vong về Tây phương, hoặc cầm hương đi quanh mả, niệm Phật.

- **An sàng:** Rước hồn bạch hay thần chú lên linh xa về nhà đặt vào linh tọa.

Lễ tế đề chủ: Thần chủ (bài vị) đề chữ sẵn, chỉ để chữ “Chủ” còn bớt lại: nét chấm ở trên và nét sổ ở giữa.

Thường nhờ hai người có phẩm giá, một người phúng và một người đề Người trước đặt thần chủ, người sau cầm bút mực mới, chấm đầu và sổ thêm nét còn thiếu trên chữ “Chủ”. Tục này để cầu cho thần chủ được linh thiêng.

Lễ phản khóc và lễ sơ ngu: Cầu vong hồn an tĩnh, rồi đem chôn hồn bạch vào chỗ đất vắng và sạch.

Nghi thức phúng điếu

Khi linh cữu còn quàn tại nhà, chỉ lạy hai lạy coi như người còn sống. (Sau khi mai táng, mới lạy bốn lạy, vì bấy giờ mới kể là lấy đạo thờ người chết).

Khách đến cúng, nếu người sợ, lạy hai lạy; nếu người thân, thì trước khi lạy phải “ô hô” ba tiếng.

Ta có lệ thường lạy bốn lạy, phân hai, cách khoảng một xá: là để kính hai lạy Phật Địa Tạng độ vong, còn hai lạy sau mới kể là lạy vong, vì không đi tiễn táng được.

Con cháu chỉ lạy đáp một nửa, nhưng phải đứng trên nền đất hoặc gạch, mà không được lót đệm chiếu. Liên sau đó, có lễ đáp tạ chính thức.

Làng phúng điếu đám táng hương chức: Xã Bình Long (Công Thanh) có tục riêng, ngoài những nghi lễ thông thường, còn đem đến và cho mang theo khi đi chôn: 2 cờ đuôi nheo, 2 ngọn đại đao, 2 cây kim sách, mà nhiều nơi khác chỉ dành cho lễ thỉnh Sắc thần.

Đãi làng: Tục này ở nhiều nơi được bãi bỏ, tang gia không đãi ăn, mà chỉ dọn cơm thường cho những thân bằng quyến thuộc dùm giúp, dùm hàng ngày tại một nhà kế cận.

Sau khi an táng

Tế tái ngu: Cúng vong, ngày hôm sau.

Tế tam ngu (mở cửa mã): Ba ngày sau, cúng mộ, sửa đắp lại cho vén khéo, nhờ nhà sư tụng - niệm, tiễn tống tà thần ra khỏi mã.

Lễ chung thất: Cúng cơm bữa và mỗi tuần cúng 1 lần đến 49 ngày, làm cỗ cúng lớn.

Lễ tốt khóc, tiểu tường – luyện tế: Cúng 100 ngày, đốt đồ mã, sau đó không còn cúng cơm bữa nữa

Lễ đại trường (trừ linh): Đúng năm, bỏ bớt tang phục (chỉ còn 1 khăn trắng).
Đẹp linh tọa (đem thần chủ hợp thờ với tổ tiên)

Lễ đoạn tất: đàm tế trừ phục (xả tang): đúng 27 tháng

Tang phục - Thời tang

Thời gian: Tùy thân, sơ, mà qui định thời gian dài, ngắn khác nhau. Có 5 bậc tang phục: Trảm thôi và tư thôi (ba năm); Cơ niên (một năm); Đại công (chín tháng); Tiểu công (năm tháng); Ti ma (ba tháng)

Đại tang (đối với cha mẹ):

Áo trùm thôi: Vải thưa, chặt bằng dao mà may (xỏ lai, lộn mí ráp ra ngoài).

Phụ phiến (phụ bằng): Miếng vải thêm ở sau lưng (ý cũng thêm sự đau xót)

Thích: Hai miếng ở hai vai

Ở lưng: Thất dây rom, hay dây chuối, 2 vòng.

Ngoài: Choàng áo rộng bằng vải thưa.

Đầu: Bịt khăn vải thưa, bỏ mối ra sau ót.

Con trưởng nam: Mũ vành bằng bẹ chuối, dép rom (cỏ).

Con gái (chưa chồng): Mũ nhọn bằng vải thô thòng xuống che mặt.

Gậy tang

Bè dài gậy: Đầu lên ngang với quả tim (ý nói sự xót thương đau đớn phát tự tim và vì đau đớn làm thân thể gầy yếu, nên phải chống gậy).

Tang cha: Bằng trúc, gốc trở xuống, đầu trên để tròn tượng Trời (trúc bốn mùa không đổi tiết, cũng như tấm lòng con thương cha, không vì nóng lạnh mà thay đổi).

Tang mẹ: Bằng vông, đầu đẽo vuông, tượng Đất.

Mẹ chết trước: Đồ tư thôi, may vén lai.

Con rể và các cháu: Cơ phục (đội mũ mấn, khăn, áo trắng).

Thân thuộc: Khăn, áo trắng.

Sau khi chôn cất: Thời đại tang: Đem mũ gậy áo treo bên linh tọa; Ăn ở theo lễ: Không vui chơi, không đờn hát, không uống rượu, kiêng phòng sự.

Tân gia (về nhà mới): Lựa ngày tốt mới dọn về ở, sau lễ cúng gia tiên. Bày tiệc ăn mừng tại Biên Hòa, thường bị kiêng cử

1.2 Thờ cúng trong nhà

1.2.1 Tục thờ cúng ông bà

Thờ tổ tiên từ 3 đời trở lại. Chủ trì việc tế tự do gia trưởng trong nhà và tộc trưởng trong họ nhằm những ngày kỵ, giỗ, chạp, tết

Nhà ở Đồng Nai dù nhỏ đến đâu vẫn dành nơi trang trọng nhất để thờ ông bà. Thông thường người địa phương thờ 3-4 đời (cha mẹ, ông bà, cô, sơ), đến đời thứ 5 trở lên thì chôn thần chủ (ngũ đại mai thần chủ). Ông bà từ đời thứ 4 trở lên được thờ chung, phối hưởng ở bàn thờ chính trong nhà hoặc bàn thờ họ ở từ đường.

Bàn thờ ông bà (thờ vọng hoặc thờ tượng trưng) nằm ở chính giữa nhà, bàn thờ cha mẹ ở bên trái, thờ ông bà nội/ ngoại bên phải. Những người khuất mặt khác (anh, chị, em, con) thờ ở một góc trong nhà. Người mới chết được thờ riêng cho đến khi xả tang mới thỉnh lư hương, di ảnh vào bàn thờ chung.

Người Đồng Nai xưa thường sử dụng tủ thờ, phía trên làm bàn thờ, phía dưới chứa đồ đạc, rất tiện lợi. Bàn thờ ngoài bài vị, thần chủ còn có bộ tam sự (chân đèn, lư hương, bình bông), hoặc bộ ngũ sự (thêm cặp hạc - rùa và hộp trầu), có thể có bộ thất sự (thêm 2 món khác tùy ý gia chủ). Nhà càng giàu có, phú quý, bàn thờ và các món bài trí càng tinh xảo, giá trị; tủ thờ bằng gỗ quý, cẩn xà cừ, đồ thờ bằng đồng đúc cầu kỳ, khéo léo.

Những nhà khá giả ở Biên Hòa xưa còn bài trí hoành phi, câu đối ở gian thờ, không chỉ là trang trí mà còn thể hiện “nghị quyết”, truyền thống, ý chí của gia đình, dòng tộc để định hướng cho con cháu đời sau tiếp nối như: Đức lưu phương (lưu Đức làm tiếng thơm), Thiện tối lạc (làm điều Thiện là vui nhất), Nghiệp quang duy cần (sự nghiệp mở mang là nhờ cần cù)...

Vào ngày mất của ông bà, cha mẹ, con cháu trong nhà tổ chức cúng giỗ. Ngoài ý nghĩa tâm linh, cúng giỗ là dịp để tụ họp gia đình, nhớ đến người đã khuất, nói kết thâm tình, nhắc nhở nhau noi theo truyền thống tốt đẹp của tổ tiên, dòng họ, gia đình, trao đổi với nhau những vấn đề hệ trọng.

1.2.2 Thờ thần độ mạng

Đàn ông thờ thần độ mạng là Quan công, hay còn gọi là Quan Thánh đế quân. Quan công có tên là Quan Vân Trường - một nhân vật lịch sử thời Tam Quốc (Trung Quốc). Có lẽ tục thờ Quan công đến Đồng Nai theo con đường nhập cư của lớp người Hoa ban đầu, nhanh chóng được Việt hóa và sau đó trở nên phổ biến, khó phân định nguồn gốc. Tục thờ Quan công độ mạng không phải là biểu hiện của sự sùng bái cá nhân, mà là biểu tượng của tinh thần trọng nhân nghĩa, trung tín, hoạn nạn có nhau, bần cùng không biến tâm, giàu sang không đổi chí, trong mọi hoàn cảnh vẫn một dạ chẳng hai lòng. Tuy nhiên, trong khi tín ngưỡng thờ Quan

công ở Trung Quốc chỉ tôn vinh 4 đức tính: trung, nghĩa, tín, dũng thì ở Đồng Nai cũng như Nam bộ tôn vinh ông đến 5 đức tính (thêm đức tính trí).

Phụ nữ ở Đồng Nai thờ mẫu, thường gọi là mẹ sanh, mẹ độ, phản ánh tín ngưỡng thờ nữ thần của Nam bộ. Đó là các nữ thần quen thuộc trong tín ngưỡng dân gian có nguồn gốc Việt, Hoa, Chăm như: Mẹ sanh (là 12 vị tiên nương phụ trách vấn đề sinh đẻ, còn gọi là 12 Bà Mụ); Chúa Xứ nương nương; Chúa Ngọc nương nương, Chúa Tiên nương nương (có nguồn gốc Chăm); Linh Sơn thánh mẫu, Thiên hậu thánh mẫu, Cửu Thiên huyền nữ (nguồn gốc Hoa), Địa mẫu, Quan Âm bồ tát... Tùy theo hăng tâm mà người thờ chọn nữ thần độ mạng phù hợp với mình.

1.2.3 Thờ cúng các thần bản gia

Một trong những vị thần bản gia được thờ phổ biến, hầu như nhà nào cũng có là Táo quân, theo truyền thuyết gồm “2 ông 1 bà”. Đây là vị thần bảo trợ việc bếp núc nên bàn thờ đặt gần bếp, nhưng không có cốt tượng mà thờ bằng bức giấy dán hồng đơn viết chữ Nho. Ngày thường hoặc các dịp lễ tiết, rằm, 30 hoặc mừng một người dân cúng hoa trái, nước trong trên bàn thờ Táo quân, ngày giỗ trong nhà cũng được thỉnh phôi hưởng. Riêng ngày 23 tháng Chạp hàng năm người dân long trọng làm lễ đưa Táo quân về trời.

Lễ vật đưa Táo quân khác với người miền Bắc, ngoài xôi chè, trái cây người Đồng Nai còn có món không thể thiếu là mứt thèo lèo - được xem là sự giao thoa với văn hóa Trung Hoa bởi người Hoa quan niệm đậu phộng và mè mang lại may mắn và sung túc cho năm mới. Bên cạnh đó, “lễ phục châu trời” của Táo quân không có quần dài vì người Đồng Nai quan niệm Táo quân mặc quần lửng theo kiểu người Nam bộ; không cúng cá chép mà cúng “cò bay, ngựa chạy” (sau này người Đồng Nai mới cúng cá chép như người miền Bắc). Ngày 30 tháng Chạp Táo quân được rước về ăn Tết cùng với ông bà.

Nhiều người Đồng Nai cũng thờ Ông Địa (còn gọi là Thổ công, bảo hộ về đất đai), bàn thờ đặt dưới đất. Cốt tượng Ông Địa có nét mặt vui vẻ, bụng phệ, vú to thể hiện sự sung mãn và tính nữ - biểu tượng của sự thịnh vượng và sinh sản. Theo quan niệm dân gian, Ông Địa là người mau mắn, sẵn lòng giúp đỡ mọi người không nề hà việc gì nên người dân “đụng chuyện” thường khẩn vái cầu Ông Địa, đặc biệt là cầu giúp đỡ tìm đồ vật. Ông Địa hòa nhập với mọi tầng lớp, một số người dân đạo Thiên chúa ở Đồng Nai cũng thờ Ông Địa.

Thần Tài là vị thần coi việc ban bố tiền bạc cho nhân gian, thường được thờ chung với Ông Địa. Người Hoa gọi Thần Tài là Tài Bạch tinh quân, có hình dạng vị quan mặc quan phục một tay cầm phát trần, tay kia cầm thỏi vàng hoặc nén bạc, còn Thần Tài của người Việt tay cầm râu tiền điều hay bó lúa.

Ngoài ra, người dân Biên Hòa xưa còn thờ Ngũ phương ngũ thổ long thần. Trước nhà thường có bàn thiên - là một kiểu thờ cân đối hài hòa trời - đất, trong - ngoài, trên - dưới của người địa phương.

1.3 Tục thờ vọng Quốc tổ và các anh hùng dân tộc

Tuy ra đời muộn nhưng đình, đền, Quốc tổ sớm trở thành trung tâm văn hóa ở địa phương, thu hút niềm tin của các lớp người. Đền Hùng Vương ở Biên Hòa (xây dựng năm 1960) thờ tượng Hùng Vương thứ 18; Điện thờ ở Dầu Giây, huyện Thống Nhất thờ Lạc Long Quân - Âu Cơ; Các anh hùng dân tộc: Trần Hưng Đạo, Nguyễn Tri Phương, các danh nhân có công với vùng đất Đồng Nai: Nguyễn Hữu Cảnh, Tr62n Thượng Xuyên và những nghĩa sĩ chống Pháp: Trương Định, Nguyễn Đức Ứng, Đoàn Văn Cự... cũng được phụng thờ như Thành Hoàng của làng. Tục thờ bác Hồ ở đình cũng là biểu hiện đáng chú ý. Tượng ảnh bác thường được thờ ở bàn Hội đồng hay vị trí của Tiên sư ở hậu điện, hoặc lập bàn thờ Bác ở chánh điện mỗi khi tiến hành cúng Kỳ yên.

1.4 Những lễ thức gia đình trong năm

Lễ cúng các ngày lập tiết:

Thượng Ngươn (rằm tháng giêng)

Hàn thực (mùng ba tháng ba)

Thanh minh (tháng ba)

Đoan ngo (mùng năm tháng năm)

Trung thu (rằm tháng tám)

Trùng cửu (mùng chín tháng chín)

Cơm mới (tháng chín)

Hạ Ngươn (rằm tháng mười)

Tiến táo quân (23 tháng chạp)

Tết Nguyên đán:

Chiều cuối tháng chạp (rước ông bà)

Mùng 1, 2, 3 cúng mỗi ngày

Mùng 3: Cúng gà dâng tổ nghiệp

Mùng 4 (đưa ông bà)

Mùng 7 (khai sơn, hạ nêu)

Việc thờ cúng trong nhà đã trở thành thông tục của người Biên Hòa - Đồng Nai. Người ta nghĩ rằng mái nhà không chỉ để ở mà còn là nơi con người giao hòa với ông bà, tổ tiên, trời đất, thánh thần; nơi ấy con người được che chở, bảo vệ được truyền thừa sức mạnh, và ân đức của lớp người trước để lại cho lớp người sau. Và cũng ở nơi ấy con người có bổn phận phải tri ân các bậc ông bà, thánh

thần và sửa mình sống sao cho xứng đáng. Bởi vậy, việc thờ cúng trong nhà được xem trọng như việc tạo ra căn nhà.

1.5 Đình và lễ hội cúng đình

* **Đình:** Đình trung thường cất giữa chòm cây cao, bóng mát, chia 3 gian:

Chính điện: ở giữa (trong sân)

Trước: Bàn la liệt, lán ra hương án nội, tòi hương án ngoại

Hai bên: Thần nông, Thánh Mẫu; Tả bang, Hữu bang

Tiền, Hậu hiên: Đông, tây hiên

Hậu đình thờ: Tiên sư, Tiên thứ, Lạc sư

Trước sân: Hai bên tả Vưu: Thờ Sơn quân, Chúa Sứ

Sắc thần: thường để trong hòm kín, đặt trên long khám, ngự vào chỗ thâm nghiêm nhất trong chánh điện

Thần có nhiều hạng như: Thiên thần, Nhân thần (thượng, trung, hạ đẳng)

Phúc thần: những người sáng lập làng, quan có công ơn với làng

Những người chết bất đắc kì tử, nhằm giờ thiêng, cũng được tôn thờ làm Thần

Vị Thổ công, ở một vài xã không có sắc thần, cũng được dân làng thờ theo hàng Thần

Đồ thờ: có Tam sự, ngũ sự, đài rượu, quả trầu, cặp đoản đao

Nghi trung: gồm có đồ lễ bộ, loan giá, long đình, bát bửu, cờ quạt, tàn tán...

* **Lễ hội cúng đình :**

Lễ hội cúng đình thể hiện phần hồn của đình. ở Nam bộ phần *lễ* trội hơn phần *hội*. Do phối tự thờ nhiều vị thần trong đình, cho nên lịch lễ dày đặc lễ cúng quanh năm, có thể chia thành hai loại: *Tạp tế* và *cúng kỳ yên*.

Tạp tế là các lễ nhỏ vào các lễ tiết và ngày vía thánh thần trong năm, cúng chứ không tế, và không mở hội, thường là do các *hương chức*, *hội tề* hoặc *Ban tế tự* dâng cúng lễ vật rất đơn giản và lời khấn ngắn gọn. Không cần nghi thức và bài bản quy định.

Các đình không nhất thiết giữ đúng lệ theo lịch lễ tiết nêu trên, tùy theo Ban quý tế của từng đình mà thủ lễ, thêm hoặc bớt ngày cúng; có đình cúng đầy đủ các ngày sóc, vọng; lễ Thượng điền, Hạ điền; cúng cô hồn, liệt sĩ; cúng mặn hoặc cả chay lẫn mặn...

Lễ Kỳ yên (Cầu an) là một trong những lễ hội chính ở các đình của Đồng Nai. Lễ thường diễn ra vào hai mùa xuân và thu hoặc gắn với những ngày liên quan đối với đối tượng được thờ tự. Dân làng đóng góp công của để cúng tế vị thành hoàng bản cảnh với mục đích cầu xin mưa gió thuận hòa (phong điều vũ thuận), mùa màng tốt tươi (phong đăng hòa cốc), quê hương đất nước bình yên

(quốc thái dân an). Lễ hội kỳ yên qua nhiều thế hệ đã trở thành tập quán tín ngưỡng, hình thức sinh hoạt văn hóa truyền thống của cộng đồng người Việt. Lễ hội được tổ chức long trọng với những nghi thức cúng tế chặt chẽ thể hiện lòng cung kính đối với thần linh (mà cụ thể là vị thành hoàng) được thờ nơi đình và các thế hệ có công mở mang, khai phá, phát triển của làng xã (tiền hiền khai khẩn, hậu hiền khai cơ).

Một số đình làng ở Đồng Nai tôn thờ những con người có công với làng xã thành những phúc thần của làng như: đình Bình Kính thờ Lễ thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh, đình Tân Lâm thờ Đức ông Trần Thượng Xuyên, đình Mỹ Khánh thờ Danh tướng Nguyễn Tri Phương, đình Tam Hiệp thờ anh hùng kháng pháp Đoàn Văn Cự...

Thông thường, đáo lễ 3 năm, thì đình làng tổ chức Đại lễ Kỳ yên. Đại lễ Kỳ yên thường được các đình làng với nguồn vật, lực lớn tổ chức. Trong đại lễ Kỳ yên, các nghi thức cúng tế trong Lễ được tổ chức chu đáo, đảm bảo theo tuần tự. Đặc biệt, trong đại lễ Kỳ yên có sự phối hợp giữa các nghi thức cúng tế và hình thức diễn xướng do các đoàn hát bội được mời đảm trách. Quan trọng trong hình thức diễn xướng phục vụ lễ Kỳ yên là Lễ Xây châu – Đại bội và Hát tuồng. Lễ này thường được tiến hành sau khi nghi thức Đàn cả hoàn tất. Đây được xem là phần hội của trong đại lễ Kỳ yên của đình.

Trong các kỳ đại lễ, người dân tham gia khá đông đảo. Nhiều nghi thức lễ và hội diễn ra. Trong lễ Kỳ yên những quy tắc nghi thức lễ được tuân thủ nghiêm ngặt. Các nghi lễ trong Kỳ yên ở đình thường thấy là Túc yết, Đoàn ca, Tế tiền hiền, hậu hiền, Thịnh sắc, Tinh sanh, Hồi sắc, Tống ôn... Mỗi nghi tế được Ban quý tế, các học trò lễ trong sự phân công tuân thủ thực hiện trang trọng.

Trong phần hội, thường tại các ngôi đình lớn tổ chức các sinh hoạt văn hóa rất phong phú: hát bộ, múa lân, đua thuyền, đầu võ, xô giàn... được nhiều người hưởng ứng, tạo nên không khí náo nhiệt. Ở Bến Gỗ thường tổ chức đua thuyền trên sông. Người dân hào hứng đứng trên hai bờ sông cổ vũ sôi động. Một số đình có tổ chức hát bộ cho dân làng xem ba đêm liền với những tuồng tích xưa ca ngợi những con người nghĩa hiệp, anh tài, giúp dân, giúp nước. Ở đình Mỹ Khánh, dân làng thức đợi nghi thức tống ôn (gió độc, dịch bệnh) vào canh ba dưới ánh trăng diu dặt. Với chiếc thuyền trang trí lộng lẫy, lung linh hàng trăm ngọn nến, cờ hoa và lễ vật cúng được hạ thủy, đẩy ra giữa dòng chảy của sông cho trôi đi xa trong cảnh tượng vừa đẹp và linh thiêng...

Tham gia trong lễ hội, người dân như quên hết những âu lo, cực nhọc thường nhật, hội nhập vào không khí thiêng liêng của lễ, náo nhiệt của hội. Qua đó, họ thể hiện lòng biết ơn của mình với thần linh, tổ tiên và thể hiện tinh thần gắn bó cộng đồng, hướng đến những ước vọng tốt đẹp. Hiện nay, trong những đêm lễ hội

kỳ yên tại các đình làng Biên Hòa, loại hình nghệ thuật truyền thống như đờn ca tài tử được các đoàn biểu diễn giao lưu cuốn hút đông đảo người xem, trở thành nét sinh hoạt văn hóa độc đáo.

1.6 Miếu và lễ hội cúng bà

Miếu ở Đồng Nai có các dạng chính:

- *Miếu độc lập ở làng xã*: Gắn với cụm dân cư trong làng ấp. Quy mô hơn các dạng miếu khác, thờ “thánh thần”, những làng, xã chưa có đình đều có lập miếu; dạng miếu này như là tiền thân của cái đình.

- *Miếu ở đình, chùa*: Là những miếu nhỏ ở khuôn viên đình, chùa; thường ở phía trước, thờ các vị *Thổ thần, Sơn thần (thần Hổ), Thánh mẫu, Chiến sĩ trận vong*.

- *Miếu ở đất vườn*: Gắn với các khu đất vườn, đất rẫy, đất ruộng của gia đình, thường thờ *Bà và thần Đất*; người địa phương còn gọi là *Thổ Chủ*.

- *Miếu lẻ ven đường*: Miếu do bá tánh lập lên ở ven đường, ven sông, hoặc dưới bóng cây, gò đất cảm thấy là linh thiêng thờ *Thổ thần* hoặc cô hồn không nơi nương tựa. Đa phần là *miếu cô hồn*.

Khảo sát miếu Bà ở Đồng Nai, Bà được thờ là một tập hợp các nữ thần có nguồn gốc và “lý lịch” khác nhau, được thờ cúng ở miếu tùy theo tâm niệm của mỗi nơi:

- *Bà Âu Cơ*: Bà mẹ “thủy tổ” của dân tộc, theo cư dân Việt vào Đồng Nai khá muộn, được lập miếu thờ vọng gắn với thờ Quốc tổ ở vùng đất mới khai phá sau 1954, thờ cúng đơn giản, lễ cúng chính vào ngày 10 - 3 âm lịch.

- *Bà Ngũ Hành*: Được thờ phổ biến nhất, đó là 5 vị nữ thần ứng với: *Kim Đức Thánh phi, Mộc Đức thánh phi, Thủy Đức thánh phi, Hỏa Đức thánh phi, Thổ Đức thánh phi*. Năm bà Ngũ Hành chỉ là ý niệm chung về các vị nữ thần có thiên chức phù trợ cho việc sản sinh và phát triển; không có thần tích cụ thể; ngày vía chính là 5 - 5 âm lịch. Ở những vùng nhiều hỏa hoạn, đông người Hoa, nhiều khi *Bà Hỏa (Hỏa Đức thánh phi)* được thờ riêng một miếu.

- *Liễu Hạnh Công chúa*: Nữ thần quen thuộc của cư dân Việt ở đồng bằng Bắc bộ, một thành viên trong Tứ Phủ được thờ ở miếu Bà dưới chân núi Gia Lào (thuộc địa bàn huyện Xuân Lộc), được cúng vía vào ngày rằm tháng 3 âm lịch.

- *Bà Chúa Thượng ngàn*: Một nữ thần của cư dân đồng bằng Bắc bộ, của Tam Tòa, Tứ Phủ theo cư dân Việt vào Đồng Nai khá sớm, còn dấu vết được thờ ở nhiều nơi, dần dần bị lấn khuất trong hào quang của các Bà Ngũ Hành, chỉ còn rải rác một vài miếu thờ, như miếu thờ trong khuôn viên đình Thành Hưng (Biên Hòa). Bà được phối hưởng trong lễ cúng đình, không còn cúng ngày vía riêng.

- *Chúa Ngọc nương nương, Chúa Tiên nương nương*: Là biến thể của Thiên Y A Na Diễn Ngọc Phi, mẹ xứ sở Po Inur Nagar của người Chăm; vừa được xem là thần độ mạng cho phụ nữ tại gia, vừa là thần nữ phù trợ cho cộng đồng. Lễ cúng vào ngày 3 tháng 3 (âm lịch) và các ngày rằm lớn.

- *Chúa Xứ nương nương, Linh sơn Thánh mẫu*: Cũng cùng một gốc với Chúa Ngọc, Chúa Tiên nhưng có trú sở, lai lịch và thần tích riêng. Chúa Xứ được giải thích có nguồn gốc ở Châu Đốc, điện thờ chính ở Núi Sam (Châu Đốc, An Giang). Linh Sơn Thánh mẫu cũng vậy, tục gọi là Bà Đen, điện thờ chính ở núi Bà Đen (Tây Ninh).

- *Thiên Hậu Thánh mẫu*: Có nơi còn thờ với tự hiệu là Thiên Phi nương nương (như miếu ở đình An Hòa). Đây là vị nữ thần của người Hoa, họ Lâm gốc Phúc Kiến, được người Hoa đưa vào Nam bộ, hòa nhập với thần thánh địa phương trở thành một trong những vị thần bản địa. Vía Bà Thiên hậu ngày 23 - 3 âm lịch.

- *Cửu Thiên Huyền Nữ*: Vị thần mang ý niệm chung, người ta tin rằng Bà là nữ thần quyền uy tối cao, cai quản cả chín tầng trời. Cửu Thiên Huyền Nữ là vị thần độ mạng phụ nữ, đồng thời là vị thần khai sáng, dạy cho con người biết làm nhà hai mái, biết làm mộc, đóng thuyền; Lộ Ban, Lộ Bốc, thờ Bà làm thầy. Bà được thờ trong miếu khắp nơi, vía Bà ngày 9 - 9 trùng với ngày Cửu Trùng của người Hoa.

- *Mẹ Thai sanh*: Nguồn gốc là Kim Hoa Thánh mẫu của người Hoa, vị thần trông nom về việc sinh nở. Người Đồng Nai thờ Mẹ Thai sanh với quan niệm là “mười hai Mụ Bà và ba Đức Thầy”.

- *Thủy Long Thần nữ*: Gốc là một thần giếng, dần dần được quan niệm là một thần cai quản sông nước, gọi chung là bà Thủy. Trong quan niệm dân gian hiện nay, bà Thủy bao hàm cả chức phận của Hà Bá và có thể cũng là Thủy Đức Thánh phi trong bộ Ngũ Hành, cho nên ngày vía cũng là ngày 5 - 5 âm lịch.

- *Quan Âm Bồ tát*: Vừa là Phật bà vừa là thần nữ. Người địa phương quan niệm Quan Âm có họ hàng với các nữ thần, cùng chức năng cứu khổ, cứu nạn nhất là cứu nạn trên biển. Cho nên, Quan Âm được kéo ra khỏi chùa, gắn với các miếu, nhiều khi cũng được cúng đồ mặn như các nữ thần khác hoặc phối tự ở các miếu lẻ.

- *Các nữ thần bản địa*: Vừa dung nạp những vị nữ thần nhập cư, người Biên Hòa - Đồng Nai vừa có xu hướng gởi gắm niềm tin của mình ở những nữ thần tuy không giàu thần tích nhưng gắn bó với mảnh đất mình đang sinh sống. *Thị Vãi*, một thôn nữ có tính cách khác thường, giàu lòng thương người được người địa phương yêu mến lập miếu thờ, và tên miếu gắn liền với tên núi ở Long Thành - Bà Rịa. *Cô bóng Hiên* chuyên việc bói toán nhưng thực lòng, khảng khái, được người địa phương tin phục, lập miếu thờ ở Thiện Tân (Vĩnh Cửu), Ngày vía Cô 15 tháng

2 âm lịch. Cô *Lê Thị Hồng*, một trinh nữ chết trôi có tấm lòng yêu đất yêu biển Long Hải được ngư dân Long Hải thờ phụng ở Dinh Cô. Vía cô ngày 10 tháng 12 âm lịch.

***Lễ hội cúng Bà** ở mỗi miếu một khác, tùy vào ngày vía của mỗi Bà. Những ngày sóc, vọng, ngày Tết, ngày vía đất, các miếu Bà được mở cửa cúng một lễ nhỏ bằng nhang, đèn, bông, bánh trái. Ngày vía mới là lễ chính. Có nơi cúng thường niên như nhau, có nơi đáo lệ 2, 3 năm một lần. Lễ cúng vía Bà thường vào ban đêm (thuộc âm), do Ban tế tự của làng đứng cúng hoặc có khi do tổ chức Hội mẫu ở địa phương làm chủ lễ. Miếu thuộc hệ dân dã nên nghi thức cúng Bà không đóng khung theo khuôn phép điển lệ; cởi mở, sinh động hơn cúng đình. Tuy nhiên, nhiều địa phương vẫn áp dụng nghi thức cúng đình trong cúng miếu.

Dự phần vào lễ hội cúng Bà phổ biến là *Hát bóng rỗi, Chập Địa - Nàng*; một loại hình nghệ thuật truyền thống phổ biến ở Biên Hòa - Đồng Nai.

Hát bóng rỗi, Chập Địa - Nàng vừa mang tính nghi lễ (để cúng) vừa để giải trí, vui chơi trong lễ hội; đó là hình thức diễn xướng tổng hợp, gồm nhiều tiết mục liên hoàn; đồng thời cũng có thể phân chia thành các tổ hợp tiết mục tùy chọn. Một chương trình đầy đủ của *Hát bóng rỗi, Chập Địa - Nàng*, gồm 8 tiết mục chính, trong đó mỗi tiết mục có thể phân nhỏ, hoặc kéo dài nội dung sinh hoạt. Tiến trình của các tiết mục cũng có thể thay đổi thứ tự hoặc cấu thành nhiều chương trình khác nhau: 1. *Lễ khai tràng*, 2. *Chầu mời - thỉnh tổ*, 3. *Mời tiên ra tuồng*; 4. *Phước lộc*, 5. *Trạng - Nàng xuống huê viên*, 6, 7. *Bóng múa*, 8. *Hát chập*.

2. CẢM NHẬN VỀ PHONG TỤC TẬP QUÁN, TÍN NGƯỠNG DÂN GIAN CỦA NGƯỜI BIÊN HÒA – ĐỒNG NAI

2.1 Tập quán, tín ngưỡng dân gian của người Biên Hòa – Đồng Nai thể hiện nét đẹp văn hóa truyền thống của dân tộc Việt Nam

Tín ngưỡng dân gian chủ yếu của người Việt từ bao đời nay vẫn là tín ngưỡng thờ kính ông bà tổ tiên, thờ kính cha mẹ. Thờ cúng ông bà trong gia đình - một tín ngưỡng đồng thời là bản sắc văn hóa của cư dân Đồng Nai gìn giữ, lưu truyền từ thời mở cõi cho đến nay. Thờ cúng ông bà là cách thể hiện tấm lòng kính trọng, biết ơn đối với cha mẹ, ông bà, tổ tiên. Phong tục này đã kết nối các lớp cư dân Đồng Nai từ bao đời nay, lớp trước lớp sau, vùng này vùng khác, làng này làng nọ, tôn giáo này tôn giáo kia... đều coi việc thờ cúng ông bà là phận sự hiển nhiên.

Những biểu hiện của tín ngưỡng dân gian qua đặc điểm trước nhà người Việt thường có bàn thiên (thờ trời) và trong nhà có bàn thờ tổ tiên, ông bà, cha mẹ, những người đã khuất... cho thấy theo quan niệm người Đồng Nai mái nhà không chỉ để ở mà còn là nơi con người giao hòa, tri ân trời đất, thánh thần, tổ tiên; nơi được bảo vệ, chở che và truyền thừa sức mạnh, ân đức của lớp người trước cho thế

hệ sau. Đây là nét văn hóa rất đặc sắc của người Việt nói chung và người Đồng Nai nói riêng.

Các ngôi đình, đền, miếu được xây dựng để thờ kính những vị thần Thành hoàng, bậc khai quốc hay anh hùng liệt sĩ có công xây dựng và bảo vệ quê hương xứ sở. Những ngôi đình tiêu biểu như: đền thờ Nguyễn Tri Phương, đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh, đình Tân Lâm chứa đựng nhiều giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể của người Đồng Nai hơn 320 năm qua. Hàng năm, tại những cơ sở tín ngưỡng này đều tổ chức những lễ thức cúng kỳ yên đặc trưng văn hóa của cư dân Nam bộ...

2.2 Tập quán, tín ngưỡng dân gian của người Biên Hòa – Đồng Nai là văn hóa tín ngưỡng tích hợp

Ngay từ thời tiền sử, vùng đất Đồng Nai là một trong những trung tâm văn hóa đồ đá của Nam Bộ và được mệnh danh là “văn hóa Đồng Nai” trong diễn trình khảo cổ học Việt Nam. Hình thành trên vùng châu thổ của hệ thống sông Đồng Nai ở phía đông của Nam Bộ, gồm các nhánh sông La Ngà, sông Bé, sông Sài Gòn, thuận đường lên ngược, ra khơi, nối liền đồng bằng với biển và rừng, xứ Đồng Nai trở thành một trạm dừng để cư dân Việt di cư từ phía Bắc tiến vào lan tỏa xuống đồng bằng sông Cửu Long rộng lớn.

Văn hóa Đồng Nai là sự hòa nhập, đan xen, chồng chất và kết tinh của nhiều dòng văn hóa, nhiều nền văn hóa thích ứng với điều kiện của vùng đất mới. Trong văn hóa Đồng Nai có bóng dáng các dòng văn hóa bản địa của người Mạ (Châu Mạ), Chơ Ro (Châu Ro), Xtiêng (Stiêng)..., những dòng văn hóa Bắc Bộ, Trung Bộ do các di dân Việt mang theo, dòng văn hóa Trung Hoa của các lưu dân Hoa Kiều...

Người có công lớn trong công cuộc phát triển vùng Cù lao Phố là Trần Thượng Xuyên. Trong các công thần nhà Nguyễn có công khai khẩn, mở mang bờ cõi phương Nam, Lê Thành Hầu Nguyễn Hữu Cảnh là người đầu tiên được nhắc đến. Trải qua nhiều thăng trầm lịch sử, Cù Lao Phố, dải đất nằm giữa sông Đồng Nai (thành phố Biên Hòa, Đồng Nai), thương cảng sầm uất của Nam Bộ một thời, nay vẫn còn lưu được nhiều nét xưa về thời hưng thịnh với những công trình mang đậm tín ngưỡng văn hóa dân gian đặc trưng của người Đồng Nai xưa.

Tập quán, tín ngưỡng dân gian của cư dân Biên Hòa - Đồng Nai mang tính hỗn dung, hay nói cách khác là đa hệ trong cơ cấu cũng như trong biểu hiện. Đây không phải là đặc tính riêng của cư dân ở Đồng Nai, nhưng nó thể hiện ở Đồng Nai rất đậm nét. Cơ sở kinh tế - xã hội của nó là nền nông nghiệp đa hệ sinh thái: Biển - sông rạch - vườn ruộng - bán sơn địa với nền thương nghiệp phát triển khá sớm. Cho nên, các chủ thể tín ngưỡng dân gian của cư dân Biên Hòa – Đồng Nai gồm đa

thành phần, trong đó tầng lớp thương nhân và thị dân đóng vai trò quan trọng. Tất cả đều hướng lòng tin vào thần linh phù hợp với vị thế của tầng lớp mình rồi lại vươn đến hình ảnh chung nhất của cộng đồng. Ví dụ, về thần Đất chẳng hạn, từ một vị thần chung chung phân hóa thành nhiều vị thần khác nhau có chức năng liên quan đến đất, rồi lại tích hợp thành một bộ “Ông Địa - Thần Tài” hợp tính, hợp tình với cả nông dân, thương nhân và thị dân; thậm chí có sức thuyết phục cả giáo dân.

Đa hệ, hỗn dung nhưng không hỗn tạp, bởi các nhân tố hợp thành tín ngưỡng dân gian chẳng phải theo phép cộng đơn thuần mà là sự tích hợp có hệ thống. Xét ở mặt nào thì hệ thống ấy cũng bền chặt; tín ngưỡng dân gian trọn vẹn với: Vòng đời người - cộng đồng gia đình - cộng đồng xã hội, bao quát ở các cõi: Trời - Người - Đất, trải rộng ở các vùng: Sông nước - vườn ruộng - rừng núi, gồm các hệ tín ngưỡng: Truyền thống - ngoại nhập - bản địa, với hệ thần linh gồm các dạng: Ông bà (tổ tiên) - nhân thần - thiên thần, có giới tính: Nam - trung tính - nữ, và tên tuổi: Hữu danh - ý niệm chung - vô danh, dưới hình thức: Riêng lẻ - cặp đôi - bộ (gồm nhiều vị), thuộc các loại: Chính thống - nửa chính thống - dân dã, có quan hệ tiếp biến với: Nho giáo - Phật giáo - Đạo giáo, được phân bố vị trí thờ cúng hài hòa giữa trung tâm với trái - phải, trước - sau, trong - ngoài, trên - dưới... nó bền chặt đến mức nếu có nhân tố gia nhập mới thì đó chỉ là sự hòa nhập, thêm vào chứ không phải là sự thay thế hoặc thay đổi cơ chế. Nhưng nó không khép kín, không bảo thủ, mà chính sự đa hệ, đa dạng đã tạo ra khả năng nhạy thích ứng, dễ “làm quen” với văn hóa Đông - Tây, kim - cổ... trên cơ sở giữ được truyền thống của cư dân Việt. Từ đặc điểm này, có thể giải thích được tính quảng giao, rộng mở, nhạy bén với cái mới nhưng không xa rời cội nguồn dân tộc của người Biên Hòa - Đồng Nai.

Các nữ thần được thờ tại miếu ở Đồng Nai phần lớn có nguồn gốc nữ thần biển, đánh dấu một hồi ức gắn với chặng đường gian lao hình thành các cộng đồng cư dân Việt ở Đồng Nai. Với một tập hợp nữ thần phức hệ như thế, Đồng Nai như là điểm hội tụ đồng thời cũng là nơi khuếch tán các hệ tín ngưỡng thờ nữ thần của miền Bắc, miền Trung, miền Tây, người Hoa và bản địa. Với số nữ thần được thờ cúng đa dạng, đa hệ; tính nhân bản trong tín ngưỡng dân gian của cư dân ở Đồng Nai bộc lộ rõ nhất. Những nữ thần của khắp ba miền đất nước gần như hội nhập đủ mặt và khuyếch đại uy lực ở Đồng Nai, nó thâm nhập vào thần điện của đình, chùa; lôi kéo cả nữ thần của Phật giáo, Thiên Chúa giáo, thậm chí lấn át cả nam thần. Ngoài các thánh mẫu thường phải dự phần, nhiều đình ở Đồng Nai còn có bàn thờ “Tiền đại phụ nhân” với nghi thức thờ cúng vượt khỏi tục giỗ hậu thông thường.

Đời sống văn hóa dân gian của người Đồng Nai mang đậm sắc thái giao lưu văn hóa của nhiều vùng miền, đặc biệt là văn hóa Bắc bộ và Trung bộ, tạo nên những bản sắc vừa gần gũi thân quen nhưng cũng rất sáng tạo trong quá trình hình thành, phát triển và hội nhập.

2.3 Tập quán, tín ngưỡng dân gian của người Biên Hòa – Đồng Nai thể hiện ước muốn về một cuộc sống bình yên, ấm no, hạnh phúc

Tập quán, tín ngưỡng dân gian của cư dân Việt ở Đồng Nai ít thần bí, sự lý giải về thần linh thường dựa vào lôgic hiện thực hơn là trí tưởng tượng thần thoại. Cho nên, các yếu tố phi lý bị giản lược, hủ tục không nhiều, thần linh có lý lịch và thần tích giản đơn, hợp lý, ít được cường điệu hoặc kỳ diệu hóa; từ đó gần gũi và thân thiết với cõi người hơn. Bà Ngũ Hành với ý niệm chung về sự vận hành của trời đất dần dần được thờ phụng phổ biến hơn các bà đầy huyền thoại khác. Thành Hoàng bản cảnh cũng được biểu niệm chung gắn với vai trò “bảo hộ và quản lý đất đai” tại chỗ hơn là việc tìm đường nối kết với thần linh “bề trên” bằng con đường thần thoại hóa. Thần linh trong tín ngưỡng dân gian của người dân Biên Hòa - Đồng Nai không đối lập, cũng không cách biệt với cõi người, nhân tính nhiều hơn thiên tính, ban phúc hơn là giáng họa, hiếm thấy tà thần; do vậy, người Đồng Nai đối với thần linh bằng lòng thành tri ân hơn là sự sợ hãi, phục tùng.

Tập quán, tín ngưỡng dân gian của cư dân Biên Hòa - Đồng Nai là một hiện tượng thực tế không thể phủ nhận được. Đó là “món ăn tinh thần” để người Đồng Nai hình thành, phát triển, vượt qua gian khổ, chiến tranh; và nay tiếp tục gắn với đời sống tinh thần của con người trên bước đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

3. GIỚI THIỆU TẬP QUÁN TÍN NGƯỠNG DÂN GIAN GẮN VỚI CỘNG ĐỒNG XÃ HỘI

Đồng Nai là vùng đất giàu truyền thống văn hóa. Những sắc thái văn hóa được tạo dựng qua nhiều thời kỳ của nhiều cộng đồng dân cư. Thời tiền, sơ sử Đồng Nai được biết đến với những di chỉ khảo cổ nổi tiếng, nhiều bộ sưu tập hiện vật độc đáo. Những tộc người sinh sống lâu đời, như: Mạ, Choro, S'tiêng, Kh'mer... vẫn còn bảo lưu những nét riêng trong tín ngưỡng dân gian và các lễ hội dân gian. Thời kỳ khai phá cách đây trên 3 thế kỷ, Biên Hòa - Đồng Nai tiếp nhận các luồng dân cư từ các nơi khác đến tạo lập cuộc sống.

Cùng với Nam bộ, vùng đất mới này trở nên sôi động hơn với sự phát triển kinh tế, xã hội mạnh mẽ. Cộng đồng người Hoa đến sinh sống tại Biên Hòa đã góp phần cho vùng đất này phát triển và để lại những giá trị trong kho tàng di sản văn hóa của Đồng Nai. Có thể nói, tính chất mở của vùng đất mới, trầm tích văn hóa của thời kỳ xa xưa trên nền của văn hóa tộc người bản địa và sự xuất hiện của cộng

đồng dân cư đến khai khẩn cách đây 320 năm đã làm nên một bức tranh sinh động, đa sắc màu của văn hóa Biên Hòa xưa - Đồng Nai nay.

Một trong những hoạt động tập quán tín ngưỡng dân gian ở Biên Hòa – Đồng Nai mà tôi được biết và đã từng tham gia đó là: Lễ hội làm chay của người Hoa tại thành phố Biên Hòa tỉnh Đồng Nai.

3.1 Đôi nét về tín ngưỡng dân gian của người Hoa ở thành phố Biên Hòa tỉnh Đồng Nai

Vào năm 1698, được chúa Nguyễn sai kinh lược phương Nam, viên thống soái này đã chọn Cù Lao Phố làm nơi đặt tổng hành dinh. Tại đây, ông thiết lập bản doanh, tổ chức cơ sở hành chính, ổn định đời sống dân chúng bằng cách thiết lập phủ, huyện, tổng, xã, thôn của các vùng Phước Long, Biên Trấn. Việc quy định khai khẩn ruộng đất, lập sổ bộ đinh, điền, thuế má đã giúp chúa Nguyễn có thêm nguồn lợi. Ông cũng chính là người có sáng kiến khuyến khích dân chúng các dinh trấn Quảng Nam, Quảng Ngãi vào khai khẩn ruộng đất, lập vườn tược, hình thành các làng mạc trù phú ở Đồng Nai.

Người có công lớn trong công cuộc phát triển vùng Cù lao Phố là Trần Thượng Xuyên tự Trần Thắng Tài, nguyên là tổng binh ba châu Cao - Lôi - Liêm dưới triều Minh. Năm 1679 do không thuận phục nhà Thanh, Trần Thượng Xuyên và Dương Ngạn Địch đã dẫn 3000 quân và 50 chiếc thuyền nhập cửa biển Tư Dung xin định cư ở nước ta. Nhóm Long Môn của Dương Ngạn Địch theo cửa Đại, cửa Tiểu đến định cư ở Mỹ Tho. Nhóm Cao, Lôi, Liêm của Trần Thượng Xuyên theo cửa biển Cần Giờ đến sinh sống ở xứ Bàn Lân (Biên Hòa ngày nay).

Sau khi dừng chân ở Bàn Lân, nhóm Trần Thượng Xuyên trong đó có người Hoa bang Hẹ đã đến Cù Lao Phố khai hoang lập nghiệp, lập ấp, xây dựng phố xá, phát triển nơi đây thành một thương cảng sầm uất bậc nhất xứ Đàng Trong suốt thế kỷ XVII - XVIII.

Mỗi bang có một nghề khác nhau nên người Hoa đã di dân đến từng vùng thích hợp để thuận tiện cho việc phát triển ngành nghề của họ. Người Hẹ có nghề thủ công cổ truyền là điêu khắc đá nên định cư ở Cù Lao Phố một thời gian sau họ di chuyển đến sinh sống ở khu vực Bửu Long - nơi có nguồn nguyên liệu đá xanh dồi dào, chất lượng tốt, dễ khai thác, phù hợp với nghề truyền thống chính quốc. Làng nghề điêu khắc đá ở Bửu Long hình thành trong thời gian này và được phát triển thêm các nghề: Mộc và Rèn.

Với đạo lý “tôn sư trọng đạo”, “uống nước nhớ nguồn”, “ăn quả nhớ người trồng cây”, tưởng nhớ đến công lao truyền dạy cho các thế hệ con cháu những nghề truyền thống giúp họ lập nghiệp, khoảng năm 1860 cộng đồng người Hoa bang Hẹ đã xây dựng Miếu Tổ sư để thờ ba vị tổ nghề: Ngũ Đẳng (nghề đá), Lỗ Ban (nghề mộc), Uất Trì Cung (nghề rèn).

*** Tổ nghề đá:**

Người Trung Hoa thường biết đến Ngũ Đấng là một lực sĩ lớn mạnh. Ông là người nước Thục, sống vào đời Tiên Tần. Tuy không phải là ông tổ nghề đá, nhưng ông có công trong việc cùng sáng lập nghề nghiệp và có lẽ do có sức khỏe nên người Hoa tôn vinh ông là vị Tổ nghề đá. Sinh thời ông được vua phong chức Thái Tổ Thiệu Bảo.

*** Tổ nghề Mộc:**

Chuyện kể rằng, từ thuở hồng hoang con người phải sống trong hang đá như những bầy thú, trời thương dân nên bèn sai một vị nữ thần xuống trần dạy mọi người làm nhà để ở. Bà không nói cho dân chúng nghe, cũng không làm cho dân chúng bắt chước mà chỉ kín đáo ra hiệu bằng cách đứng thẳng người, hai tay chống nạnh vào hông gợi ý làm cái cột và kèo; Bà lấy lá dứa cửa vào tay gợi ý làm cái cửa.... Có rất nhiều người nhìn cử chỉ của bà nhưng không hiểu. Riêng có hai anh em tên Lỗ Ban và Lỗ Bộc là sáng ý và lãnh hội được ý nghĩ sâu xa ấy mà chế ra các dụng cụ như: cửa, đục, thước để làm các kiểu nhà mà bà đã chỉ dạy. Nghề Mộc ra đời từ đó và các thợ Mộc sau này đều tôn vinh ông Lỗ Ban là vị tổ nghề của mình. Lỗ Ban tên thật là Công Thâu Ban hay Công Thâu Tử, là người nước Lỗ nên người dân thường gọi ông là Lỗ Ban. Ông sống vào thời Xuân Thu Chiến Quốc, sau khi truyền nghề lại cho các thế hệ sau, Lỗ Ban được coi là người thợ khéo của thiên hạ (thiên hạ chi tinh xảo).

*** Tổ nghề Rèn:**

Vào thời đại Đường ở Trung Quốc (627 - 649), có một vị công thần tương truyền là người sáng chế ra nghề Rèn, đó là ông Uất Trì Cung. Ông từng là phò tá cho Lý Thế Dân góp công dẹp loạn ngoại bang thống nhất đất nước thành lập đại Đường và ông cũng chính là người sáng tạo ra các công cụ binh khí và các nông cụ như: cày, cuốc, đục... góp phần dẹp loạn xâm lăng và sản xuất nông nghiệp cho người dân. Thấy được công lao to lớn của ông, ngay khi còn sống, người dân đã tôn vinh ông là vị Tổ nghề Rèn. Khi ông mất, hình ảnh ông Uất Trì Cung đã ăn sâu vào tâm trí người dân, do vậy các cơ sở tín ngưỡng có thờ các vị Tổ nghề trong đó có tổ nghề Rèn là ông Uất Trì Cung. Ông cũng được phong Hộ Quốc Công thần, từ thuở nhỏ ông cũng là người thợ đục đá.

Việc thờ ba vị Tổ này giải thích mối quan hệ chặt chẽ giữa ba nghề, dựa vào nhau cùng tồn tại và phát triển. Nghề Rèn làm và sử dụng cụ búa, đục các loại cho nghề Mộc, nghề Đá. Nghề Đá, Mộc làm ra sản phẩm để nuôi sống mình và nghề Rèn.

Bên cạnh việc thờ ba vị tổ nghề nói trên, Miếu Tổ sư còn phối thờ Thiên Hậu Thánh Mẫu, Quan Công (Quan Vũ, Quan Vân Trường, Quan Thánh Đế Quân).

*** Thiên Hậu Thánh Mẫu**

Năm 1967 người Hoa rước thờ bà Thiên Hậu ở miếu cây Quăn phía bờ sông Đồng Nai vào thờ tại Miếu Tổ sư. Trong tín ngưỡng người Hoa bà Thiên Hậu được dùng với nhiều mỹ từ tôn kính. Truyền thuyết về Bà Thiên Hậu có nhiều dị bản nhưng tựu chung đó là một người phụ nữ đức hạnh, có lòng hiếu thảo, có tài tiên đoán chính xác về thời tiết, giúp ngư dân trong vùng tránh được nhiều tai ương của nghề đi biển. Sau khi mất, bà rất hiển linh cứu những thuyền bè lâm nạn, độ trì giúp họ vượt qua cơn giông bão, tai ương. Vì vậy, nên khi đến vùng đất mới sinh sống, cộng đồng người Hoa không quên lập miếu thờ bà.

Còn theo một số điển tích mà các cụ bô lão người Hoa bang Hẹ tại địa phương kể lại thì: Trước đây ở vùng Bửu Long có nạn dịch tả, Bà Thiên Hậu nhập đồng vào ông Tào Khương (tiếng Hẹ gọi là Sùng Khoảng) cho biết phải có người lên núi hái đủ 103 vị thuốc bằng lá về trị cho dân làng, người ta làm theo và trong vùng hết nạn dịch. Vì vậy, cũng từ đây Miếu Tổ sư còn có danh xưng là *Thiên Hậu cổ miếu* và nhân dân trong vùng quen gọi là chùa Bà Thiên Hậu.

*** Quan Thánh Đế Quân:**

Quan Thánh Đế Quân là người Hà Đông sống vào thời Tam Quốc. Người Hoa thờ ông vì ông tượng trưng cho danh dự, lòng thủy chung, sự hy sinh, độ lượng, can đảm, lòng tốt, sự công minh chính trực, dũng cảm và tấm gương trung nghĩa tỏa sáng muôn đời. Ngoài ra, cũng có người tin rằng ông là nhân vật thiêng đã hiển thánh và “độ” cho giới đàn ông.

Việc phối thờ các đối tượng này xuất phát từ việc bảo tồn tín ngưỡng cộng đồng, thờ những vị phúc thần của người Hoa nhằm đáp ứng nhu cầu tâm linh của khách hành hương từ khắp bốn phương về cúng bái chứ không chỉ giới hạn trong cộng đồng người Hoa bang Hẹ làm nghề điêu khắc đá tại địa phương.

Như vậy, các tượng thờ ở Miếu Tổ sư là một tập hợp khá đầy đủ các Tổ nghề, thần linh chính yếu của cộng đồng người Hoa bao gồm: Tổ nghề (đá, mộc, rèn); thần linh của tín ngưỡng là ông Quan Công - vị thần bảo hộ cho cộng đồng người Hoa trước tiên là vị thần của giới võ tướng; tín ngưỡng thờ bà Thiên Hậu (hộ thần của giới đi biển, buôn bán thương hồ)...

3.2 Vài nét về Miếu Tổ sư - Nơi tổ chức Lễ hội làm Chay của người Hoa ở thành phố Biên Hòa – tỉnh Đồng Nai

Miếu Tổ sư tọa lạc trong một khu đất tương đối bằng phẳng trên đường Huỳnh Văn Nghệ (tính lộ 24 cũ), thuộc khu phố 5, phường Bửu Long, Biên Hòa - Đồng Nai, cách trung tâm thành phố Biên Hòa khoảng 4 km về hướng Bắc, liền kề khu danh thắng Bửu Long và Văn miếu Trấn Biên. Đây là ngôi miếu có địa thế phong thủy khá đẹp: mặt tiền hướng ra sông Đồng Nai, mặt sau dựa núi Long Ân.

Ban đầu Miếu có quy mô nhỏ, thấp, chỉ có gian Chánh điện thờ ba vị tổ nghề.

Năm 1886, 1894 Miếu được trùng tu, nâng cấp khang trang, đồ sộ như hiện hữu.

Năm 1904, 1924, 1941, 1967, 1970 Miếu được sửa chữa, xây thêm bộ thờ, làm một số bao lam, liễn đối bằng gỗ, trang bị thêm đồ thờ cúng, làm nhà võ ca.

Năm 2001, 2006, Ban Trị sự miếu tiếp tục sửa chữa, sơn phết lại các tấm bao lam, hoành phi, liễn đối, xây cao hàng rào bảo vệ bao quanh, tu sửa sân, tháo bỏ nhà võ ca dựng một nhà vòm rộng và thông thoáng hơn ở sân miếu để thuận lợi cho việc tổ chức lễ hội chay và các hoạt động khác của miếu.

Ngày 18 tháng 7 năm 2010, trùng tu tôn tạo các hạng mục chính điện và phần mái trung điện bị mối mọt xâm hại, hư hỏng theo thời gian.

Năm 2011, trùng tu các hạng mục trung điện và tiền điện.

Với bề dày về lịch sử, văn hóa vô cùng đặc sắc và mang nhiều giá trị đối với vùng đất, con người Đồng Nai, di tích Miếu Tổ sư (chùa Bà Thiên Hậu) được Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai xếp hạng là *Di tích lịch sử - kiến trúc nghệ thuật* (Quyết định số 981/QĐ- UBND ngày 28 tháng 3 năm 2008).

Không gian và kiến trúc Miếu:

Miếu có hai cổng: cổng trong và cổng ngoài.



Cổng ngoài còn gọi là cổng Tam quan, có kiến trúc rất đẹp. Chiều cao nơi cao nhất là 6m, rộng 6,1m (cả ba lối vào), được tạo dựng bởi 4 cột vuông, chia thành ba lối vào. Lối vào chính giữa được tạo dựng bởi hai cột cao trên 4m xây chất liệu xi măng, gạch thẻ, mặt ngoài ốp 33 hàng đá xanh; hai lối còn lại

(lối phụ) được tạo dựng bởi hai cột thấp hơn (khoảng 3,5m) bằng xi măng, gạch thẻ, mặt ngoài ốp 20 hàng đá xanh. Mái cổng lợp ngói âm dương ống ngỗng men xanh có trang trí hoa văn hình lá bồ đề ở đường riềm mái. Mặt trước cổng đề 3 dòng chữ Hán màu vàng: chính giữa là *Thiên Hậu cổ miếu*, bên trái là *Thiên hạ thái bình* và bên phải là *Như sở đề an*. Ngoài cổng dựng là nơi ra vào, cổng Tam quan còn là điểm nhấn thị giác cho du khách mỗi khi ngang qua đã biết đây là cơ sở tín ngưỡng của người Hoa.

Phía trong cổng Tam quan là khoảng sân rộng. Sân này còn gọi là *sân ngoài*. Sân được trồng một số cây cổ thụ như: bồ đề, phượng, bàng... Cứ mỗi dịp diễn ra việc cúng lễ, đặc biệt là Lễ hội làm Chay, sân ngoài lại rộn rã tiếng trống múa lân sư rồng; lộng lẫy với sân khấu ca cổ, hào hứng với nghi thức thỉnh đèn lồng.

Từ cổng ngoài đi theo con đường mòn rải đá mi đi vào khoảng 50m là đến *cổng trong*, cổng trong là cổng phụ được xây dựng để ngăn cách giữa sân ngoài với nơi thờ tự (Miếu Tổ sư), cổng trong thiết kế đơn giản, được tạo dựng bởi hai cột xây gạch thẻ, xi măng vuông (cạnh 40cm x 40cm) ngoài



ốp 25 hàng đá xanh, trước hai trụ cột phía ngoài có đặt hai con kỳ lân bằng đá để chắn giữ không cho tà ma vào quấy phá miếu, cổng có kích thước (rộng 4m, cao 2,5m), được thiết kế với hai cánh cửa sắt thông thoáng sơn màu đỏ, vàng. Đây là màu đặc trưng của các công trình kiến trúc tôn giáo Trung Hoa.

Qua khỏi cổng trong là đến sân trong của miếu. Cứ vào dịp Lễ hội làm Chay, sân trong lại nguy nga, lộng lẫy với những sắc màu rực rỡ bởi một điện thờ với bàn hương án đặt trên bục gỗ ở chính giữa sân, đây là nơi diễn ra các nghi thức tế lễ.

Những ngày thường, giữa sân đặt một lư hương; bên trái là hồ cảnh, giữa hồ dựng *bàn thờ Thiên quang tứ phước*; bên phải sân là *bàn thờ thổ địa*, được làm bằng đá. Sân trong tạo dựng nhà vòm với 14 cột sắt sơn đỏ, hình tròn, rộng có đường kính 20cm. Nhà vòm có mái kiểu chồng diêm (hai tầng) tầng trên rộng hơn tầng dưới khoảng 50cm, lợp tôn giả ngói sơn xanh. Các đầu mái được trang trí rồng cách điệu uốn cong tạo sự thanh cao, trong sáng và luôn hướng tới điều tốt lành. Mặt tiền nhà vòm có đề tên các vị được thờ tại ba gian Chánh điện bằng chữ Hán màu trắng sắp xếp theo thứ tự từ trái sang phải: Thiên Hậu Thánh Mẫu, Tiên Sư Tổ Miếu, Quan Thánh Đế Quân.

Miếu Tổ sư gồm ba tòa nhà riêng biệt nhưng liên kết với nhau bởi bố cục mặt bằng theo kiểu “nội Công, ngoại Quốc” gồm một tòa nhà chính giữa gọi là điện thờ chính bao gồm: Tiền điện, Trung điện và Hậu điện hình chữ Công, hai dãy nhà bao quanh là nhà khách, nhà bếp và nhà thờ các vị tiền bối hình chữ Khẩu.

*** Điện thờ chính (Tòa nhà chính giữa):**

Đây là nơi thờ phụng chính của miếu. Điện thờ gồm ba gian (gian ngoài là Tiền điện thờ Phước đức lão gia; giữa là gian Trung điện (còn gọi là Thiên Tinh) thờ trời, đất; trong cùng là gian Hậu điện thờ Tam vị Tổ sư, Thiên Hậu Thánh Mẫu và Quan Thánh Đế Quân).



- **Tiền điện:** Tiền điện cũng là mặt trước của miếu, là dạng nhà ba gian hai mái ngang, lợp ngói âm dương tiểu đại hay còn gọi là ống ngỗng, cuối mái có đường riềm hình lá bồ đề và hoa văn dây leo màu xanh. Đây là kiểu mái đặc trưng của những công trình kiến trúc tín ngưỡng Trung Hoa.

Trên nóc Tiền điện cũng là mặt trước của mái miếu là một công trình nghệ thuật đặc sắc với hàng trăm tiểu tượng người, vật... bằng gốm men xanh thể hiện các lễ hội, tuồng tích tiêu biểu của người Trung Hoa như: cảnh hát bội, hát tuồng,

Một phần nóc tiền điện



múa hát cung đình, tập võ, đá cầu, tiên đồng, ngọc nữ, phù điêu mai, lan, trúc, cúc... Phía sau các bức phù điêu (mặt bên trong) cũng được trang trí các mảng đề tài hoa điều bằng gốm men xanh nhìn rất sống động và mềm mại. Các tác phẩm gốm trên bờ nóc mái là sản phẩm gốm men xanh (gốm Cây Mai)

do lò gốm Bảo Nguyên ở Sài Gòn (Gia Định) sản xuất năm Quang Tự 20 (năm Giáp Ngọ - 1894). Dưới bờ riềm mái ngói là các tác phẩm điêu khắc gỗ chạm nổi các đề tài: cúc điều, sen điều, bát bửu, nai lân... Đây là những tác phẩm gốm và điêu khắc gỗ rất đẹp, đặc sắc và có giá trị nghệ thuật rất cao.

Bước vào Tiền điện phải qua bậc tam cấp và hành lang còn gọi là tiền sảnh. Hành lang được tạo dựng từ nền, cột đến tường hoàn toàn bằng đá xanh thô Bửu Long. Hành lang có mái được tạo dựng bởi 2 cột hình vuông. Đặc biệt là hệ thống bán vòm kèo ở hành lang khá độc đáo. Đối xứng nhau ở hai bên cửa ra vào có các thanh xà ngang bằng đá được đỡ bởi những thanh chống đứng hình khối chữ nhật.

Nền hành lang lót đá thô nguyên tảng rất bền vững. Hành lang được chia thành ba phần (ba gian) bằng nhau, gian chính giữa (trước cửa ra vào) có treo một bức ghi môn bằng gỗ đề tài *Lục quốc phong tượng* với những đường nét chạm khắc sắc xảo, diễn tả cảnh múa hát cung đình rất sống động, mang tính nghệ thuật cao.

Qua khỏi tam cấp là đến cửa chính ra vào miếu. Khung cửa làm bằng đá xanh nguyên khối, hai cánh cửa bằng gỗ sơn đỏ, trên hai cánh cửa có đề chữ Hán Văn Thừa và Võ Uy (quan Văn, quan Võ ngày xưa). Trên hai cột đá hình vuông sát cửa (30cm x 30cm, cao 2m40), khắc chìm cặp liễn đối chữ Hán, sơn đỏ với nội dung tôn vinh các vị Tổ nghề:

*Sáng bá nghệ nguyên lưu tượng tâm độc vận,
Thùy thiên thu thẳng mặc sư thị hàm tôn.*

(Tổ sư đã sáng tạo ra trăm nghề là cái nguồn cho những người thợ giỏi; Tổ sư là những người dùng dây búng mực, đào tạo những bậc thầy từ ngàn năm qua, chúng ta phải biết tôn trọng).

Phía trên cửa là hoành phi bằng đá khắc chữ Hán màu đỏ *Tiên sư tổ miếu*, bên trái đề năm trùng tu miếu (năm Quang Tự thứ 20 - tức năm Giáp Ngọ 1894). Đặc biệt, trên tường sát mái miếu có bức tranh vẽ sơn đen diễn tả cảnh sông núi, dây lá ẩn hiện những bài thơ bằng chữ Hán viết thảo tạo vẻ uyển chuyển, cổ kính như dẫn dắt du khách đến nơi thanh nhàn cực lạc quên đi mọi ưu phiền.

Nội thất Tiền điện (tính từ cửa ra vào): Bên trái trái đặt một đại hồng chung có niên đại thời nhà Thanh (1889), lò đốt nhang đèn bằng gang có niên đại Quang tự 17 (Tân Mão - 1891) và một trống da lớn nằm trên đế gỗ sơn đỏ; bên phải là bàn thờ bằng đá xanh chạm khắc tinh xảo hình dây lá, lưỡng long tranh châu, trên đặt bát hương, mâm trái cây; tượng Phước Đức lão gia đều bằng đá đánh bóng kỹ thuật hiện đại rất sắc xảo.

- **Trung điện:** Còn gọi là sân Thiên tỉnh hay Giếng trời, là nơi thờ trời và đất. Trung điện có mái kiểu bánh ít (hai mái chính, hai mái phụ), lợp ngói âm dương ống ngỗng tráng men xanh, phía dưới trang trí đường riềm hoa văn hình lá bồ đề. Trên bờ nóc mái không trang trí gì, xung quanh mái đều thông thoáng, lộ thiên, đón nhận được nhiều ánh sáng từ thiên nhiên. Nền Trung điện có cấu tạo thấp hơn so với các gian khác khoảng 20cm, lót gạch men xanh. Ở giữa là hai tấm đan bằng đá xanh trang trí hoa văn, có thể mở nắp dễ dàng, phía dưới là hệ thống thoát nước cho toàn mái sau Tiền điện và mái trước Trung điện. Trung điện được tạo dựng bởi hai hàng bốn cột đá vuông. Trên mỗi cột đều treo liễn đối chữ Hán, phía trên xà ngang là các bức hoành phi bằng gỗ nền đen chữ vàng nội dung hướng đến sự tốt lành cho cả người Hoa và Việt. Ở tường bên tả Trung điện có cửa gỗ thông sang nhà thờ các vị tiền bối, kho nhang đèn, trên cửa treo bức hoành phi: *Thiên cổ nhất nhân (từ ngàn năm nay chỉ có một người - Quan Vũ)*. Phía trên bên hữu Trung điện

là bức hoành phi: *Hải quốc trường xuân (Hải quốc (Việt Nam) luôn luôn tươi như mùa xuân).*

- **Hậu điện:** Là nơi thờ Tam vị Tổ sư (Mộc, Đá, Rèn), bên trái thờ Thiên Hậu Thánh Mẫu, bên phải thờ Quan Thánh Đế Quân.

Đây là căn nhà ba gian, được dựng bởi 2 hàng 6 cột, 2 cột gỗ hình tứ giác sơn đỏ. Nền lát gạch hoa màu xanh, trắng. Hậu điện gồm hai mái lợp ngói âm dương ống ngõa men xanh, trên bờ nóc trang trí lưỡng long tranh châu. Đối xứng hai bên là cặp cá hóa rồng. Hậu điện được bài trí các điện thờ, hoành phi, liễn đối, bao lam địa võng do các nghệ nhân dân gian chạm trổ tinh vi, sắc xảo mang tính nghệ thuật cao. Nội dung các bức hoành phi, câu đối phần lớn ca tụng về tài đức của các vị Tổ làm nghề đá, nghề mộc, nghề rèn và nhắc nhở những người làm nghề đá cần thận giữ lấy nghề với tâm chính đức độ.

Nội thất Hậu điện chia làm ba gian, gian giữa thờ Tam vị Tổ sư: chính giữa là ông Ngũ Đấng - vị Tổ nghề Đá; bên phải thờ ông Lỗ Ban - vị Tổ nghề Mộc; bên trái thờ ông Uất Trì Cung - vị Tổ nghề Rèn.

Các bức tượng được tạc bằng đá thô Bửu Long có niên đại từ khi thành lập miếu đặt trong khám thờ bằng đá xanh; xung quanh chạm khắc đề tài rồng châu mặt trời, dây leo, hoa lá, chim điểu, tùng, cúc, trúc, mai... với đường nét sắc xảo, thể hiện tài năng đến không ngờ của các nghệ nhân làng đá Bửu Long. Hai bên khám thờ là cặp liễn đối được khắc chìm trong đá, dát vàng lá với nội dung:

Diệu thủ tu thành kim bửu điện;

Tinh công xảo tạo ngọc long lâu.

(Bàn tay khéo léo của Tổ sư đã xây dựng ngôi điện vàng ngọc; Việc làm tinh xảo, xây dựng khéo léo tạo nên ngôi miếu xinh đẹp như con rồng bằng ngọc).

Gian bên tả thờ Quan Thánh Đế Quân và hai phụ tá của ông là Châu Xương và Quan Bình, tượng làm bằng xi măng. Tượng đặt trong khám thờ bằng đá xung quanh chạm khắc đề tài rồng châu mặt trời, dây leo, hoa lá, chim điểu, tùng, cúc, trúc mai.... Hai bên khám là cặp liễn đối dát vàng lá khắc chìm trong đá, nội dung ca ngợi công lao và tình nghĩa của Quan Thánh Đế Quân đối với các bậc tiền nhân cùng thời:

Nghĩa lẫm nhất tâm phò Hán đình,



Thần lưu thiên cổ ngưỡng đào viên.

(Cái nghĩa lẫm liệt (của Quan Vũ) một lòng phò hộ cho nhà Hán; Cái khí (của Quan Vũ) đã lưu danh ngàn năm khiến người ta rất ngưỡng mộ tình nghĩa chôn đào viên).

Gian bên hữu thờ Thiên Hậu Thánh Mẫu và hai nữ hầu. Các pho tượng làm bằng xi măng; tượng Bà Thiên Hậu tư thế ngồi trong ngai, hai nữ hầu đứng hai bên. Các pho tượng đặt trong khám đá. Phía trước khám là bệ thờ bằng đá, bên trên đặt bát nhang, bình bông, đèn thờ dạng “thất tinh”. Hai bên khám là cặp liễn đối chữ Hán dát vàng lá khắc chìm trong đá với nội dung:



Vạn phái hồi lan y hậu đức,

Thiên thu trứ tự tụng từ hàng.

(*Tạm dịch: Mọi người nhớ ơn Bà Thiên Hậu đã chống đỡ làn sóng dữ và nguyện noi theo cái Đức của bà; Vì vậy mọi người cùng xây dựng lên đèn thờ để ca tụng chiếc bè từ của bà.*)

* **Nhà thờ các vị tiền bối (Tòa nhà bên trái):** trưng bày các hình ảnh hoạt động của miếu và một phần sử dụng làm kho.

Đây là dãy nhà ngang ba gian. Hai mái lợp tôn giả ngói, màu đỏ nâu, nền lát gạch bông, tường xây bằng đá xanh. Toàn bộ mặt trước Nhà tiền bối để trống, không có cánh cửa, quay mặt vào tòa nhà chính giữa thông sang Trung điện.

Phía trên các cột là hệ thống bao lam gỗ sơn màu giả đồng trang trí đề tài chim muông, cây cỏ, hoa lá... Ba gian có kích thước bằng nhau. Gian ngoài cùng (sát sân) được ngăn cách với hai gian trong bởi bức tường đá dày 40cm, có một lối đi nhỏ cánh cửa bằng gỗ, sơn màu đỏ thông qua, nơi đây được sử dụng làm kho nhang đèn. Hai gian trong thông thoáng với nhau. Ở chính giữa tường gian cuối cùng đặt bàn thờ các vị tiền bối có công đóng góp tiền của trùng tu ngôi miếu bằng đá. Trên tường hai gian đều trưng bày hình ảnh hoạt động của miếu đặc biệt là những hình ảnh về Lễ hội làm Chay

* **Nhà khách và nhà bếp (Tòa nhà bên phải):**

Có kiến trúc giống hệt nhà thờ các vị Tiền bối. Mặt trước nhà là hệ thống bao lam bằng gỗ sơn giả đồng, trang trí họa tiết chim muông, cây cỏ, hoa lá... Gian ngoài cùng (sát sân) ngăn cách bởi tường đá được sử dụng làm nhà bếp, hai gian

còn lại được sử dụng làm nhà khách. Nơi đây dùng để tiếp đón khách trong những ngày lễ trọng đại của miếu.

*** Lớp học Sùng Đức:**

Nằm sát nhà thờ các vị Tiên bối (hướng Nam), quay mặt ra sân trong của miếu, lớp học được xây dựng theo kiểu nhà ống (nhà cấp 4). Đây là nơi để dạy cho con em người Hoa bang Hẹ học tiếng Hoa. Đến nay lớp học vẫn duy trì và thu hút cả những người gốc Việt có nhu cầu học tiếng Hoa.

Là vùng đất văn hiến mang trong mình nhiều di sản văn hoá vật thể và phi vật thể quý báu như Cù lao Phố, Văn miếu Trấn Biên, miếu Quan Đế, miếu Thiên Hậu v.v., Biên Hoà còn được biết đến với Lễ hội làm chay của đồng bào người Hoa bang Hẹ tại vùng núi Bửu Long, ngoại vi Biên Hoà.

Hàng năm, Miếu tổ chức lễ vía theo âm lịch:

Thiên Hậu Thánh Mẫu (23/3),

Tổ sư (13/6)

Quan Thánh Đế Quân (24/6).

Thông lệ cứ 3 năm một lần, tại chùa Bà ở Bửu Long tổ chức lễ hội với quy mô lớn. Đó là lễ hội làm Chay (Lễ vía Tổ sư): diễn ra 4 ngày (từ ngày 10 đến ngày 13 tháng 6 Âm Lịch) để cầu an, cầu phúc cho người dân bá tánh. Đây là lễ hội rất lớn của Miếu Tổ Sư cũng như của cộng đồng người Hoa ở Biên Hoà, thu hút bá tánh từ khắp nơi về tham dự.

3.3 Lễ hội làm chay của người Hoa ở thành phố Biên Hoà – tỉnh Đồng Nai

3.3.1 Nguồn gốc lễ hội

Lễ hội làm chay có nguồn gốc rất rõ ràng. Theo một số điển tích mà các cụ bô lão người Hoa bang Hẹ tại địa phương kể lại thì: Trước đây ở vùng Bửu Long có nạn dịch tả, Bà Thiên Hậu nhập đồng vào ông Tào Khương (tiếng Hẹ gọi là Sùng Khoảng) cho biết phải có người lên núi hái đủ 103 vị thuốc bằng lá về trị cho dân làng, người ta làm theo và trong vùng hết nạn dịch. Nhân dân đã tổ chức lễ hội làm chay cúng tạ ơn Bà. Mặt khác, trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp, vùng Bửu Long và Miếu Tổ Sư là nơi một số cán bộ cách mạng của ta bị giết hại nên nhân dân đã phối hợp cúng linh hồn cho các chiến sĩ, cầu an cho dân làng, xua đuổi mọi điều xấu, thoát khỏi các dịch bệnh và cầu siêu cho các vong linh. Nhưng quan trọng hơn cả trong lễ hội làm chay vẫn là dịp để những người làm đá tại địa phương và người Hoa ở Đồng Nai và các tỉnh lân cận tụ họp về đây để tạ ơn Tổ nghề, cầu nghề nghiệp được ăn nên làm ra, phát triển thịnh vượng hơn.

3.3.2 Chương trình lễ hội

Ngày thứ nhất (Khai lễ làm chay), bao gồm các nghi thức: Khai lễ chiêu thỉnh Chư thần; lễ Khai đàn - khai quang điểm nhãn; đãi cơm chay, biểu diễn võ thuật, ca kịch, lân sư rồng.

Ngày thứ hai (Khai kinh cầu an), bao gồm các nghi thức: Lễ khai kinh cầu an; lễ Ngộ môn đáp tướng; đãi cơm chay, biểu diễn ca kịch, lân sư rồng.

Ngày thứ ba (Chánh lễ làm chay), bao gồm các nghi thức: Lễ khai bãng, hội thỉnh lồng đèn; lễ phóng thủy đăng; lễ lập đàn chay, làm lễ bắc cầu; đãi cơm chay, biểu diễn ca kịch, lân sư rồng.

Ngày thứ tư (Kết lễ làm chay), bao gồm các nghi thức: Lễ Cúng thí, xô giàn; cúng cả mặn kết lễ; đãi cơm chay, biểu diễn ca kịch, lân sư rồng.

+ Công tác chuẩn bị và cách bài trí khu vực hành lễ

Đây là một lễ hội lớn, cho nên công tác chuẩn bị rất quan trọng. Vào năm định kỳ, ngay từ lễ vía sanh Bà Thiên Hậu (23 tháng 3 âm lịch), Ban Quản trị miếu thông báo tổ chức lễ và phân công những bộ phận phụ trách các phần việc liên quan.

Ban tổ chức được bầu và thực hiện ngay việc đăng ký danh sách những người tham gia đóng góp kinh phí tổ chức lễ hội. Những người đăng ký có thể góp tiền trước hoặc đăng ứng. Tất cả nguồn kinh phí được tổng kết trước ngày bắt đầu lễ (10/3 - âm lịch). Mức đóng góp tùy có tính chất tự nguyện, tùy điều kiện người đăng ký. Người Hoa quan niệm càng bỏ nhiều tiền vào lễ làm chay, càng được nhiều phúc của Bà và các thần nên có nhiều người tham gia góp phần. Mức chi phí cho lễ hội rất cao, lên tới hàng trăm triệu đồng.

Trước ngày lễ tiến hành, những bài trí trong khu vực hành lễ phải được hoàn tất. Khắp nơi từ trong miếu đến ngoài cổng nhiều đèn lồng, hoa kết, cờ lễ được treo lên tạo một cảnh quan nhiều màu sắc độc đáo. Tại sân miếu, một cây phượng được dựng lên. Cây phượng gồm ba cây tre cao thẳng (trên 10m), dựng thành một hàng, ngọn hương thẳng lên trời. Giữa ba cây tre có chín thanh ngang nối nhau vừa giữ cho chúng đứng vững vừa tạo hình như một chiếc thang bắc lên cao.

Trên cây phượng treo 52 ngọn đèn lồng màu trắng, chữ Hán màu đỏ (mỗi đèn có một chữ), treo thành 5 dây song song với nhau tượng trưng cho năm bậc thần thánh, Tổ nghề được thờ trong miếu. Dây đèn lồng ở giữa treo cao hơn và dài nhất (gồm 20 đèn), phía trên có biểu tượng cờ lệnh và mào, chữ đề “Cung chúc Ngũ Đẳng Tiên Sư bửu đán”. Bốn dây còn lại đối xứng hai bên (mỗi dây 8 đèn) với các dòng chữ “Quốc Tri Tiên Sư”, “Lỗ Ban Tiên Sư”, “Thiên Hậu Thánh Mẫu” và “Quan Thánh Đế Quân”. Cây phượng là điểm báo cho các vị thần linh, Tổ nghề chứng giám lễ cầu an, cầu siêu.

Dưới cây phượng có bàn hương án. Đối diện bên phải có lều bày hương án và hình nộm Ông Tiêu phết màu sắc rực rỡ. Ông Tiêu với hình dáng cao to, đầu đội mũ, hai tay cầm thẻ bài, cờ lệnh, mắt quắc uy nghi, lưỡi thè ra. Ông Tiêu được quan niệm là một biến thể của Quan Âm để chiêu tập tất cả các loại cô hồn. Hai bên Ông Tiêu có là các hình nhân Thổ Địa, Tướng Quân và Thủy Quân có chức năng hộ vệ.

Trong sân còn có dựng đàn có rạp che chắn bốn bên. Đây chính là đàn chay nơi các đạo sĩ thực hiện các nghi cúng tế. Trong rạp được trang trí bàn thờ, tranh ảnh, cờ trướng, liễn đối, nhang đèn, hương hoa... như một điện thờ. Phía trên là tranh bức vẽ Tam Thánh gồm: Thái Thượng Lão Quân, Thông Thiên Giáo Chủ và Hải Triều Thánh Nhân (những vị được xem là Giáo chủ của Đạo Giáo do Lão tử sáng lập). Phía dưới Tam Thánh là một điện thờ phủ vải đỏ, nơi đặt các bài vị các vị Tổ, bài vị thỉnh từ các miếu, chùa và bài vị của trăm họ được thỉnh dự lễ. Dưới điện thờ là bàn hương án và các đồ tế khí của đạo sĩ dùng cúng lễ. Hai bên rạp dán các bức mô tả Thập Điện Diêm Vương (10 cửa ngục âm phủ). Bên cạnh, còn có lều che, bày bàn hương án có hình nộm tượng Phán Quan và các vị lính hầu đội mũ chóp nhọn màu vàng, xử án ở địa phủ.

Trước cửa chùa, hai hình nộm Quan Văn và Quan Võ uy phong trấn giữ Thánh môn. Trong chùa, cảnh trang trí với màu đỏ chủ đạo với hàng trăm đèn lồng treo khắp xà cột. Các bàn thờ, đồ cúng, kiệu rước, giá biểu bài vị, đồ bát bửu sắp xếp ngăn nắp. Tất cả trong tư thế sẵn sàng cho việc lễ khi tiến hành.



Cổng Miếu vào ngày lễ làm chay

+ Nội dung các nghi thức chính lễ hội:

Ngày thứ nhất tổ chức lễ thỉnh sắc Bà Thiên Hậu. Lễ được bắt đầu vào giờ tốt trong buổi sáng với chuông trống gióng lên báo hiệu.

Vị đạo sĩ chủ tế mặc áo choàng đỏ tay cầm nhạc khí vừa gõ vừa tụng kinh Thái Thượng Lão Quân mời Bà Thiên Hậu và các thần thánh cho phép, chúng giám lễ làm chay. Những người được phân công phụ tế, giúp lễ mặc áo dài gấm, đội nón bánh tiêu có lưỡi trai cầm nhang cung kính vái lạy theo đạo sĩ. Sau khi khấn, đạo sĩ cầm xấp kim phong bảng màu đỏ tụng kinh xin keo đi thỉnh sắc Bà. (Kim phong bảng là danh sách tên những người đóng góp kinh phí tổ chức lễ) Những người được chọn hành lễ vía Bà theo tiêu chí tuổi hợp, đạo đức, đóng góp công, của...mặc áo dài có băng vải đỏ bắt chéo qua được phép phục vụ Bà từ lúc khởi lễ cho đến chung cuộc. Tham dự trong thành phần này là một niềm vinh dự cho nhiều người.

Khi xin keo được, một người đi thâu nhang thưng lên bàn thờ Tổ, một người châm rượu và đốt giấy mã vàng bạc tạ ơn. Bài vị Tổ Sư, Thiên Hậu Thánh Mẫu và Quan Thánh Đế Quân được rướcra kiệu. Kiệu Bà được chạm khắc sắc sảo, có hai tầng, sơn đen thép vàng và trang trí các dây băng đỏ rực rỡ. Trên kiệu, đặt bát nhang lớn và hoa tươi, trái cây để thỉnh bài vị. Trước khi khởi kiệu, các đội lân, rồng múa nghinh sân lễ và kiệu Bà.

Đoàn rước thỉnh theo lộ trình từ Miếu Thiên Hậu đến miếu Cây Quăn (nơi thờ Bà trước đây- cách khoảng 1 km). Đi đầu là các đội lân, rồng và đoàn người mang cờ hội, cờ trưởng, dàn nhạc ngũ âm. Tiếp sau là bàn hương án do 4 người khiêng, những người cầm bát bửu và 7 cặp biển bài vị “Tiêu Chinh”, “Quỳ Bí” “Thiên Hậu Nguyên Quân”, “Lỗ Ban Tiên Sư”, “Quốc Trì Cung”, “Ngũ Đình Tiên Sư” và “Hiệp Thiên Thượng Đế” (tức Quan Thánh Đế Quân). Theo sau là đoàn 4 người hóa trang thầy trò Tam Tạng thỉnh kinh rồi đến vị đạo sĩ chánh tế. Sau vị chánh tế là cặp lọng đỏ, kiệu Bà, kiệu được khiêng cẩn trọng. Tiếp sau kiệu Bà đoàn người nhiều thành phần đồng đảo theo lễ rước.

Tại Miếu Cây Quăn, khi xin keo thỉnh sắc xong, đoàn rước trở ra đi vào đến thỉnh bài vị Tiên Cô Nương Nương (miếu Bà Thánh trong khu du lịch Bửu Long) bài vị Thổ Công (tại Miếu thờ công khu du lịch) rồi trở về miếu. Tại các điểm thỉnh sắc, đạo sĩ chánh tế chủ trì và Ban tế tự thực hiện các nghi cúng trong khi đoàn rước chờ bên ngoài.

Trên lộ trình đoàn rước đi qua, nhiều gia đình sắp sẵn lễ vật cúng nghênh đón Bà, sau đó hòa vào đoàn rước về miếu. Tất cả các bài vị thỉnh rước được đặt lên tầng cao nhất của điện thờ. Sau đó, vị chánh tế và thành viên Ban Tổ chức thực hiện việc thỉnh Bà từ Thiên Hậu Cung (một cơ sở thờ Thiên Hậu của người Hoa bang Sùng Chính, phường Hòa Bình) về miếu.

Sau khi cung thỉnh sắc hoàn tất, trước sân miếu, các đội võ thuật biểu diễn các trò hội như múa đao, múa võ... tạo nên không khí vui nhộn. Sau đó, miếu bắt

đầu đón khách đến lễ Bà. Số người tham dự viếng Bà Thiên Hậu trong ngày đầu lễ rất đông đảo.

Chiều tối, bắt đầu lễ khai đàn, khai quang điểm nhãn các tượng thờ và các đồ vật cúng trong chùa. Lễ khai đàn do vị đạo sĩ chủ tế, và 6 phụ tế thực hiện tại đàn chay. Mỗi người cầm một nhạc khí như: trống, chập chĩa, phèng la, kèn, mõ... phụ họa theo lời tụng của chủ tế. Vị chủ tế cầm kim phong bằng và 3 cây nhang vừa tụng kinh vừa làm phép nhiều lần. Sau hai tuần dâng rượu, vị chủ tế đốt giấy mã vàng bạc và dùng đồ binh khí nhúng vào chén rượu (trong có lá bưởi) để trấn đàn. Sau đó, chủ tế dẫn đoàn người đi khắp khu vực hành lễ để thực hiện nghi tủy uế và trở về đàn chay làm phép cuối, đốt sớ.

Tại các bàn hương án, vị chủ tế và hai phụ tế (một người gõ trống, một người đánh chập chĩa) tụng kinh bắt đầu nghi thức khai quang điểm nhãn. Chủ tế cầm con gà trống còn sống nhấc lên cao, đầu gà chúc xuống trước bàn hương án, dùng móng tay cào vào mòng gà cho máu nhỏ vào chén rượu (hòa lẫn với thần sa có vài lá bưởi). Vị chủ tế cầm cây cọ tàu cán dài nhúng vào chén rượu chấm các đồ vật, các tượng trong khu vực hành lễ. Một đạo sĩ phụ tế cầm một cây nhang dài khoảng chấm nhang vào các vị trí, các đồ vật được chủ tế điểm nhãn. Sau khi khai quang điểm nhãn, vị chủ tế trở về bàn hương án điểm nhãn và đốt ba con ngựa giấy (trên lưng có ba vị tướng quân mặc áo màu vàng, đỏ và xanh) đại diện thiên binh, sứ giả mời các thần linh về dự lễ Bà. Tại đàn chay, các đạo sĩ tiến hành đọc kinh.

Ngày thứ hai tổ chức khai kinh cầu an. Từ sáng sớm, một bộ phận giúp lễ và đội lân các gia đình rước các lễ vật cúng (mâm lễ, tháp giấy, bánh...) các gia đình tham gia cúng về miếu. Chọn giờ tốt, vị chủ tế bắt đầu khai kinh cầu an tại đàn chay và các bàn hương án dưới cây phượng, bàn thờ Ông Tiêu. Sau mỗi đoạn kinh, chủ tế và cộng đoàn tham dự cầm nhang vái tạ và đốt giấy mã vàng bạc. Tiếp đến, đoàn cúng lễ đến hương án ông Phán Quan tụng kinh Quan Âm, Địa Tạng kinh và Văn Sinh kinh để cầu siêu cho cô hồn. Chủ tế và cộng đoàn đến cúng tại các bàn thờ trong miếu và sau đó trở lại đàn chay. Các đạo sĩ tiếp tục đọc kinh cầu an. Lúc này, những người tham dự cầm bông huệ cung kính châu nghinh cho đến khi đốt giấy mã, thả nhang kết thúc.

Chiều tối, các đạo sĩ nhập đàn, tụng các kinh Thái Thượng Lão Quân, Thái Nguyệt kinh, tiếp tục làm phép trấn đàn, tủy uế. Từ đàn chay, các vị đạo sĩ đến bàn hương án trước miếu làm lễ Ngũ môn chắc tướng. Sau một tuần trà, tuần rượu, các vị đạo sĩ thay nhau làm nghi dâng sớ, múa cờ lệnh, tụng kinh, dâng hương. Tuần tự, các vị thứ nhất (tượng trưng cho hành Mộc) cầm sớ và cờ lệnh màu xanh; vị thứ hai (tượng trưng cho hành Hỏa), cầm sớ và cờ lệnh màu đỏ; vị thứ ba (tượng trưng cho hành Kim) cầm sớ, cờ lệnh màu trắng; vị thứ tư (tượng trưng cho hành Thủy)

cầm cờ lệnh màu xanh dương; vị đạo sĩ chủ tế (tượng trưng cho hành Thổ) cầm kiếm lệnh và cờ lệnh màu vàng thực hiện nghi đấng.

Vị chủ tế tiếp tục làm nghi tầy uest trước 4 con ngựa (có 4 vị tướng quân), múa điệu bắt ấn, tụng kinh và đốt giấy mã. Một người rót lần lượt ba chung rượu lên 4 con ngựa và bốn đạo sĩ làm động tác cưỡi ngựa đi vòng quanh bàn hương án 4 vòng theo chiều ngược kim đồng hồ. Lần lượt mỗi đạo sĩ cầm số tụng kinh và kết thúc vị chủ tế dâng số báo với các thần thánh. Sau cùng 4 đạo sĩ cầm 4 con ngựa đi theo chiều kim đồng hồ vòng quanh bàn hương án 4 vòng ra cổng chùa hỏa mã.

Buổi chiều, tại các bàn hương án, bàn thờ và các vị trí quan trọng trong khu vực hành lễ được các đạo sĩ tiếp tục đọc kinh cầu an, cầu siêu. Buổi tối, các đạo sĩ đọc kinh cầu an tại đàn chay lần thứ ba.

Ngày thứ ba là chính lễ với nhiều nghi thức lễ hội như khai Kim phong bảng, đấu giá đèn lồng, phóng đấng, phóng sanh, hát bội, bắc cầu Bà, lập đàn chay, cúng thí...

Buổi sáng, các đạo sĩ thay phiên nhau tụng kinh cầu an khắp các nơi hành lễ. Khu vực sân lễ, các đội lân múa hòa vào với dàn nhạc ngũ âm tạo nên một không khí náo nhiệt, cuốn hút nhiều người.

Ngay từ ngày đầu khai lễ, Kim phong bảng được xếp lại thành 3 xấp (tượng trưng cho phúc-lộc-thọ) luôn để trên khay trong các lễ cúng. Vào nghi khai mở, có hàm ý cầu cho những người đậu tiên phụng cúng được phúc lộc thọ). Đạo sĩ chủ tế thắp ba cây nhang trường tụng kinh, và dán Kim phong bảng lên tường và tiến hành nghi thức tầy uest, khai quang điểm nhãn. Sau đó, vị chủ tế xướng tên và tụng kinh cầu phúc cho những người trong Kim phong bảng. Kết thúc, những người trên dâng nhang bái tạ ơn Thiên Hậu.

Sau lễ khai Kim phong bảng, tại miếu tổ chức hội đấu đèn lồng. Số lượng đấu là chín đèn. Khi đấu, thầy cúng đọc những câu thành ngữ tương ứng với thứ tự đèn. Bất kỳ ai thấy hợp với số cầu thì đấu giá. Thông thường, đèn đầu tiên và cuối cùng được nhiều người đấu giá cao. Mỗi đèn có khi giá đấu lên hàng chục triệu đồng.

Không khí đấu đèn rất sôi nổi, hào hứng. Những người tham gia hội vỗ tay, cổ vũ nồng nhiệt mỗi khi giá đèn được nâng lên cao trong tiếng trống hội dồn dập. Ai đấu thắng thì chiếc đèn ngay lập tức được ghi tên chủ nhân. Tục đấu đèn lồng là một trong những nét sinh hoạt văn hóa đặc trưng trong tín ngưỡng của cộng đồng người Hoa.

Tại Thiên Hậu Cổ Miếu, (kể từ lễ chay năm 1995 cho đến nay, Ban tổ chức không còn tổ chức tục đấu đèn). Vào hội chay, miếu sắm nhiều loại đèn lồng, cờ, trướng treo sẵn. Sau lễ khai quang điểm nhãn thì mọi người đều có thể thỉnh tùy

theo mỗi loại. Hình thức này được mọi người tham dự lễ hưởng ứng gia đông đảo vì ai cũng có khả năng “rước lộc” Bà trong mà số tiền không cao.

Buổi chiều, vào nghi xin keo tổ chức phóng đăng, phóng sanh cầu siêu cho thập loại cô hồn. Vị pháp sư chính (mặc áo choàng màu vàng, đội mũ giống Địa Tạng, có hai tua dài thả phía trước) tụng kinh, thắp nhang xin phép thần thánh khởi hành đoàn rước kiệu đến bên sông. Kiệu Bà được trang trí rất nhiều dây băng đỏ, hai bông vải tròn lớn, hai lọng đỏ, hai ngọn thủy đăng, hai đèn lồng trắng. Khi khởi kiệu, đội lân múa chào khắp sân lễ. Đoàn rước gồm toàn người cầm cờ lễ, đội nhạc trống, bàn hương án, những người cầm bát bửu, pháp sư và 4 vị phụ tế (mặc áo màu đỏ), đoàn kiệu Bà và những người tham dự. Lộ trình của đoàn rước từ miếu tới bên sông Tân Thành (thuộc khu phố 3, phường Bửu Long) - địa điểm phóng đăng, phóng sanh.

Tại bên sông, bày một đàn chay, trên có hương án đầy đủ nhang, đèn cầy, bông cúc bông huệ tươi, trái cây, 3 chung rượu. Khi kiệu Bà đến, người ta thỉnh bát nhang, các bài vị đặt lên đàn. Trước đàn là một sân giấy mã và 360 bộ giấy áo trái tới bên sông. Xen kẽ cắm những nén nhang, đặt 18 chén đồ chay cúng cô hồn (gồm 5 món: bún gạo, tàu hũ, củ cải muối, đậu que xào, đậu trắng - đây là 5 món bắt buộc) và một số món chay khác. Trước bàn hương án người ta đặt một con ngựa giấy màu vàng, đèn hoa, chim cá để phóng sanh. Pháp sư thượng đàn, tung nắm nhang thẻ đang cháy khai hỏa bãi giấy mã, tụng kinh cầu siêu. Lễ phóng đăng bắt đầu khi pháp sư niệm chú. Ba mươi sáu chiếc đèn hoa được thả sông. Tiếp theo, pháp sư khai lễ phóng sanh, người trên bờ thả chim se sẻ, người xuống bên sông thả cá trê, cá lóc.

Khi bãi giấy cháy gần hết, người ta đốt con ngựa giấy. Vị pháp sư niệm chú, tung gạo và bông cúng xuống đàn. Lúc này có nhiều người tranh nhau đồ vật cúng thí với quan niệm những thứ này đã được Bà chứng, phù hộ. Từ trên đàn, pháp sư rung chuông kết thúc lễ và đoàn rước trở về miếu.

Buổi tối, bắt đầu nghi thức lập giàn chay và lễ bái cầu cho Bà. Người ta trải tấm vải đỏ rộng, dài từ bàn hương án đàn chay vào tới điện thờ chính trong miếu. Các vị đạo sĩ cầu kinh, những người phụ tế rắc đều bông vạn thọ, cánh bông huệ kín mặt cầu. Bài vị trăm họ (còn được gọi là “phúc lộc đình”) được thỉnh từ trên đàn chính đến trước bàn hương án đàn chay để cầu phúc. Phúc lộc đình là thùng gỗ tròn, vừa được sơn đỏ, bên trong chứa gạo, trên cắm bài vị “Bản mạng nguyên thân”, ba mặt phát giấy kiếng trắng, mái hình chóp. Bên cạnh, có bộ tam khí gồm: cây kiếm lệnh, cây thước mộc và một chiếc gương tròn. Bàn hương án bày đủ các bộ lễ cúng từ cặp đèn cầy lớn, cây đèn dầu Thất tinh bằng đồng, bình bông, mâm trái cây, lư nhang, ba chung trà, ba chung rượu và Phúc lộc đình.

Sau 3 giờ tụng niệm, dâng ba tuần trà, ba tuần rượu, tẩy uế Phúc lộc đình, vị đạo sĩ hành lễ nghi bấc cầu. Hai người lớn tuổi thấp bảy ngọn đèn trên cây Phúc lộc đình. Mỗi người đứng một bên cầu thỉnh Phúc lộc đình vào trong điện thờ chính một cách cẩn trọng, không cho ngọn đèn nào bị tắt. Việc rước Phúc lộc đình có ý nghĩa rước phúc lộc đến với trăm họ. Sau khi Phúc lộc đình đi qua, hai người đi sau từ từ cuốn cầu lại. Lúc này, người tham dự tranh nhau bông tươi rắc trên với ý niệm hưởng lộc Bà. Phúc lộc đình và vải cầu cuốn đặt trên điện thờ Tổ (đứng một tháng sau mới mở ra, lúc đó gạo và bông được phong vào những bao giấy đỏ để bá tánh đến thỉnh lộc). Người thỉnh đem trộn với gạo ở nhà nấu cơm ăn, bông thì pha cùng trà uống với quan niệm như thế sẽ được phúc của Bà

Ngày thứ tư: Từ 2 giờ sáng, bắt đầu khai lễ cúng thí, xô giàn. Một bàn hương án bày trước đàn chay. Trên có hai đài cắm đèn cây, một bình bông, ba chung trà, ba chung rượu, một đĩa gạo, một đĩa muối, một đĩa tàu hũ ki. Đặc biệt, có ba tháp đồ chay được làm bằng cải xanh, bánh bao chay và xôi nếp trắng. Trên đầu mỗi tháp có ba vòng tròn nhỏ dần lên (tượng trưng cho Tam thế Phật giáo) và Tam bảo (Phật, Pháp, Tăng). Trên đỉnh mỗi tháp có hình tượng bàn tay Phật bắt ấn.

Chọn giờ tốt, vị pháp sư (mặc áo choàng màu vàng, đội mũ Địa Tạng) thượng đàn tụng kinh cầu. Pháp sư vừa tụng vừa múa hai tay bắt ấn, sau đó rung chuông (thức tỉnh các cô hồn tề tựu về dự chay siêu thoát), tung giấy mã trong tiếng chuông, trống, chập chĩa... tấu lên. Sau ba tuần trà, ba tuần rượu, pháp sư ra ngoài công cúng thí.

Giữa cây phương và Ông Tiêu bày đầy giấy mã và 3.600 bộ giấy áo (gấp mười lần ở bến sông phóng sanh) Trên có nhiều đèn cây, bạch lạp, hoa tạo nên một cảnh huyền ảo giữa lúc trời chưa sáng hẳn. Chung quanh bày nhiều tháp đồ chay do các gia đình đem tới cúng thí. Khi bãi giấy mã được khai hỏa cũng là lúc nghi xô giàn bắt đầu. Vị pháp sư vừa tụng kinh, làm phép đốt 3.600 bộ giấy áo. Người ta lần lượt đem hình nộm Ông Tiêu Phán Quan và các hình nhân khác ra đốt. Cây phương được hạ xuống và đưa 52 chiếc đèn lồng ra đốt. Pháp sư quăng tháp bánh bao ra ngoài thí cô hồn, (hai tháp rau cải và xôi nếp tượng trưng cho Phật được giữ lại trả cho miếu). Nghi xô giàn cuốn hút nhiều người tham gia, họ tranh nhau những đồ cúng thí, mảnh vỡ từ hình nộm Ông Tiêu, đèn lồng, tháp bánh trong cảnh náo nhiệt, vui nhộn.

Trở vào miếu, pháp sư vừa tụng kinh kết thúc lễ cầu siêu. Những đồ vật dùng trong lễ như: Kim phong bảng, tranh, ảnh, liễn trang trí được đặt lên vị sứ giả cuối ngựa bằng giấy màu đỏ đem ra sân khai hỏa.

Buổi sáng, bắt đầu cúng nhả mặn. Trong miếu soạn sẵn những mâm cúng mặn gồm: một con dê đực làm thịt để sống cúng trước bàn thờ Quan Đế, một con heo làm thịt để sống cúng trước bàn thờ Tổ và một con heo quay đồ cúng trước bàn

thờ Bà Thiên Hậu. Trên các bàn thờ còn có gà luộc và các loại trái cây, nhang đèn. Trên bàn thờ chính nơi thờ Tổ đặt Phúc lộc đình, cây đèn dầu thắp tinh (bảy ngọn), hai đài nến, bông, nhang trường và chò trái cây. Năm vị thầy cúng tụng kinh, gõ nhạc khí phụ họa lời cúng tạ ơn Bà và các thần thánh. Sau đó, đoàn hành lễ rước đến đàn chay khai lễ thỉnh an bài vị. Hình thức như ngày thỉnh sắc, đoàn rước theo lộ trình đưa bài vị các vị thần an vị nơi mình được thờ trước khi về chứng lễ. Trong những đêm diễn ra lễ hội, nhiều đoàn hát đến diễn những tuồng tích xưa, thu hút nhiều người xem. Trờ về miếu, các thầy cúng tụng kinh kết thúc cho toàn lễ chay.



Một tiết mục hát tuồng trong ngày lễ

Lễ hội Bà Thiên Hậu (phường Bửu Long), có tính đặc trưng cho tín ngưỡng thờ Thiên Hậu của cộng đồng người Hoa ở Biên Hòa. Đây là lễ hội Bà có quy mô lớn nhất ở Đồng Nai và thu hút nhiều người dân tham dự.

Những nghi thức lễ cho thấy có sự dung hợp của Đạo giáo, Nho giáo và Phật giáo; trong đó vai trò của Đạo giáo chủ đạo với lực lượng đạo sĩ hành lễ. Nghi lễ của Đạo giáo được dùng trong lễ cầu an, cầu phúc; nghi lễ cầu siêu, cúng thí cô hồn thì lại mang tính chất Phật giáo. Tính dung hợp nhiều lễ nghi trong hội lễ miếu Bà Thiên Hậu là một hiện tượng khá độc đáo.

3.3.3 Một số giá trị văn hóa của lễ hội làm chay tại Miếu Tổ sư

Giá trị văn hóa xã hội

Miếu là nơi tụ họp của cư dân nghề đá Bửu Long, nơi bảo lưu, gìn giữ một làng nghề đã nuôi sống 50% cư dân làm nghề đá ở địa phương từ bao đời nay.

Đặc biệt là vào dịp Lễ hội làm Chay - là lễ hội lớn nhất của người Hoa ở Đồng Nai. Đây là dịp cộng đồng người Hoa, người Việt gặp mặt giao lưu văn hóa với nhau, trao đổi kinh nghiệm làm ăn, chuyện gia đình, con cái học hành đỗ đạt và xây dựng gia đình văn hóa, khu phố văn hóa.

Qua mỗi lần tổ chức Lễ hội làm Chay xong, Ban Trị sự miếu lại bàn tính việc sửa sang ngôi miếu cho khang trang, to đẹp hơn giúp công tác xã hội hóa tại di tích ngày càng nâng cao. Đặc biệt, miếu luôn mở lòng hướng thiện tìm về những mảnh đời cơ cực, những địa phương bị thiên tai, lũ lụt từ khắp mọi miền Tổ quốc. Theo đại diện Ban Trị sự miếu cho biết:

Mỗi năm, đặc biệt là trong 2 tháng 8 và 9, sau khi tổ chức Lễ hội làm chay xong, Ban trị sự Miếu đã tổ chức cấp phát từ 4-5 tấn gạo cho hộ nghèo ở 5 khu phố (Khu phố I, II, III, IV, V) và những người làm công quả ở Miếu trong 3 ngày lễ; ủng hộ đồng bào miền Trung lũ lụt khoảng hơn 1 tấn gạo, hàng triệu đồng cũng được Ban Trị sự miếu gửi đến những thanh niên lên đường nhập ngũ; cho Hội khuyến học do Mặt trận tổ quốc khu phố, những người có hoàn cảnh khó khăn tại địa phương thông qua Hội Chữ thập đỏ của địa phương và tỉnh Đồng Nai.

Có thể nói, Miếu Tổ sư không chỉ là nơi thể hiện tấm lòng của nhân dân đối với ba vị tổ nghề, đối với Thiên Hậu Thánh Mẫu và Quan thánh Đế Quân nhằm thỏa mãn nhu cầu văn hóa tâm linh, ý thức hòa nhập cộng đồng, ôn lại những giá trị văn hóa truyền thống bao đời mà còn là biểu hiện của tín ngưỡng tôn giáo Trung Quốc, được người Hoa sùng tín, được người Hẹ bảo tồn, duy trì cho đến ngày nay. Đây là sản phẩm phi vật thể rất có giá trị trong hệ thống các cơ sở tín ngưỡng ở Biên Hòa và Đồng Nai. Lễ hội đã góp phần làm phong phú, đa dạng giá trị của nó trong cộng đồng người Hoa và cả người Việt ở địa phương

Tất cả những việc làm đó đã thể hiện mối liên kết, tình tương thân tương ái, tình làng nghĩa xóm truyền thống được hun đúc, gìn giữ từ bao đời nay của cả người Hoa và người Việt. Đây cũng chính là nét đẹp trong giao lưu văn hóa Việt – Hoa.

Qua từng hoạt động của Lễ hội làm chay, người Hoa bang Hẹ đang góp phần thực hiện hai sứ mệnh cao cả: Một là gìn giữ bản sắc văn hoá người Hoa bang Hẹ, làm phong phú hơn văn hoá Việt Nam, hai là nỗ lực hoà đồng vào cộng đồng chung các dân tộc Việt Nam.

Hơn 320 năm sống trên quê hương mới, cộng đồng người Hoa với truyền thống văn hóa lâu đời luôn ý thức giữ gìn và phát huy đời sống văn hóa xã hội trong cộng đồng các dân tộc. Ngày nay, người Hoa cùng với người Việt và các dân tộc cùng đoàn kết chung sức chung lòng xây dựng quê hương Đồng Nai ngày càng trở nên vùng đất giàu tiềm năng và đậm đà bản sắc văn hóa dân tộc.

Giá trị văn hóa giáo dục:

Đến với lễ hội Miếu Tổ hôm nay là về với lễ hội truyền thống dân gian thể hiện lòng biết ơn và tôn vinh các ngành nghề. Đây là một loại lễ hội có ý nghĩa nói lên truyền thống “tôn sư trọng đạo”, “uống nước nhớ nguồn”, “ăn quả nhớ người trồng cây” của những người làm nghề đá, nghề rèn và nghề mộc.

Lễ hội làm Chay không chỉ nhằm mục đích tôn vinh ba vị tổ nghề mà kết hợp cả tín ngưỡng thờ bà Thiên Hậu, Quan Thánh Đế Quân, lấy hình ảnh những con người siêu nhiên đức độ nhằm hướng nhân cách và tâm lý cộng đồng. Bên cạnh đó, lễ hội Miếu Tổ sư còn là dịp để nhân dân cầu siêu cho vong linh các chiến sĩ cách mạng trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ nơi đây. Gắn với những chiến công của các thế hệ đi trước, di tích góp phần giáo dục cho thế hệ trẻ nhận thức được một giai đoạn lịch sử hào hùng của dân tộc. Đây không chỉ giúp thế hệ trẻ ngày nay có nhận thức đúng đắn về lịch sử mà còn góp phần làm tăng thêm lòng yêu nước, lòng tự hào, tự tôn dân tộc, từ đó tiếp tục phát huy truyền thống, đạo lý tốt đẹp “uống nước nhớ nguồn” “ăn quả nhớ kẻ trồng cây”. Đến với Miếu tổ sư, mỗi người đều mang lòng biết ơn sâu sắc đối với các thế hệ đi trước - những người đã anh dũng, kiên cường chiến đấu, hi sinh để giữ gìn độc lập của đất nước. Chính điều đó tạo nên tính chất lâu bền cho di tích và lan truyền rộng rãi cho nhiều thế hệ sau.

Phong cách kiến trúc nghệ thuật đặc sắc cũng như những nghi thức mang yếu tố thuần phong mỹ tục thể hiện trong lễ hội Miếu Tổ sư, như: người tế lễ mặc trang phục chỉnh tề, có phân cao thấp tôn ti,... biểu diễn các loại hình văn hóa phi vật thể: diễn xướng, múa lân sư rồng, múa hầu... cũng góp phần không nhỏ trong việc giáo dục thế hệ trẻ hiểu biết sâu hơn cũng như bảo tồn, kế tục và phát huy nguồn gốc văn hóa tộc người mình: đó là về tín ngưỡng văn hóa dân gian, về những loại hình văn hóa nghệ thuật mang đậm bản sắc dân tộc.

Hàng năm cứ vào ngày 5 tháng 9 Ban trị sự Miếu tổ chức khai giảng lớp học tiếng Hoa miễn phí cho con em đồng bào người Hoa bang Họ, lớp học thu hút khá nhiều học viên tham gia trong đó có cả những người gốc Việt. Việc dạy và học tiếng Hoa này không chỉ giúp các thế hệ trẻ của người Hoa bang Họ duy trì được ngôn ngữ mẹ đẻ của mình mà còn có ý nghĩa nhắc nhở con cháu nhớ đến cội nguồn của dân tộc.

Giá trị văn hóa du lịch:

Là ngôi miếu duy nhất ở Đồng Nai gắn liền với sự phát triển của một làng nghề truyền thống tồn tại ở vùng đất Bửu Long – Biên Hòa, với lợi thế về địa hình (nằm trên tỉnh lộ 24 – đường đi Làng Bưởi Tân Triều, Thác Trị An và Chiến Khu Đ), Miếu sẽ là địa điểm thuận lợi, thu hút du khách tham quan, góp phần tạo tuyến du lịch hấp dẫn cho các đoàn nghiên cứu, du khảo về nguồn.

Nét kiến trúc nghệ thuật độc đáo cũng như bầu không khí tung bừng cùng nhang khói thành kính trang nghiêm – một nét sinh hoạt tiêu biểu cho tín ngưỡng người Hoa diễn ra trong các lễ hội tại Miếu là nguồn tài nguyên văn hóa cho hoạt động phát triển du lịch. Vì vậy có thể nói Miếu Tổ sư (chùa Bà Thiên Hậu) là điểm dừng chân lý tưởng không thể thiếu trong cẩm nang du lịch khi du khách đến tham

quan quê hương Đồng Nai yêu dấu. Đây là cơ sở cho sự phát triển du lịch văn hóa hành hương (du lịch tâm linh) góp phần quảng bá hình ảnh vùng đất, con người Đồng Nai đến với bạn bè trong nước và quốc tế, thúc đẩy phát triển kinh tế du lịch tỉnh nhà.

4. NHỮNG HOẠT ĐỘNG BẢN THÂN SẼ THAM GIA TRONG VIỆC BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY BẢN SẮC VĂN HÓA DÂN TỘC TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

Bản sắc văn hóa dân tộc đã được Đảng cộng sản Việt Nam coi như là một trong những đặc trưng của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, là giá trị cốt lõi nhất của nền văn hóa, thể hiện tâm hồn, cốt cách, lý trí, sức mạnh của dân tộc, tạo nên chất keo kết nối các cộng đồng người gần bó, đoàn kết với nhau để cùng tồn tại và phát triển. Chính vì vậy, việc phát huy vai trò của thanh niên trong giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong giai đoạn hiện nay. Trong bối cảnh hội nhập quốc tế, việc giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc lại càng trở thành yêu cầu cấp thiết, đặc biệt là việc giữ gìn những giá trị tinh hoa cốt lõi của dân tộc đã được hun đúc qua hàng ngàn năm lịch sử dựng nước và giữ nước.

Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII đã chỉ rõ: “Bản sắc dân tộc bao gồm những giá trị bền vững, những tinh hoa của cộng đồng các dân tộc Việt Nam được vun đắp nên qua lịch sử hàng ngàn năm đấu tranh dựng nước và giữ nước. Đó là lòng yêu nước nồng nàn, ý chí tự cường dân tộc, tinh thần đoàn kết, ý thức cộng đồng gắn kết cá nhân - gia đình - làng xã - tổ quốc; lòng nhân ái, khoan dung, trọng nghĩa tình, đạo lý, đức tính cần cù, sáng tạo trong lao động; sự tinh tế trong ứng xử, tính giản dị trong lối sống... Bản sắc văn hóa dân tộc còn đậm nét cả trong các hình thức biểu hiện mang tính dân tộc độc đáo” (Trích: Ban Tư tưởng Văn hóa Trung ương, *Tài liệu tham khảo phục vụ nghiên cứu quán triệt Nghị quyết hội nghị lần thứ 5 ban chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1998).

Là viên chức hiện đang công tác tại Thư viện tỉnh Đồng Nai, với đặc thù nghề nghiệp của đơn vị, để bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, bản thân tôi cùng toàn thể cán bộ thư viện sẽ không ngừng tích cực tham gia các hoạt động:

Tăng cường bổ sung, sưu tầm các tài liệu viết về văn hóa Việt Nam, đặc biệt là văn hóa về phong tục tập quán, tín ngưỡng dân gian của người Biên Hòa - Đồng Nai qua các hình thức: mua, trao đổi, liên hệ với: nhà xuất bản Đồng Nai, Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ, Sở Văn hoá Thể thao và Du lịch, Bảo tàng Đồng Nai, Ban Quản lý danh thắng - di tích Đồng Nai, Thư viện các tỉnh lân cận và cả những người dân địa phương...

Trau dồi thêm kiến thức, cụ thể ngoài công tác chuyên môn nghiệp vụ sẽ tìm hiểu thêm tài liệu về văn hóa để nắm và hiểu được những nội dung, giá trị các lễ hội của địa phương, của đất nước để giới thiệu/giải thích trực tiếp với con em mình hay với các bạn đọc của thư viện vào những ngày lễ, ngày tết của dân tộc, của đất nước hoặc giới thiệu, trưng bày tài liệu thông qua tủ sách Văn hóa dân gian Việt Nam nói chung và Đồng Nai nói riêng tại phòng đọc thư viện/ bảng thông tin chuyên đề

Tiếp tục xây dựng chuyên đề Văn hóa Việt Nam phong phú đa dạng trên Website thuviendongnai.gov.vn, trong đó không chỉ tập hợp những bài viết khắc họa nét văn hóa dân gian của các dân tộc trên cả nước mà còn bao gồm cả những tư liệu giới thiệu về phong tục, tập quán, lễ hội của các dân tộc sinh sống trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Lồng ghép các nội dung, chuyên đề về văn hóa dân gian của dân tộc, của địa phương trong việc tổ chức Hội thi Kể chuyện và vẽ tranh theo sách hàng năm cho các em thiếu nhi; trong các chương trình đố vui, hái hoa dân chủ nhân chào mừng Ngày sách Việt Nam và văn hóa đọc.

Cố gắng trực tiếp tham dự ít nhất từ 1 - 2 lễ hội của địa phương đồng thời tuyên truyền phổ biến đến đồng nghiệp, gia đình, bạn bè... cùng tham gia để qua đó bản thân mình cũng như tất cả mọi người biết và hiểu rõ hơn nét đẹp văn hóa đặc biệt là những giá trị văn hóa chứa đựng trong mỗi phong tục tập quán, tín ngưỡng dân gian của dân tộc nơi mình sinh sống và công tác, từ đó có ý thức giữ gìn và bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc hiệu quả, thiết thực hơn.

Trước bối cảnh hội nhập quốc tế, tác động của mặt trái cơ chế thị trường, văn hóa phương Tây và văn hóa phương Đông du nhập vào nước ta một cách tràn lan, bên cạnh văn hóa trong sạch, lành mạnh thì sản phẩm tiêu cực cũng nhanh chóng thâm nhập, len lỏi vào mọi ngõ ngách, tâm hồn, đời sống của con người Việt Nam trong đó có thanh thiếu niên. Thanh thiếu niên là đối tượng tiếp thu và đón nhận văn hóa đó một cách nồng nhiệt và nhanh chóng nhất. Có một bộ phận không nhỏ thanh thiếu niên đi tham gia vào những lễ hội truyền thống chỉ với mục đích đi giải trí là chính, họ đến với lễ hội truyền thống không phải với thái độ thành tâm hướng về cội nguồn, hiện tượng đua cờ trong lễ hội, xem bói, xem quẻ xuất hiện ngày càng trở nên phổ biến... Đây là những hiện tượng cần được chú ý trong quá trình giáo dục thanh thiếu niên hiện nay. Với vai trò, chức năng là định hướng giáo dục (giáo dục gián tiếp thông qua sách báo), cán bộ ngành thư viện chúng tôi phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể địa phương cố gắng tuyên truyền, giới thiệu, tăng cường luân chuyển những tài liệu về chủ trương, đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước về lĩnh vực văn hóa cũng như các tài liệu liên quan đến lĩnh vực này xuống các cơ sở: trường học, xí nghiệp, khu dân cư... để người dân nhất là thanh

thiếu niên nắm được những điều nên làm và những điều cần tránh khi tham gia các lễ hội hoặc ít nhất sẽ hạn chế được những hành vi, biểu hiện tiêu cực đi ngược với bản sắc văn hóa của dân tộc mình.

Những chuyến xe lưu động phục vụ sách đến cho bà con vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số từ đầu năm 2018 và tiếp tục thực hiện trong thời gian tới của thư viện tỉnh Đồng Nai đẩy mạnh hướng đến cũng là một trong những hoạt động góp phần không nhỏ trong việc bảo tồn và phát huy bản sắc dân tộc, bởi những con chữ, những thông tin về các lĩnh vực của dân tộc, của đất nước được truyền tải đến cho đồng bào nhân dân giúp họ nâng cao dân trí, thực hiện đúng đường lối chính sách của Đảng, của nhà nước, tránh rơi vào trường hợp bị các thế lực phản động lợi dụng lôi kéo.

Thời gian tới, với việc sưu tầm các mẫu chuyện dân gian của Đồng Nai tôi dự định sẽ đưa một vài câu chuyện do chính mình đọc lên kênh youtube, facebook. Cách đọc truyện online trên các trang xã hội tuy nhiều nhưng với những mẫu chuyện dân gian của địa phương có lẽ chưa phổ biến nên tôi muốn thực hiện điều này như một phần nhỏ đóng góp cho công tác bảo tồn và phát huy bản sắc dân tộc của địa phương cũng như của đất nước.

Cùng với việc thực hiện các hoạt động nêu trên, bản thân tôi cũng mong muốn thời gian tới:

Các nhà nghiên cứu khoa học về văn hóa dân gian sẽ có thêm nhiều công trình, tư liệu viết về văn hóa dân gian đặc biệt là xuất bản các truyện tranh cổ/truyện tranh dân gian có hình ảnh cho thiếu nhi; hoặc xây dựng phim hoạt hình về sự tích, lễ hội dân gian của địa phương, vì đây là kênh thông tin dễ đi vào tâm trí các em.

Phổ biến các trò chơi dân gian trong hoạt động ngoài giờ lên lớp trong nhà trường, trong cộng đồng (trung tâm giáo dục thường xuyên, nhà văn hóa,..)

Ngày nay, việc giữ gìn bản sắc văn hóa các dân tộc không chỉ góp phần xây dựng, phát triển đời sống văn hóa tinh thần lành mạnh cho đồng bào dân tộc, cho nhân dân địa phương mà còn là nguồn lực thúc đẩy lĩnh vực du lịch, kinh tế - xã hội của địa phương ngày càng phát triển.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Bản sắc dân tộc và văn hóa Đồng Nai*. Huỳnh Văn Tới. Nxb. Đồng Nai, 1998
2. *Địa chí Đồng Nai : Văn hóa – Xã hội*. Nxb Tổng hợp Đồng Nai, 2001.
3. *Những sinh hoạt văn hóa tín ngưỡng dân gian của cư dân Việt ở Đồng Nai* : Luận án phó tiến sĩ khoa học lịch sử chuyên ngành : Lịch sử văn hóa và nghệ thuật mã số 50313. Huỳnh Văn Tới
4. *Văn hóa tín ngưỡng dân gian người Hoa Đồng Nai*. Nguyễn Thị Nguyệt, Nxb. Mỹ thuật, 2016
5. *Tìm hiểu một số phong tục, tập quán, tín ngưỡng, tôn giáo, các dân tộc vùng Đông Nam bộ và Đồng bằng sông Cửu Long*. Đặng Văn Cường chủ biên, Nguyễn Văn Thiết, Nxb. Quân đội nhân dân, 2013
6. *Giữ gìn và phát huy tài sản văn hóa các dân tộc ở Đông Nam Bộ*, Nxb. Khoa học xã hội, 1997
7. Trang điện tử baodongnai.com.vn
8. Trang điện tử dongnai.vncgarden.com
9. Trang điện tử dongnai.gov.vn
10. Trang điện tử thuviendongnai.gov.vn